

Số: **225** /BC-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO
VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2021-2025 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính gửi Hội đồng nhân dân Thành phố Báo cáo về “Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội” theo Chương trình kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026.

**Phần I
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020**

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2016-2020 được thực hiện trong bối cảnh có nhiều cơ hội, thuận lợi rất cơ bản, nhưng cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, kể cả tình huống mới chưa có tiền lệ. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp. Chủ nghĩa bảo hộ và cạnh tranh thương mại, đầu tư gia tăng.

Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài và ảnh hưởng nặng nề trên cấp độ toàn cầu, tác động toàn diện, mạnh mẽ đến các mặt đời sống xã hội của Thủ đô và cả nước; Thành phố đã phải tập trung nguồn lực để thực hiện “*nhiệm vụ kép*”, vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì phát triển kinh tế.

Với vai trò trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, một đô thị đặc biệt, Thủ đô Hà Nội còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn khác như: Là mục tiêu trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch, phản động; dân số đông và gia tăng cơ học nhanh; hạ tầng KTXH chưa đồng bộ và chưa theo kịp yêu cầu phát triển... Nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển Thủ đô ngày càng lớn, tính chất nhạy cảm, phức tạp đan xen, nhiều vấn đề đột xuất phát sinh trong khi những vướng mắc, bất cập về thể chế, chính sách, nhất là cơ chế đặc thù về quy hoạch, xây dựng, đầu tư công, thu hút vốn đầu tư xã hội, bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý đô thị... chậm được tháo gỡ.

Thành phố đã triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo các: Nghị quyết của Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI; 08 chương trình công tác toàn khóa, 02 nghị

quyết chuyên đề của Thành ủy; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể; xây dựng, ban hành Kế hoạch về phát triển KTXH, Chương trình hành động về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển KTXH, huy động các nguồn lực và dự toán ngân sách hàng năm.

Thành phố đã triển khai thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Trung ương; Chủ động phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương tổ chức sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020; Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội; Tổng kết công tác phối hợp phát triển trong Vùng Thủ đô và 11 tỉnh, thành phố Vùng Kinh tế trọng điểm (KTTĐ) Bắc Bộ.

Ngay từ cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Thành phố đã triển khai thực hiện: Cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; Rà soát tiết kiệm chi ngân sách; Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các lĩnh vực quản lý; Chương trình trồng 1 triệu cây xanh; Rà soát, xây dựng cơ chế chính sách phục vụ phát triển KTXH;... Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, giúp đỡ của các tỉnh, thành phố trong nước và bạn bè quốc tế, với tinh thần năng động, chủ động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, KTXH Thủ đô đã vượt qua khó khăn, nhất là đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và đạt được những kết quả nổi bật.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

1. Kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, cơ cấu chuyển dịch tích cực; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh được cải thiện

1.1. Kinh tế Thủ đô tiếp tục tăng trưởng khá, đóng góp quan trọng trong tăng trưởng cả nước

Bình quân giai đoạn 2016-2019, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,38% (trong khung kế hoạch từ 7,3-7,8%¹). Năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, hầu hết các chỉ tiêu tăng trưởng thấp hơn trung bình giai đoạn 2016-2019, trong đó GRDP tăng 4,18%². Bình quân 5 năm 2016-2020, GRDP tăng 6,73% - tuy không đạt kế hoạch nhưng cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh (6,44%) và gấp 1,12 lần mức tăng cả nước (5,99%); Trong đó, đóng góp nhiều nhất là ngành dịch vụ với 4,22 điểm % tăng trưởng GRDP; Công nghiệp và xây dựng đóng góp 1,86 điểm %; Thuế sản phẩm đóng góp 0,59 điểm %; Nông nghiệp đóng góp 0,06 điểm %.

Quy mô GRDP năm 2020 đạt 1,02 triệu tỷ đồng, khoảng 43,9 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt 5.325 USD, gấp 1,29 lần so với năm 2015, gấp

¹ Chỉ tiêu đề ra đầu nhiệm kỳ: GRDP tăng bình quân từ 8,5-9,0%; GRDP/người đạt 140-145 triệu đồng vào năm 2020; Chỉ tiêu được quy đổi như sau: GRDP tăng bình quân từ 7,3-7,8%; GRDP/người đạt 126-129 triệu đồng

² Năm 2020: Cả nước tăng 2,91%; Tp. Hồ Chí Minh tăng 1,36%; Đà Nẵng giảm 7,99%. Bình quân 5 năm 2016-2020: Cả nước tăng 5,99%; Tp. Hồ Chí Minh tăng 6,44%

1,92 lần bình quân cả nước³. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 85,77% lên 86,74%, khu vực nông nghiệp từ 2,54% giảm còn 2,24%, thuế sản phẩm từ 11,69% giảm còn 11,02%.

Tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 7,31%. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành dịch vụ tăng 3,83%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 6,60%. Hạ tầng thương mại nội địa (trung tâm logistics, cảng cạn, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ) được chú trọng phát triển⁴. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt 584,7 nghìn tỷ đồng, gấp 1,55 lần năm 2015, tăng trung bình 9,15%/năm (giai đoạn 2016-2019 tăng 10,83%/năm); các hình thức thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại, thương mại điện tử phát triển mạnh, chiếm khoảng 7,0% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ. Công tác quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm được kiểm soát dưới 4,2%⁵ và góp phần quan trọng ổn định tình hình kinh tế vĩ mô cả nước.

Mặc dù bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020 nhưng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 tăng cao hơn giai đoạn trước. Năm 2020, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 44,19 tỷ USD, gấp 1,22 lần so với năm 2015; trong đó: Kim ngạch xuất khẩu 15,16 tỷ USD, trung bình giai đoạn 2016-2020 tăng 7,67%/năm, cao hơn 2,42 điểm % so với giai đoạn 2011-2015 (giai đoạn 2011-2015 tăng 5,25%/năm); Kim ngạch nhập khẩu 29,03 tỷ USD, trung bình giai đoạn 2016-2020 tăng 2,46%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng 3,69%/năm).

Du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Năm 2019, Hà Nội đón 21,92 triệu lượt khách nội địa, 7,02 triệu lượt khách quốc tế, chiếm trên 37% lượng khách quốc tế của cả nước, xứng đáng vai trò trung tâm điều phối du lịch lớn nhất khu vực phía Bắc, một trung tâm lớn của cả nước và lọt top 10 điểm đến hàng đầu thế giới. Bình quân giai đoạn 2016-2019, khách nội địa tăng 7,5%/năm, khách quốc tế tăng 21,2%/năm và doanh thu du lịch tăng 17,6%/năm. Năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, khách nội địa đạt 8,65 triệu lượt, khách quốc tế đạt 1,11 triệu lượt, giảm tương ứng là 65,6% và 84,2% so với năm 2019; các chỉ tiêu về du lịch không đạt mục tiêu đề ra (lượng khách, doanh thu du lịch).

Hoạt động của các tổ chức tín dụng đạt kết quả tích cực, vốn huy động liên tục tăng; lưu thông tiền tệ và các dòng vốn bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động bình quân đạt 15,3%/năm⁶, tốc độ tăng dư nợ tín dụng đạt 15,2%/năm. Thực hiện tốt Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đến hết năm 2020 dư nợ cho vay đạt 549,52 nghìn

³ GDP/người năm 2020: Cả nước 2.779 USD người; Tp. Hồ Chí Minh 6.400 USD

⁴ Hà Nội hiện có 02 trung tâm logistics (Trung tâm Logistics Hateco; Trung tâm Logistics - ga Yên Viên); 02 cảng cạn ICD/21 cảng của cả nước (tại Mỹ Đình – 5,2 ha và Gia Thụy – 01 ha); 28 trung tâm thương mại; 142 siêu thị; 1840 cửa hàng tiện ích; 455 chợ; 493 cửa hàng xăng dầu; 1708 cửa hàng kinh doanh LPG chai; 415 máy bán hàng tự động; 11.930 website ứng dụng thương mại điện tử.

⁵ CPI các năm như sau: 2016 tăng 3,0%; 2017 tăng 3,0%; 2018 tăng 4,2%; 2019 tăng 3,8%; 2020 tăng 2,67%.

⁶ Đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD đạt 3,75 triệu tỷ đồng, chiếm 28% của cả nước, tăng 12,91% so với thời điểm ngày 31/12/2019; tổng dư nợ đạt 2,2 triệu tỷ đồng, tăng 9,58%.

tỷ đồng. 100% ngân hàng đã triển khai dịch vụ internet banking, mobibanking; các loại ví điện tử, tiện ích thẻ được mở rộng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Khu vực công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 7,99%. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, công nghiệp tăng 5,19%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 7,43%/năm. Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu (khoảng 91%). Đã lựa chọn, công nhận 117 sản phẩm của 77 doanh nghiệp là sản phẩm công nghiệp chủ lực, trong đó có 12 doanh nghiệp trong Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao đã có bước phát triển khá như: Điều khiển kỹ thuật số, tự động hóa, rô-bốt, nano, plasma, laser, công nghệ sinh học. Hà Nội luôn là địa phương dẫn đầu cả nước về doanh thu công nghiệp ICT (năm 2020 đạt khoảng 300 nghìn tỷ đồng), với khoảng 16 nghìn doanh nghiệp CNTT trên địa bàn Thành phố và có 02 trên tổng số 05 khu công nghiệp CNTT tập trung của cả nước. Nhiều sản phẩm công nghệ cao, thiết bị thông minh (SmartTV, SmartPhone,...) được sản xuất tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp (CCN) tiếp tục được phát triển. Trên địa bàn hiện có 9 khu công nghiệp đang hoạt động, diện tích 1.304 ha; 06 khu công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy 100%. Đã quy hoạch 159 CCN với tổng diện tích 3.039 ha, trong đó 70 CCN đang hoạt động ổn định với diện tích 1.583 ha, 43 CCN mới được thành lập trong năm 2020 với diện tích 753,3 ha. Tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích phát triển; đã có 1.350 làng nghề và làng có nghề, thu hút hàng chục nghìn lao động, trong đó 313 làng được công nhận là làng nghề, làng nghề truyền thống.

Lưới điện của Thành phố đảm bảo nhu cầu điện cho mọi hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn với chất lượng điện và độ tin cậy được cải thiện đáng kể. Sản lượng điện thương phẩm năm 2020 đạt 20,65 tỷ kWh, gấp 1,6 lần năm 2015 (tăng bình quân 9,98%/năm). Thời gian mất điện trung bình cho một khách hàng (chỉ số SAIDI) từ 964,8 phút (năm 2016) giảm còn 179,26 phút (năm 2020). Doanh nghiệp, người dân dẫn đầu cả nước trong phong trào thực hiện tiết kiệm điện; Tỷ lệ tổn thất điện năng giảm, năm 2020 còn 3,72%.

Ngành xây dựng tăng trưởng vượt trội với tốc độ trung bình 10,72%/năm (giai đoạn 2016-2019 tăng 11,25%; năm 2020 tăng 8,66%), cao hơn giai đoạn 2011-2015 (6,49%), tỷ trọng trong GRDP tăng từ 6,42% năm 2015 lên 7,86% năm 2020, góp phần quan trọng tạo diện mạo đô thị mới, hiện đại cho Thủ đô.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016-2019 tăng bình quân 2,12%. Năm 2019, do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi, giá trị gia tăng ngành này giảm 0,09%. Năm 2020, Thành phố chỉ đạo quyết liệt tái đàn lợn và thúc đẩy phát triển nông nghiệp, giá trị gia tăng ngành này tăng 4,54% và bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 2,60%. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực⁷ theo hướng kinh tế hàng hóa, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho nông dân. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã góp phần hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, chăn nuôi quy mô lớn. Đã chuyển đổi diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm 4.828,36 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 2.775,3 ha, chuyển sang nuôi thủy sản kết hợp trồng lúa 1.775,2 ha. Duy trì trên 200 vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích

⁷ Tỷ trọng trồng trọt, lâm nghiệp 38,76%; chăn nuôi, thủy sản 58,11%; dịch vụ nông nghiệp 3,13%.

khoảng 40 nghìn ha canh tác, trong đó gần 3 nghìn ha lúa Japonica, 02 chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm lúa gạo Japonica. Hình thành 47 vùng trồng hoa tập trung với quy mô từ 10-20 ha/vùng tại các huyện Từ Liêm, Mê Linh, Tây Hồ, Đan Phượng, Thường Tín... Nhiều mô hình trồng cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất hữu cơ như: chuối ở Phúc Thọ, bưởi ở Đan Phượng, Hoài Đức;... Hình thành 76 xã chăn nuôi sản phẩm chủ lực, trên 3.800 trại/trang trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư, trong đó có 81 đơn vị được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Đã có 141 chuỗi liên kết an toàn thực phẩm, 160 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao chiếm 32% tổng giá trị sản xuất (GTSX) nông nghiệp.

1.2. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh được cải thiện rõ rệt

Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 46% tăng trưởng GRDP (cả nước là 45,72%). Năng suất lao động năm 2020 đạt 252,3 triệu đồng/lao động (giá hiện hành), gấp 2,29 lần bình quân cả nước (110,4 triệu đồng/người); tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2016-2019 đạt 6,16% (cả nước tăng 6,0%). Do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, GRDP năm 2020 tăng thấp nên năng suất lao động tăng 4,33% (cả nước là 5,39%); trung bình 5 năm 2016-2020 tăng 5,79% (cả nước tăng 5,89%), trong đó năng suất lao động của ngành nông nghiệp tăng 13,08%, ngành dịch vụ tăng 4,72%, ngành công nghiệp và xây dựng tăng 3,6%. Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 tăng 15 bậc so với năm 2015, lên vị trí thứ 9/63 tỉnh, thành phố (xem Phụ lục 8 và Biểu đồ 1).

Kinh tế tri thức, kinh tế số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được chú trọng phát triển. Các yếu tố của kinh tế thị trường, các loại thị trường dần phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ và hội nhập, nhất là thị trường bất động sản, chứng khoán, lao động, khoa học, công nghệ...

Quản lý tài sản công chặt chẽ, hiệu quả hơn, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Thành phố được sắp xếp, đổi mới. Giai đoạn 2016-2020, thực hiện cổ phần hóa 15 doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại 34 doanh nghiệp, thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước tại 67 doanh nghiệp; Đến nay đã hoàn thành: cổ phần hóa 01 doanh nghiệp; thoái vốn nhà nước đầu tư tại 06 doanh nghiệp; chuyển nhượng quyền mua cổ phần của cổ đông nhà nước khi công ty cổ phần tăng vốn điều lệ tại 01 doanh nghiệp; thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước tại 29 doanh nghiệp. Hiệu quả sản xuất kinh doanh sau sắp xếp, cổ phần hóa được nâng lên, giai đoạn 2016-2020 nộp ngân sách gấp 1,16 lần giai đoạn trước; góp phần giải quyết nhiều việc làm, thu nhập của người lao động năm 2020 tăng 1,2 lần so với năm 2015.

Khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục giữ vai trò quan trọng, đóng góp 23% tổng thu nội địa trên địa bàn Thành phố. Môi trường kinh doanh thuận lợi hơn; hỗ trợ tích cực doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Khu vực kinh tế tư nhân (kinh tế ngoài nhà nước) có bước phát triển, đóng góp trên 50% GRDP - tăng hơn 1,2 điểm % so với năm 2015, giải quyết khoảng 83% lao động xã hội. Doanh nghiệp mới thành lập tăng cả về số lượng và vốn đăng ký. Lũy kế 5 năm có 126,08 nghìn

doanh nghiệp thành lập mới⁸, gấp 1,57 lần giai đoạn 2011-2015 và tăng hàng năm 6,6%; vốn đăng ký bình quân khoảng 12,9 tỷ đồng/doanh nghiệp, gấp 1,85 lần so với giai đoạn 2011-2015. Kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã (HTX) được củng cố, tổ chức lại. Năm 2020 có 2.164 HTX và quỹ tín dụng nhân dân, tăng 19,5% so với năm 2015, trong đó 1.802 HTX đang hoạt động và 65,2% HTX là hoạt động hiệu quả. Tổ hợp tác, kinh tế hộ tiếp tục phát triển, góp phần tạo việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, tác động tích cực đến kết quả chung của nền kinh tế.

1.3. Huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 1,716 triệu tỷ đồng, gấp 1,63 lần giai đoạn trước, bằng 38,89% GRDP, đạt mục tiêu đề ra. Hệ số ICOR (giá hiện hành) trung bình là 4,95 (cả nước 8,53). Thu hút đầu tư vốn ngoài ngân sách với trên 2.850 dự án, vốn đăng ký trên 1,6 triệu tỷ đồng. Xã hội hóa đầu tư được đẩy mạnh, nhất là đối với các lĩnh vực: Cấp nước, bãi đỗ xe, xử lý chất thải, nước thải, hạ tầng CNTT, giáo dục, y tế... Cơ cấu đầu tư xã hội dịch chuyển rõ nét; khu vực nhà nước giảm từ 43,44% năm 2015 xuống còn 34,28% năm 2020; khu vực ngoài nhà nước tăng nhanh, từ 45,89% lên 54,84%; khu vực đầu tư nước ngoài tăng từ 10,66% năm 2015 lên 10,87%. Vốn đầu tư nước ngoài năm 2019 đạt 8,67 tỷ USD, cao nhất sau hơn 30 năm mở cửa và hội nhập, là năm thứ 2 liên tiếp dẫn đầu cả nước; năm 2020 do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, đầu tư nước ngoài đạt 3,83 tỷ USD; lũy kế giai đoạn 2016-2020 đã thu hút mới 3.113 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký 26,5 tỷ USD, gấp 4,2 lần giai đoạn 2011-2015, trung bình đạt 5,3 tỷ USD/năm; vốn đầu tư thực hiện trong kỳ đạt 12,35 tỷ USD⁹. Giai đoạn từ 2016 đến nay các doanh nghiệp FDI đã đóng góp thu ngân sách đạt 3,916 tỷ USD (10,4% thu ngân sách); đáp ứng việc làm cho trên 310,37 nghìn lao động (chiếm 11% số lao động trong các doanh nghiệp); đóng góp gần 11% vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, và góp phần tích cực chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ năng cho người lao động, tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Lũy kế vốn các dự án ODA giải ngân được 15.967 tỷ đồng¹⁰.

Đảm bảo cân đối thu, chi góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, xã hội. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn liên tục tăng và vượt dự toán; lũy kế giai đoạn 2016-2020 đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng, gấp 1,64 lần giai đoạn 2011-2015, tăng trung bình 11,1%/năm, Hà Nội là địa phương đứng thứ hai cả nước, dẫn đầu các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng về thu NSNN. Cơ cấu thu chuyển dịch tích cực, tỷ trọng thu nội địa và các khoản thu bền vững từ sản xuất, kinh doanh tăng¹¹, giảm dần các khoản thu liên quan đến tài nguyên, đất đai. Điều hành chi chủ động, tiết kiệm, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp; tỷ trọng chi thường xuyên giảm từ 58% năm 2015 xuống 51% năm 2020; tỷ lệ nợ công năm 2020 của Thành phố đang ở mức rất thấp, khoảng 6,5% hạn mức dư nợ tối đa theo quy định.

⁸ Tổng số doanh nghiệp, tổ chức đang hoạt động năm 2020 là hơn 193 nghìn đơn vị.

⁹ Đầu tư nước ngoài hiện nay còn hiệu lực: 6.392 dự án; 3.749 lượt góp vốn mua cổ phần; tổng số vốn đầu tư 46,8 tỷ USD, vốn giải ngân khoảng 28,5 tỷ USD.

¹⁰ Trong đó, vốn ODA giải ngân 14.784 tỷ đồng, đạt 70,8% KH (ODA cấp phát 8.763 tỷ đồng, bằng 64,8% KH; ODA vay lại 6.021 tỷ đồng, bằng 81,8% KH); Vốn đối ứng 1.183 tỷ đồng.

¹¹ Từ 62,6% năm 2015 lên 88,8% năm 2020.

Đầu tư công được thực hiện tập trung, cơ bản khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng từ 27% năm 2015 lên 43,26% năm 2020. Tổng mức kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 cấp Thành phố là 107.303,365 tỷ đồng; lũy kế bố trí vốn là 100.367,6 tỷ đồng; giải ngân kế hoạch vốn đạt 87.460,59 tỷ đồng (tỷ lệ 87,14%). Đã hoàn thành 561/707 dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố, trong đó có 11 công trình trọng điểm sử dụng vốn ngân sách; hoàn thành 825/856 dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện.

Đầu tư cấp Thành phố tạo năng lực tăng thêm: 05 công trình phòng thủ, chiến đấu và trường bắn; 04 doanh trại, trụ sở làm việc của các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô, 03 doanh trại, trụ sở làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; 01 trung tâm giáo dục quốc phòng – an ninh, 01 khu huấn luyện thể dục thể thao; 10 trụ sở cơ quan phòng cháy, chữa cháy (PCCC), 31 trụ sở công an cấp xã, cấp huyện; 559 km đường giao thông, 40 cầu đi bộ, cầu vượt, cầu yếu; 59,4 km đê kè xây mới; 202,5 km đê cải tạo nâng cấp; đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp 25 trạm bơm, 03 hồ, 27 tuyến, hệ thống kênh, nâng diện tích đảm bảo tưới thêm 35.031 ha, đảm bảo tiêu chủ động 24.547 ha; hoàn thành xây dựng mới 267 phòng học, 150 phòng học bộ môn và cải tạo sửa chữa 283 phòng học, phòng học bộ môn; 11 bệnh viện cấp Huyện và Thành phố được đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp (tăng thêm 204 giường bệnh), thực hiện cải tạo 14 trạm y tế, 04 phòng khám và trung tâm y tế;.... Ngân sách Thành phố đã hỗ trợ cấp huyện đầu tư hoàn thành 278,96 km đường giao thông; 333 công trình trường học được xây mới hoặc cải tạo nâng với 6.018 phòng học, các phòng chức, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ; 08 trụ sở xã, 26 trạm y tế xã và 12 công trình văn hóa thể thao được đầu tư; 368/382 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM).

2. Xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, đạt kết quả toàn diện, nổi bật và ấn tượng

Tổng nguồn vốn đã huy động đầu tư cho khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2020 là 80.595 tỷ đồng (đầu tư trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn là 62.459 tỷ đồng, trong đó: ngân sách Nhà nước 56.470 tỷ đồng, ngoài ngân sách là 5.989 tỷ đồng). Hạ tầng kinh tế, xã hội khu vực nông thôn được tăng cường đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây mới. Đường làng, ngõ xóm được kiên cố hóa, hệ thống thoát nước cơ bản đáp ứng yêu cầu; các công trình thủy lợi nội đồng được đầu tư xây dựng đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất; nâng cấp và xây dựng các trường học, nhà văn hóa thôn đảm bảo nhu cầu giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cộng đồng; tạo một bước phát triển mạnh mẽ trong nông thôn, được nhân dân phấn khởi và đồng tình ủng hộ.

Các chỉ tiêu quan trọng về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân đạt kết quả tích cực. Diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét. Hầu hết các hộ dân có điện thoại, 100% xã có kết nối Internet. Đã có 13 huyện và 368/382 xã đạt chuẩn NTM (tăng 167 xã so với cuối năm 2015), đạt tỷ lệ 96,3%, hoàn thành sớm 2 năm so với mục tiêu đề ra, là địa phương có số xã đạt chuẩn NTM dẫn đầu cả nước. Triển khai và xây dựng được 29 xã NTM nâng cao. Cơ bản hoàn thành việc dồn điền đổi thửa; chuyển đổi hơn 9 nghìn ha diện tích trồng lúa sang các mô hình sản xuất hiệu quả

cao hơn. Nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh cây ăn quả; chăn nuôi tập trung; trồng hoa, cây cảnh cho hiệu quả kinh tế cao. Bước đầu đã hình thành được các chuỗi liên kết trong sản xuất an toàn thực phẩm. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo điều kiện phát triển sản xuất. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đạt kết quả tốt; đã có 1.054 sản phẩm OCOP, vượt mục tiêu đề ra và chiếm 42% cả nước. Phát triển được 14 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố.

Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 55 triệu đồng (năm 2015 đạt 33 triệu đồng/người), cao hơn 6 triệu đồng so với mục tiêu đề ra. Tỷ trọng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 32%; Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn 11,6% - vượt mục tiêu đề ra là còn dưới 20%; Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm thường xuyên trên 95%.

3. Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, tạo chuyển biến tích cực

Triển khai và cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung đạt 97,73%, quy hoạch phân khu đạt 83,51% (tính chung tỷ lệ đạt 94,84%). Đã có 33/35¹² đồ án quy hoạch phân khu với tổng diện tích khoảng 64.139,04 ha được phê duyệt; còn lại 02 đồ án quy hoạch phân khu sông Hồng, sông Đuống (tổng diện tích khoảng 15.376,51 ha) đang được tích cực triển khai, phấn đấu hoàn thành phê duyệt trong năm 2021. Đối với 20 đồ án quy hoạch phân khu thuộc 04 đô thị vệ tinh, Bộ Xây dựng đã có ý kiến đối với 06 đồ án, các đồ án quy hoạch còn lại đang triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành phê duyệt trong năm 2021. Hoàn thành 207 đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị với tổng diện tích 14.545,3 ha. Chất lượng quy hoạch được nâng cao, tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan Thủ đô văn minh, hiện đại, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử. Tổ chức nghiên cứu lập một số quy hoạch đặc thù như: Hệ thống không gian ngầm; làng nghề truyền thống kết hợp du lịch; Ga Hà Nội và khu vực phụ cận. Xây dựng và triển khai các quy chế, quy định về cấp giấy phép quy hoạch; lập, thẩm định, phê duyệt, cắm mốc giới, quản lý theo quy hoạch; quản lý khu phố cổ, phố cũ; quy chế quản lý công trình cao tầng; đang triển khai xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc và lập Danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo Luật Kiến trúc và các luật có liên quan. Quản lý quy hoạch được chú trọng, ngày càng chặt chẽ, đạt kết quả tích cực trong thực tiễn.

*Tiếp tục quan tâm phát triển đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội, nhất là đã triển khai một số tuyến đường sắt đô thị. Hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm, cấp bách của cả Trung ương và Hà Nội trên địa bàn*¹³. Năm 2020, diện tích

¹² Tổng số 38 đồ án gồm 35 đồ án do UBND Thành phố tổ chức lập và 03 đồ án do Bộ Xây dựng tổ chức lập (quy mô 983,4 ha, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng đã phê duyệt 03/03 đồ án)

¹³ Đường vành đai 2 đoạn Nhật Tân - Cầu Giấy, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng; nút giao thông trung tâm quận Long Biên; cầu vượt nút Bắc Hồng; đường vành đai 1 đoạn Ô Đống Mác - Nguyễn Khoái; các công trình chống ùn tắc trong nội đô: Cầu vượt ô Đống Mác - Nguyễn Khoái, nút giao Cổ Linh; đường vành đai 3 dưới thấp đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long; đường Vành đai 3,5 đoạn Đại Lộ Thăng Long - Quốc lộ 32;...

đất dành cho giao thông/ đất đô thị đạt 10,07% (năm 2015 là 8,65%); tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 14,85% (năm 2015 là 14,4%), tỷ lệ tăng thấp do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hành khách phải giãn cách cự ly, các phương tiện giảm tần suất hoặc dừng hoạt động.

Về phát triển đô thị, Thành phố đã chú trọng phát triển đô thị theo hướng bền vững, đô thị thông minh, đô thị xanh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu nhà ở theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại, làm thay đổi diện mạo kiến trúc Thủ đô¹⁴. Từng bước phát triển vùng đô thị khu vực hai bên tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài. Tập trung phát triển các loại hình nhà ở cho các đối tượng có thu nhập trung bình và thu nhập thấp: Hoàn thành 19 dự án, đang triển khai 43 dự án với diện tích khoảng 4,04 triệu m² sàn nhà ở; Triển khai thí điểm xây dựng 5 khu nhà ở xã hội tập trung¹⁵ với quy mô lớn, hạ tầng đồng bộ, tổng diện tích 272,45 ha, cung cấp thêm 2,5 triệu m² sàn nhà ở. Hoàn thành cải tạo một số nhà chung cư cũ¹⁶, đang triển khai thủ tục cải tạo 14¹⁷ dự án, tiến hành 05 đợt kiểm định, đánh giá phân loại được 378 nhà chung cư cũ; giao 19 nhà đầu tư đề xuất ý tưởng quy hoạch 30 khu chung cư cũ. Chủ động phát triển nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng. Từng bước thực hiện cụ thể hóa chủ trương phát triển nhà ở. Tổng diện tích sàn nhà ở đã phát triển mới giai đoạn 2016-2020 là 25,3 triệu m², trung bình đạt 27,25 m²/người, vượt mục tiêu đề ra (26,3 m²/người). Cải thiện đáng kể về nhu cầu và điều kiện nhà ở gắn với thị trường bất động sản. Tập trung đầu tư chuẩn bị các điều kiện để thành lập các quận mới¹⁸, tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2%.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch thông tin cần thiết trong thực hiện các quy định về quy hoạch, đất đai và cấp phép xây dựng tại khu vực đô thị. Thực hiện hiệu quả mô hình thí điểm đội quản lý trật tự xây dựng trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã. Trật tự, kỷ cương xây dựng từng bước được lập lại, số công trình vi phạm giảm mạnh từ 13,5% năm 2016 xuống còn 2,13% năm 2020.

Chỉnh trang, hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, trồng cây xanh đồng bộ với hạ ngầm hệ thống cáp điện, thông tin liên lạc¹⁹. Hình thành một số tuyến phố kiểu mẫu²⁰; nhiều vườn hoa, công viên được cải tạo, xây mới²¹; hoàn thành Chương trình một triệu cây xanh trước 2 năm và trồng thêm 600 nghìn cây. Đã tập trung khắc phục cơ bản tình trạng nhà siêu mỏng, siêu méo. Đầu tư hệ thống chiếu sáng,

¹⁴ Các đô thị hiện đại như: VinHome River Side, VinCity Ocean Park, VinCity Sportia, Garmuda,...

¹⁵ Tại Đông Anh, Gia Lâm, Thường Tín, Thanh Trì

¹⁶ C1 Thành Công, B6 Giảng Võ, Khu tập thể TƯ Đảng tại số 44 ngõ 260 Đội Cấn

¹⁷ Đang triển khai 14 dự án: (1) 26 Liễu Giai, quận Ba Đình; (2) 30A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm; (3) 3A Quang Trung, quận Hoàn Kiếm; (4) 17 nhà gỗ phường Chương Dương (nhà cháy), quận Hoàn Kiếm; (5) Khu tập thể 03 tầng đường Lê Hồng Phong, quận Hà Đông; (6) 51 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa; (7) Khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam - The Boulevard, số 22 phố Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội; (8) Nhà A & B Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy; (9) Dự án Cải tạo khu chung cư cũ L1, L2 (Khu Nam Thành Công), số 93 Láng Hạ, Đống Đa; (10) Khu tập thể Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (các nhà từ A12 đến A15), quận Hai Bà Trưng; (11) Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ kết hợp hợp khối xây dựng công trình tại số 26-28-30-32 phố Láng Hạ, quận Đống Đa; (12) Khu tập thể Dịch vụ vận tải Đường Sắt, số 1 phố Định Công, quận Hoàng Mai; (13) Nhà chung cư CT1A, CT1B tại phường Xuân La, quận Tây Hồ; (14) Khu tập thể Nguyễn Công Trứ

¹⁸ Từ các huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng

¹⁹ Đã hoàn thành 174 tuyến phố (gồm 05 đợt)

²⁰ Lê Trọng Tấn (quận Thanh Xuân), Đình Thôn (quận Nam Từ Liêm)

²¹ Công viên Nhân Chính, Công viên Bắc Nam Mai Dịch

trang trí đô thị, đảm bảo tỷ lệ chiếu sáng từ 95-98%. Trật tự, an toàn giao thông được duy trì, tăng cường tuyên truyền và thực hiện các chế tài nâng cao ý thức của người tham gia giao thông, hạn chế và giảm các điểm ùn tắc giao thông kéo dài.

Tích cực huy động mọi nguồn lực đầu tư cấp nước sạch cho người dân khu vực ven đô, nông thôn; tập trung phát triển đồng bộ các nguồn và mạng truyền dẫn, phân phối nước sạch. Tổng công suất nguồn cấp nước từ các nhà máy nước tập trung đạt 1,52 triệu m³/ngày đêm (năm 2015 là 920.000 m³/ngày đêm). Cuối năm 2020 có 100% hộ dân ở khu vực đô thị và 78% hộ dân ở khu vực nông thôn đã được cung cấp nước sạch (năm 2015 là 37%). Điều kiện sinh hoạt và vệ sinh khu vực nông thôn được cải thiện đáng kể.

4. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện chủ động, tích cực

Hoàn thành điều tra, đánh giá tài nguyên nước, khoáng sản, đất; hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên; quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản; lập bản đồ trữ lượng khoáng sản và khoanh vùng cấm khai thác. Thực hiện đấu giá quyền khai thác; tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản, khai thác cát trên các tuyến sông; triển khai các giải pháp bảo vệ an toàn cho các tuyến đê và xử lý nghiêm các vi phạm. Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống trong lĩnh vực xây dựng, giao thông, chiếu sáng. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất xanh, sạch; từng bước chuyển đổi, sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường. Đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai; thực hiện tốt hơn công tác giao đất, cho thuê đất. Ban hành, chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả Chỉ thị 09-CT/TU về công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất²².

Công tác bảo vệ môi trường được tích cực triển khai. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và ý thức, trách nhiệm trong bảo vệ môi trường với hình thức đa dạng, nội dung phong phú. Bước đầu thực hiện có kết quả việc hạn chế đốt rơm rạ, sử dụng bếp than tổ ong; các chương trình phân loại, thu gom rác thải nhựa... Nâng cao năng lực dự báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường; quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường, hệ thống hiển thị thông tin đại chúng. Đã đầu tư, vận hành 35 trạm quan trắc không khí tự động, 06 trạm quan trắc nước mặt, 01 trạm quan trắc nước rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, 01 xe quan trắc không khí lưu động. Đã tiếp nhận, giám sát dữ liệu của 06 trạm quan trắc nước dưới đất, 37 trạm quan trắc nước thải, 02 trạm quan trắc khí thải của các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ lớn, 04 trạm quan trắc nước sạch. Đang triển khai dự án đầu tư hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn. Đã xây dựng và triển khai tích cực một số đề án về bảo vệ môi trường. Triển khai lập quy hoạch chi tiết, mở rộng các nghĩa trang tập trung, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ. Tỷ lệ hỏa táng năm 2020 đạt 64%.

²² Cấp GCN và đăng ký kê khai đất đai lần đầu đạt 100%; cấp GCN cho người mua nhà tại dự án phát triển nhà ở đạt 94,39%; cấp GCN cho người mua nhà tái định cư đạt 98%; cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân sau dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp đạt 99,21%; cấp GCN cho các tổ chức đạt 94,67%; cấp GCN cho 3.588/6.685 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, đạt 53,6%

Đầu tư cơ giới hóa trong công tác vệ sinh môi trường, tiết kiệm chi phí. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhà máy đốt rác phát điện theo công nghệ hiện đại. Triển khai các giải pháp hạn chế phát sinh nguồn rác nơi công cộng, không để tồn đọng trong ngày; tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt khu vực nội thành, chất thải y tế đạt 100%. 100% các bệnh viện tư nhân, 96,4% (27/28) bệnh viện do Thành phố quản lý có hệ thống xử lý chất thải tập trung. Xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường nước tại 134 hồ và xử lý triệt để 25/25 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tiếp tục thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở công nghiệp không phù hợp quy hoạch, cơ sở ô nhiễm ra khỏi khu vực đô thị. Vận hành hiệu quả trạm bơm Yên Sở và 28 trạm bơm cục bộ, 06 nhà máy xử lý nước thải, tổng công suất 276,3 nghìn m³/ngày đêm đáp ứng 28,8% tổng lưu lượng nước thải phát sinh. Đầu tư hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tại các CCN và làng nghề. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về bảo vệ môi trường. Rà soát, kiểm tra, xây dựng phương án xử lý, khắc phục các hạn chế; giải quyết các vấn đề cấp bách về bảo vệ môi trường.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả để nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp Nhân dân về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Nhận thức của người dân về PCCC được nâng lên. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại cho lực lượng cảnh sát PCCC, cứu hộ, cứu nạn, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân. Nâng cao khả năng dự báo, xây dựng và thực hiện các phương án ứng phó với sự cố thiên tai; lồng ghép các biện pháp trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH nhằm hạn chế nguy cơ gây biến đổi khí hậu, sự cố môi trường, thiên tai.

5. Phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt nhiều kết quả tích cực

Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân được chăm lo và ngày càng phong phú. Hà Nội là địa phương đầu tiên hoàn thành tổng kiểm kê, đánh giá, phân loại di tích và bảo vệ di sản văn hóa vật thể với 5.922 di tích và 1.793 di sản văn hóa phi vật thể. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được quan tâm đầu tư²³. Chi đầu tư phát triển văn hóa tăng 30% so với nhiệm kỳ trước. Đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ Thủ đô được chăm lo, phát huy. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp được duy trì, củng cố; thực hiện thành công các sự kiện chính trị kỷ niệm các ngày lễ lớn Trung ương giao. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp có nhiều khởi sắc gắn với kinh tế thị trường với nhiều sản phẩm có chất lượng cao đứng đầu tại các cuộc thi nghệ thuật toàn quốc. Phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng tiếp tục phát triển. Giao lưu văn hóa trong nước, quốc tế được mở rộng; nhiều sự kiện văn hóa nghệ thuật lớn, uy tín, chất lượng cao được tổ chức tại Thủ đô có sức lan tỏa cao.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và phát triển, sáng tạo các giá trị văn hóa mới phù hợp với xu thế thời đại. Hà Nội là địa phương đầu tiên của Việt Nam chính thức trở thành thành viên mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” của UNESCO - một động lực quan trọng cho đổi mới sáng tạo, xây dựng thành phố thông minh, năng động và

²³ Tăng 60 nhà văn hoá cấp xã; 508 nhà văn hoá, điểm sinh hoạt cộng đồng so với năm 2016

bền vững, nâng cao vị thế, tạo dựng hình ảnh hấp dẫn mới cho Thủ đô, thúc đẩy sự lan tỏa phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

Công tác quản lý báo chí, xuất bản, truyền thông được tăng cường; đã phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp, phát triển và quản lý báo chí Thành phố đến năm 2025. Các loại hình báo chí phát triển mạnh mẽ, nội dung và hình thức ngày càng phong phú, hấp dẫn phản ánh được dòng chảy của xã hội, bám sát nhiệm vụ chính trị của Thành phố. Tổ chức phổ sách Hà Nội, phát triển văn hóa đọc. Hoạt động quảng cáo được chấn chỉnh, thực hiện theo luật pháp. Chú trọng đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, nhất là trên không gian mạng. Khai thác có hiệu quả các không gian văn hóa sáng tạo cộng đồng (phố đi bộ hồ Hoàn Kiếm, phố bích họa Phùng Hưng,...), trở thành sản phẩm văn hóa - du lịch nổi bật của Thủ đô.

Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh được tập trung chỉ đạo, với nhiều giải pháp, mô hình thiết thực; xây dựng các mô hình làng văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa dần đi vào thực chất. Giáo dục truyền thống lịch sử địa phương; nếp sống thanh lịch, văn minh được tăng cường. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có nhiều tiến bộ. Việc ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử nơi công sở và nơi công cộng tạo được chuyển biến từ nhận thức đến hành động, góp phần bồi đắp nền tảng văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm đầu tư, đạt kết quả quan trọng

Giáo dục và đào tạo tiếp tục dẫn đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, về chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, về số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. 100% giáo viên đứng lớp đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao. Quản lý giáo dục, dạy học, tuyển sinh, thi, kiểm tra, đánh giá có nhiều đổi mới. Tăng cường ứng dụng CNTT, tổ chức tuyển sinh qua mạng, dạy học trực tuyến và trên truyền hình, nhất là trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thí điểm đào tạo chương trình song bằng. Triển khai cơ chế giao quyền tự chủ gắn với xây dựng trường chất lượng cao ở các cấp học, hình thành trường mô hình hiệu quả của trường phổ thông tự chủ về tài chính (THPT Phan Huy Chú). Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường học nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao về cả số lượng và chất lượng, nhất là khu vực nội thành và các khu vực đô thị hóa nhanh. Hạ tầng giáo dục và cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được tập trung đầu tư, trang bị khá đồng bộ, hiện đại. Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn Quốc gia năm 2020 là 76,9% (tỷ lệ chung là 62,5%), hoàn thành sớm 2 năm so với mục tiêu đề ra.

Chất lượng giáo dục đại học trên địa bàn được nâng cao, nhiều trường tích cực đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng phát triển nhân lực trình độ, kỹ năng cao, tiệm cận với xu hướng phát triển của giáo dục đại học trên thế giới²⁴, có đóng góp ngày càng quan trọng vào sự phát triển của Thủ đô, đặc biệt trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tri thức, đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho Hà Nội và cả nước...

²⁴ Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội trong bảng xếp hạng 1.000 đại học hàng đầu thế giới

Giáo dục nghề nghiệp tiếp tục có bước phát triển. Phân luồng đào tạo nghề học sinh phổ thông được triển khai tích cực và bước đầu có hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 53,14% năm 2015 lên 70,25% năm 2020, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 40,1% năm 2015 lên 48,5% năm 2020; tỷ lệ giải quyết việc làm sau đào tạo đạt trên 70%. Chủ động hợp tác quốc tế, xây dựng và chuẩn hóa khung chương trình đào tạo theo các chuẩn mực khu vực, quốc tế. Nhiều doanh nghiệp tham gia, hợp tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực. Hà Nội dẫn đầu trong nhiều kỳ thi, hội thi tay nghề cấp quốc gia và quốc tế.

7. Phát triển khoa học và công nghệ được chú trọng đẩy mạnh

Các Chương trình, kế hoạch phát triển KTXH gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ đã được triển khai, mang lại hiệu quả tốt. Các chủ trương, định hướng được cụ thể hóa thành cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, hiệu quả. Quan tâm khai thác, phát huy tiềm lực, nhất là trí tuệ, tiềm năng “chất xám” của đội ngũ trí thức, các trường đại học và cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô. Tiềm lực khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư phát triển. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Xây dựng, đưa vào hoạt động Vườn ươm Doanh nghiệp CNTT đổi mới sáng tạo Hà Nội (HBI-IT), dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Thị trường khoa học, công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hình thức, nhất là xã hội hóa. Đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sang cơ chế thị trường. Bước đầu tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập, góp phần phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững. Các sản phẩm khoa học, công nghệ thực sự trở thành hàng hóa, nhu cầu mua bán công nghệ ngày càng tăng. Chủ động hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn thành lập các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đã cấp 60 giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, gấp 2 lần giai đoạn trước. Công tác thẩm định, đánh giá công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến được quan tâm thực hiện. Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để nâng cao năng lực hấp thu, đổi mới công nghệ. Triển khai nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến quy trình sản xuất; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Quan tâm kết nối các doanh nghiệp, cá nhân với các nhà khoa học, chuyên gia, tổ chức khoa học - công nghệ. Sớm ban hành và tích cực triển khai các đề án về thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên; hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thiết lập Sàn giao dịch công nghệ Thành phố và tổ chức thành công nhiều hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị chuyên ngành như Chợ công nghệ và thiết bị Hà Nội (Techmart), Diễn đàn khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội.

Đổi mới cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ; chuyển mạnh từ phương thức giao nhiệm vụ sang đặt hàng, tuyển chọn. Kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ được ứng dụng hiệu quả hơn vào thực tiễn, phục vụ phát triển KTXH Thủ đô. Triển khai 345 nhiệm vụ khoa học, công nghệ, trong đó 85% nhiệm vụ sau khi nghiệm thu đã được ứng dụng vào thực tiễn, nhất là Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm cung cấp luận cứ khoa học xây dựng Văn kiện Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố. Thành phố đã có nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thông qua việc triển khai các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm có giá trị thực tiễn và khả năng thương mại hóa cao, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển ý tưởng, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm mới làm cơ sở thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ. Phong trào khởi nghiệp sáng tạo bước đầu đã lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội với cách làm cụ thể. Nâng cao hiệu lực về quyền sở hữu trí tuệ, tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin, thống kê khoa học, công nghệ có nhiều tiến bộ, từng bước hội nhập quốc tế.

Công tác liên kết, hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ được đẩy mạnh và chủ động hơn trong một số lĩnh vực. Quan hệ phối hợp với các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn được mở rộng, với cách làm mới, phối hợp và phát huy sức mạnh một cách thiết thực và hiệu quả.

Phát triển CNTT được đẩy mạnh, cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT. Đã triển khai một số hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về dân cư, quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, tài chính (Nổi bật là các ứng dụng ngành Giáo dục - Đào tạo, Giao thông Vận tải, Y tế, Thuế, Ngân hàng, Hải quan...); Tỷ lệ đăng ký kinh doanh qua mạng đạt 100%; Tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt trên 98%, vượt mục tiêu đề ra là 95%. Quản lý văn bản kết nối liên thông qua mạng giữa các cấp, Thư điện tử, Một cửa điện tử dùng chung 3 cấp và một số ứng dụng khác. Hoàn thành kết nối Cổng dịch vụ công Quốc gia và đã có 100% (1.685/1.685) thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng dịch vụ công của Thành phố, vượt mục tiêu đề ra là 80%. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin, đảm bảo an toàn thông tin mạng và chưa có sự cố đáng tiếc nào về hệ thống CNTT dùng chung.

Thành phố đã và đang xây dựng 02 khu công nghiệp CNTT (Khu CNTT tập trung Cầu Giấy, Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội) và đang triển khai 02 dự án đầu tư khu CNTT tập trung (Khu Công viên CNTT Hà Nội, Khu CNTT tập trung Đông Anh). Đã đưa vào hoạt động “Vườn ươm Doanh nghiệp CNTT đổi mới sáng tạo Hà Nội”, đã có kết quả bước đầu; công nhận 21 sản phẩm công nghiệp chủ lực của 09 doanh nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông. Từ năm 2016 đến nay, Hà Nội luôn trong top 2/63 tỉnh, thành phố về chỉ số công nghiệp CNTT. Dịch vụ bưu chính công ích được triển khai rộng khắp trên 30/30 quận, huyện, thị xã và 18 sở ngành. Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích ngày càng tăng.

8. Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của Nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều đổi mới và tiến bộ. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao; phát triển và ứng dụng nhiều kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, trong đó nhiều kỹ thuật ngang tầm với các bệnh viện hàng đầu khu vực. Đầu tư nâng cấp các bệnh viện, cơ sở y tế; nâng cao ý thức và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế. Tích cực triển khai mô hình Trạm Y tế theo nguyên lý y học gia đình và lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Công tác quản lý y, dược, y tế dự phòng tiếp tục được tăng cường và từng bước đổi mới. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường trên diện rộng; thực hiện tốt các chương trình, mô hình điểm về an toàn thực phẩm, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố có kiểm soát.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em có bước tiến bộ rõ rệt. Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh thô, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đều giảm qua từng năm. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm, chăm sóc và trợ giúp kịp thời. Nhận thức của xã hội về bình đẳng giới được nâng lên. Tuổi thọ trung bình của người dân Hà Nội đạt 75,5 tuổi, cao hơn mức chung của cả nước 1,8 tuổi, tăng 0,6 tuổi so với năm 2009²⁵.

Thể dục, thể thao được đẩy mạnh, đóng góp nổi bật vào phong trào chung của cả nước. Hà Nội giữ vững vị trí là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thể thao thành tích cao, giành nhiều huy chương quốc tế nhất cho thể thao Việt Nam. Thể thao quần chúng được quan tâm đầu tư phát triển, nhất là việc xây dựng, lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao công cộng ngoài trời. Phong trào luyện tập và tham gia hoạt động thể dục, thể thao đã và đang phát triển mạnh, trở thành nhu cầu tự giác trong Nhân dân. Thực hiện hiệu quả chương trình sữa học đường lớn nhất cả nước về quy mô và giá trị; kế hoạch hành động nâng cao thể lực và tầm vóc thanh niên Hà Nội được triển khai rộng rãi, thiết thực. Tích cực chuẩn bị phục vụ SEAGames 31.

Lĩnh vực lao động, việc làm của Thủ đô có bước phát triển. Công tác phân luồng học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được đẩy mạnh. Thực hiện hiệu quả chính sách đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường. Nhiều sản phẩm dịch vụ việc làm truyền thống và trực tuyến cùng hệ thống đăng ký hồ sơ tuyển dụng, đào tạo được hình thành, hoạt động hiệu quả. Quản lý nhà nước về lao động, việc làm chặt chẽ hơn; an toàn lao động được chú trọng. Công tác quản lý lao động người nước ngoài được tăng cường. Các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy thị trường lao động được đẩy mạnh. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm từ 4,22% năm 2016 còn 3,22% năm 2020.

An sinh xã hội được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống Nhân dân Thủ đô được nâng cao. Các chính sách của Nhà nước đối với người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số... được thực hiện đúng, đủ và kịp thời; ngoài ra còn ban hành và thực hiện

²⁵ Kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019.

nhiều chính sách đặc thù, riêng có của Hà Nội về phúc lợi xã hội²⁶. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế 90,1% dân số. Lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 37,6%, tham gia Bảo hiểm thất nghiệp đạt 36%²⁷. Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 các thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; huy động nhiều nguồn lực tài chính phục vụ nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách; hoàn thành xây dựng nhà ở cho người có công, hoàn thành xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo²⁸. Giai đoạn 2016-2020, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Thành phố đã giải ngân 17,36 nghìn tỷ đồng cho trên 523 nghìn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn. Tổng dư nợ đến ngày 31/12/2020 của 16 chương trình tín dụng chính sách đạt 10.167 tỷ đồng, tăng hơn 5.000 tỷ đồng so với đầu kỳ, trong đó, riêng năm 2020 để phục vụ các đối tượng chính sách gặp khó khăn do Covid-19 dư nợ tăng 1.753 tỷ đồng so với năm trước. Hoàn thành mục tiêu giảm nghèo trước 2 năm; tỷ lệ hộ nghèo còn 0,21% - cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Chất lượng cuộc sống của Nhân dân không ngừng được nâng cao; đảm bảo đầy đủ nhu cầu thiết yếu về các dịch vụ công cơ bản (điện, nước sạch, vệ sinh môi trường); cảnh quan đô thị, diện tích cây xanh, công viên được cải thiện. Hoàn thành hỗ trợ các đối tượng chính sách bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo quy định của Quốc hội, Chính phủ và chính sách đặc thù theo Nghị quyết của HĐND Thành phố.

Công tác dân tộc được quan tâm²⁹, kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số phát triển đồng bộ, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng lên rõ rệt. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,96%; 100% đường giao thông đến trụ sở các xã được cứng hóa; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi có trình độ THPT và tương đương đạt 85%; 100% xã giữ vững chuẩn quốc gia về y tế; 100% hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh; 09 xã đạt chuẩn NTM; năm 2018 không còn xã, thôn trong diện đặc biệt khó khăn; năm 2021 có 13 xã thuộc khu vực I, không còn xã thuộc khu vực II, khu vực III.

Công tác phòng, chống, tệ nạn xã hội được quan tâm. Các vấn đề gây nguy hiểm, bức xúc trong xã hội được tập trung giải quyết như: Cấm kinh doanh các chất kích thích, gây nghiện tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí gắn với kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Đấu tranh triệt phá hiệu quả nạn tín dụng đen, các hoạt động kiểu xã hội đen (đòi nợ thuê, cho vay nặng lãi,...), tổ chức môi giới mại dâm. Công tác tuyên truyền, phòng chống tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực được đẩy mạnh. Mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội được nhân rộng. Chất lượng quản lý, giáo dục, chữa trị tại các trung tâm chữa bệnh

²⁶ Chi hỗ trợ cho người già trên 80 tuổi; chính sách hỗ trợ toàn bộ cho người khuyết tật; hỗ trợ toàn bộ bảo hiểm, tiền điện, truyền hình KTS, sửa học đường cho các hộ nghèo; miễn phí xe buýt cho người trên 60 tuổi; xét nghiệm tầm soát ung thư miễn phí cho người trên 40 tuổi...

²⁷ Tương ứng đạt tỷ lệ 95% số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết 102/NQ-CP của Chính phủ, HĐND Thành phố giao

²⁸ Trong nhiệm kỳ đã xây dựng 10.000 nhà ở cho người có công; hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 7.565 nhà ở cho hộ nghèo

²⁹ Thành phố ban hành và thực hiện KH số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; đã bố trí 1.255 tỷ đồng cho 89 dự án đầu tư các lĩnh vực: Y tế, thủy lợi, giao thông, giáo dục...

và giáo dục lao động xã hội được nâng lên. Các câu lạc bộ sau cai nghiện, đội tình nguyện xã hội tại các xã, phường, thị trấn được duy trì và hoạt động hiệu quả.

9. Tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, thế trận an ninh nhân dân được tăng cường. Thành phố đã tập trung lãnh đạo thực hiện hiệu quả nhiều chủ trương, giải pháp về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là phát hiện, xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp nảy sinh về an ninh, trật tự ở cơ sở theo phương châm 4 tại chỗ. Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các phương án, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn, nổi bật là sự kiện Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ hai diễn ra tại Hà Nội được Trung ương ghi nhận, dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp “Thành phố vì hòa bình”.

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tội phạm; mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; kiềm chế các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; tỷ lệ điều tra, phá án cao. Phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường, công nghệ cao. Các biện pháp phòng, chống buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng, không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, trật tự các khu công nghiệp tập trung nhiều lao động; quản lý chặt chẽ và bảo đảm an toàn cho người nước ngoài cư trú, làm việc và du khách quốc tế tại Hà Nội. Mức độ an ninh, an toàn của Thủ đô ngày càng nâng lên, được Nhân dân Thủ đô, du khách và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị được duy trì, tai nạn giao thông giảm qua các năm và trên cả ba tiêu chí; hạn chế xảy ra ùn tắc giao thông kéo dài. Công tác tuyên truyền về PCCC được tăng cường, góp phần kiềm chế số vụ cháy, nổ và thiệt hại về người, tài sản.

Thực hiện tinh gọn bộ máy; xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngày càng vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; đã tích cực, chủ động thực hiện Đề án đưa công an chính quy về xã, phát huy hiệu quả tích cực. Tích cực thực hiện Đề án cấp thẻ căn cước công dân gắn chip của Bộ Công an.

Hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh toàn diện.

Thực hiện hiệu quả đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng và Nhà nước, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc cả về tiềm lực và thế trận. Hoàn thành diễn tập khu vực phòng thủ cấp Thành phố, 30 cuộc diễn tập cấp huyện và 592 cuộc diễn tập cấp xã bảo đảm chất lượng, an toàn tuyệt đối, nâng cao sức mạnh và sẵn sàng ứng phó mọi tình huống. Quản lý nhà nước về Quốc phòng được thực hiện chặt chẽ, hiệu

quả ở các cấp. Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu; nâng cao hiệu quả quản lý đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự.

Thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân, bồi dưỡng và giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Thủ đô trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu với chất lượng cao, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được xây dựng đủ về số lượng, có chất lượng tốt, có độ tin cậy cao về chính trị.

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Công tác huấn luyện, đào tạo, xây dựng lực lượng có nhiều chuyển biến tích cực. Sức chiến đấu của lực lượng vũ trang Thủ đô không ngừng được nâng lên. Phát huy tốt vai trò nòng cốt, xung kích trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, sự cố môi trường, cháy nổ, cháy rừng, giảm thiểu thiệt hại tính mạng, tài sản Nhà nước và Nhân dân. Lực lượng vũ trang Thủ đô đã tích cực, chủ động trong phòng, chống đại dịch Covid-19 và là lực lượng xung kích, tuyến đầu trong thực hiện các giải pháp truy vết thân tốc, phong tỏa, cách ly y tế, phun khử khuẩn...

10. Quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển được mở rộng, tạo dấu ấn quan trọng, nâng cao uy tín, vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới

Thành phố tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, quan hệ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, tăng cường quảng bá văn hóa, giao lưu hữu nghị và góp phần thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài. Đến nay, Hà Nội đã có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thủ đô, thành phố lớn trên thế giới, ký thỏa thuận hợp tác với 61 thủ đô, thành phố các nước (ký kết 14 văn kiện hợp tác với các địa phương, 43 bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác, doanh nghiệp nhà đầu tư). Hàng năm, lãnh đạo Thành phố đã tiếp xúc, làm việc với trên 200 đoàn khách, đối tác quốc tế cũng như duy trì hoạt động giao lưu, trao đổi đoàn các cấp. Các tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài đánh giá cao và tích cực hợp tác cùng phát triển với Thành phố. Một loạt các sự kiện đối ngoại kinh tế quy mô lớn³⁰ do thành phố Hà Nội chủ trì hoặc được tổ chức trên địa bàn hàng năm nhận được sự đánh giá cao của bạn bè quốc tế, cộng đồng doanh nghiệp. Duy trì và phát huy vai trò tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương với vai trò thành viên của các tổ chức liên đô thị quốc tế³¹.

Công tác đối ngoại nhân dân của Thủ đô trong 5 năm qua đã góp phần tăng cường giao lưu, thúc đẩy sự hiểu biết giữa người dân Hà Nội và Nhân dân nhiều

³⁰ Hội nghị Hà Nội – Hợp tác đầu tư và Phát triển; các hội nghị của năm APEC Việt Nam 2017, Hội nghị Diễn đàn Kinh tế Thế giới về ASEAN (WEF ASEAN) 2018; Diễn đàn khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội 2019, đặc biệt là Hội nghị thượng đỉnh Mỹ- Triều lần thứ 2 (2019)...

³¹ Tổ chức thành phố thông minh bền vững thế giới (WeGO), Mạng lưới chính quyền địa phương về quản lý dân cư (CityNet), Nhóm các thành phố dẫn đầu về chống biến đổi khí hậu (C40), Tổ chức quốc tế Pháp ngữ (OIF), Hiệp hội quốc tế các thị trường thành phố nổi tiếng Pháp (AIMF), Hiệp hội các thành phố lớn thế giới (Metropolis)...

thành phố, quốc gia trên thế giới³². Nhiều di sản văn hóa, danh hiệu cao quý được UNESCO vinh danh, đặc biệt sau kỷ niệm 20 năm “Thành phố vì hòa bình”, Hà Nội đã được UNESCO vinh danh danh hiệu “Thành phố thiết kế sáng tạo” trong mạng lưới “Thành phố sáng tạo”. Đây là cơ hội thuận lợi cho Thành phố trong việc định vị thương hiệu, quảng bá hình ảnh và hướng tới Hà Nội trở thành Thành phố sáng tạo của khu vực Đông Nam Á, điểm đến của tri thức và sáng tạo trên thế giới.

Tổ chức tốt các hoạt động quảng bá, giao lưu văn hóa đặc sắc và hoạt động kinh tế của nhiều vùng miền, địa phương tại Thủ đô và của Thủ đô tại các tỉnh, thành phố trong cả nước, được các tỉnh, thành phố đánh giá cao; hợp tác ngày càng hiệu quả và thiết thực. Năm 2016, đã tổ chức thành công Hội nghị “Hợp tác phát triển Vùng KTTĐ Bắc Bộ năm 2016. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố đã hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội cho 54 tỉnh, thành phố với số tiền 174,5 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục 645,778 tỷ đồng (bao gồm 515,899 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách Thành phố và 129,879 tỷ đồng nguồn vốn xã hội hóa) cho 21 dự án của 05 tỉnh, 03 cơ quan quân đội và các nước Lào, Campuchia... Thỏa thuận hợp tác với 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thúc đẩy hợp tác phát triển trong nhiều lĩnh vực như du lịch, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đầu tư, văn hóa, xã hội...

11. Kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ có chuyển biến rõ rệt; Công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh và thu được kết quả tích cực

Cải cách hành chính được triển khai đồng bộ, toàn diện, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong các giao dịch hành chính, dịch vụ hành chính công được cải thiện. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao và chuẩn hóa, có sự chuyển biến về tư duy, phong cách làm việc, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ, giải quyết công việc với người dân, doanh nghiệp. Tích cực rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết đối với 261 thủ tục hành chính; thí điểm kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 100%, là địa phương dẫn đầu cả nước. Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR Index) luôn giữ vững TOP 10, năm 2020 xếp thứ 8/63.

Đã tăng cường xây dựng hạ tầng và ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp hướng tới mục tiêu “xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, quản trị hiện đại”, chú trọng triển khai xây dựng chính quyền điện tử. Việc phân cấp và ủy quyền từ Thành phố xuống cơ sở được tăng cường, nhất là các lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng, đấu giá đất, vệ sinh môi trường. Việc xây dựng, ban hành, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành thường xuyên, kịp thời, có chất lượng. Thanh tra công vụ được tăng cường, góp phần chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, tạo được chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thành phố, nhất là cấp cơ sở. Giai đoạn 2016-2020, các cơ quan của Thành phố đã tiếp

³² Đã tổ chức thành công 215 sự kiện, chương trình văn hóa, thể thao, trong đó có 28 sự kiện quốc tế của các Đại sứ quán và Tổ chức quốc tế tại Việt Nam

151.593 lượt công dân, tiếp nhận và xử lý 184.449 đơn, thư các loại; tập trung giải quyết dứt điểm 174/176 vụ (tỷ lệ 98,8%) theo Nghị quyết số 22/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của HĐND Thành phố. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị thu hồi 9,12 tỷ đồng, 29.711 m² đất, xử lý hành chính 239 tập thể và 287 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 23 vụ.

Thực hiện quan điểm kiên quyết, kiên trì, liên tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; quyết tâm cao, hành động mạnh mẽ, dứt khoát, không khoan nhượng, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng hoặc can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí. Đặc biệt các vụ án lớn, án điểm do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng giao cho Viện kiểm sát Thành phố giữ quyền công tố và Tòa án Hà Nội xét xử, đảm bảo việc xét xử công minh với nhiều bản án nghiêm khắc được dư luận đánh giá cao.

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí được tăng cường. Đã có 2.313 tổ chức, đơn vị triển khai kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động. Thanh tra các cấp đã thực hiện 1.716 cuộc, phát hiện vi phạm và kiến nghị thu hồi 1.338,4 tỷ đồng, 16,5 ha đất; kiến nghị xử lý hành chính 240 tập thể, 475 cá nhân; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 19 vụ; xử lý 192 vụ/657 bị cáo bị truy tố các tội danh về tham nhũng. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng được đẩy mạnh. Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố đã thụ lý để giải quyết thu hồi tài sản đối với 114 bản án, quyết định của Tòa án 1.028 tỷ đồng; kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, vôi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm liêm chính, trong sạch, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng và các cơ quan tham mưu cho công tác phòng, chống tham nhũng. Phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, nhà ở, chính sách đãi ngộ hợp lý, đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh và thu được kết quả tích cực. Công tác tuyên truyền, giáo dục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được chú trọng; đã tổ chức 1.221 lớp, hội nghị với khoảng 210 nghìn lượt người tham gia. Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các quy định về phát triển KTXH và phòng, chống tham nhũng lãng phí. Các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã tăng cường rà soát các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, ban hành mới 614 văn bản; sửa đổi, bổ sung 154 văn bản về phòng, chống lãng phí, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi tiếp khách, lễ tân, đi công tác nước ngoài. Tích cực tham mưu, thực hiện các quy định nhằm kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm

giải trình, đối thoại với tổ chức và Nhân dân, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi mặt đời sống xã hội của Thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm và nguyên nhân

1.1. Ưu điểm

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển KTXH, với nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, Thành phố Hà Nội đã đạt được những kết quả toàn diện và nổi bật, 04 chỉ tiêu vượt kế hoạch và về sớm từ 1-2 năm so với mục tiêu đề ra (Tỷ lệ xã đạt NTM, Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn, Số giường bệnh/vạn dân, Tỷ lệ hộ nghèo).

Kinh tế Thủ đô tiếp tục được cơ cấu lại, nhất là trên các lĩnh vực trọng tâm, chuyển đổi mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, kinh tế tăng trưởng khá, cao hơn bình quân chung cả nước, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước. Kinh tế phát triển bền vững; tài chính, ngân sách luôn ổn định, các cân đối được bảo đảm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô cả nước. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt kết quả vượt bậc. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện và phát triển; từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững hơn. Tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khu vực kinh tế tư nhân phát triển nhanh, tiếp tục phát huy vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Mô hình kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX ngày càng đa dạng, tỷ lệ hoạt động hiệu quả ngày càng nâng cao. Xây dựng NTM thu được kết quả toàn diện, nổi bật, đứng đầu cả nước về số xã đạt chuẩn, với nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao.

Mặc dù chỉ chiếm 1% về diện tích, 8,5% về dân số nhưng Hà Nội đóng góp trên 16,2% GDP, 19,1% thu NSNN (xem Phụ lục 10 và Biểu đồ 3, 4, 5) và 8,1% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước; đóng góp 43% GRDP, 43,8% thu ngân sách của Vùng đồng bằng sông Hồng và ngày càng xứng đáng vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Diện mạo Thủ đô có nhiều thay đổi, ngày càng sáng, xanh, sạch đẹp hơn; khang trang, văn minh, hiện đại hơn. Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư, một số công trình, dự án quy mô lớn, hiện đại được hoàn thành và khởi công. Xử lý rác thải, nước thải, ô nhiễm ao, hồ... cải thiện đáng kể. Công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đất đai, quản lý đô thị, trật tự, an toàn giao thông, trật tự, kỷ cương xã hội được tăng cường. Nếp sống văn minh đô thị có chuyển biến tích cực.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội; giáo dục - đào tạo; y tế; khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Chăm lo cho con người và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh có chuyển biến tích cực; các giá trị văn hóa truyền thống ngàn năm văn hiến được gìn giữ và phát huy. Tiếp tục dẫn đầu cả nước nhiều chỉ tiêu về văn hóa, giáo dục - đào tạo, thể dục, thể thao, nhất là thể thao

thành tích cao. Năng lực y tế được nâng lên. Chất lượng cuộc sống của người dân từ thành thị đến nông thôn, khu vực xa trung tâm, đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt, tinh thần phấn khởi hơn.

Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh của Thủ đô tiếp tục được củng cố; trật tự, an toàn xã hội có chuyển biến tốt hơn; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, tạo dấu ấn quan trọng; phối hợp với các cơ quan Trung ương, hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong nước được đẩy mạnh. Vai trò, vị thế, uy tín của Thủ đô ngày càng được nâng cao cả trong nước và quốc tế.

Các khâu đột phá được tích cực thực hiện. Đột phá về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư có những chuyển biến rõ nét, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra. Đột phá về phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh đạt kết quả tích cực.

1.2. Nguyên nhân

Thành phố thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 trên nền tảng thành tựu của đất nước sau gần 35 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW và Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII và khóa XI) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô, 12 năm thực hiện Nghị quyết 15/2008/QH12 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan; sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành sâu sát, quyết liệt của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội; sự ủng hộ, hợp tác tích cực của các ban, bộ, ngành Trung ương, của các tỉnh, thành phố trong cả nước và bạn bè quốc tế. Đồng thời, những tác động tích cực từ kết quả phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức, viên chức đã củng cố niềm tin, tạo khí thế, động lực, quyết tâm tích cực tham gia xây dựng Thủ đô và đất nước.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân Thủ đô luôn đề cao và phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo với nhiều cách làm mới, bản lĩnh, quyết tâm vượt khó, đã bước đầu khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và nguồn lực to lớn phục vụ xây dựng, phát triển Thành phố; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, vào cuộc, chung sức, đồng lòng của các tầng lớp Nhân dân, đội ngũ văn nghệ sỹ, trí thức, chức sắc tôn giáo, cộng đồng doanh nghiệp... trong xây dựng Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền đã đổi mới mạnh mẽ, lựa chọn trúng, đúng và chỉ đạo quyết liệt, sâu sát những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, lĩnh vực khó, phức tạp; giải quyết kịp thời các tình huống, có hiệu quả những việc phát sinh. Đã phát huy được phẩm chất, năng lực, trí tuệ và tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ, công chức của Thủ đô.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế

Năm 2020, đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến kết quả phát triển KTXH, 06/22 chỉ tiêu không đạt mục tiêu đề ra. Vì vậy, 04/17 chỉ tiêu chủ yếu và 02 chỉ tiêu thành phần của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 không hoàn thành

kế hoạch (xem Phụ lục 1): (i) Tăng trưởng GRDP đạt 6,73% (kế hoạch từ 7,3-7,8%); (ii) GRDP/người đạt 123,68 triệu đồng (kế hoạch từ 126-129 triệu đồng); (iii) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,2% (kế hoạch từ 58-60%); (iv) Tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng đạt 14,85% (kế hoạch từ 30-35%); (v) Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch đạt 78% (kế hoạch là 100%); (vi) Tỷ lệ CCN đã đi vào hoạt động có trạm xử lý nước thải đạt 92,5% (kế hoạch là 100%). Hạn chế trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Về phát triển kinh tế:

Mặc dù kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, sức chống chịu khá tốt trước những tác động từ bên ngoài và đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung chưa tạo được các “đột phá lớn” và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô. Ngành dịch vụ tăng trưởng dưới tiềm năng, thấp hơn mức tăng GRDP chung, đóng góp trong cơ cấu GRDP có xu hướng giảm. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực, mũi nhọn chưa cao, chưa có nhiều sản phẩm mới. Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp. Tiến độ thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm³³.

- Thể chế, chính sách:

Việc cụ thể hóa một số nhiệm vụ và tận dụng triệt để các cơ chế, chính sách đặc thù được nêu trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội, trong Luật Thủ đô còn hạn chế.

Nhiều nội dung phân công, phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước (thủy lợi, chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, thoát nước) còn bất cập cần rà soát, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu phát triển.

Chưa có cơ chế về tích tụ đất đai để tạo đột phá cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đạt hiệu quả mong muốn; triển khai Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về các cơ chế, chính sách liên quan đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn khó khăn, chậm được hướng dẫn thực hiện.

Chậm sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy định pháp luật so với yêu cầu phát triển³⁴.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng:

Việc xây dựng hạ tầng kinh tế (các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm thương mại, chợ, khu du lịch,...) để thu hút đầu tư vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều nơi chưa có trung tâm thương mại, siêu thị; thiếu các trung tâm logistic, các outlet, các showroom hỗ trợ phát triển cho các làng nghề. Hạ tầng CNTT, viễn thông, hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4...

³³ Mới đạt 11/24 tiêu chí “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô Hà Nội đến năm 2025, định hướng năm 2030” tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND thành phố Hà Nội.

³⁴ Theo Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 có 93 văn bản, trong đó: 58 cần sửa đổi, bổ sung, thay thế; 35 cần bãi bỏ

Xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ kết nối liên vùng, đường vành đai, đường gom phục vụ các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; xây dựng hạ tầng giao thông chưa theo kịp tiến độ đô thị hóa.

- Chưa khai thác hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế:

Hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, tài sản công, kết cấu cơ sở hạ tầng,... vẫn còn phân tán, chưa được xây dựng đồng bộ, tập trung. Hiệu quả khai thác tài sản công, quỹ đất còn hạn chế.

Việc sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu, thoái vốn nhà nước còn khó khăn.

Việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất, nhất là các cơ sở nhà, đất của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do Trung ương và địa phương khác quản lý trên địa bàn Thành phố vẫn còn chậm.

Lựa chọn danh mục công trình trọng điểm chưa sát thực tế, triển khai thực hiện các dự án đầu tư còn lúng túng dẫn đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm (đạt 87,14% kế hoạch), 11/33 dự án, công trình trọng điểm hoàn thành theo mục tiêu ban đầu, tác động không nhỏ đến sự đồng bộ kết cấu hạ tầng xã hội và đến đời sống Nhân dân Thủ đô. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển mới đạt 43,26% - thấp hơn mục tiêu đề ra là 50%.

Công tác nắm bắt, dự báo để xây dựng dự toán ngân sách tại một số đơn vị đôi khi vẫn chưa sát với thực tế; tiến độ triển khai kế hoạch nâng mức tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn chưa đạt yêu cầu; hiệu quả sử dụng vốn ngân sách tại một số đơn vị còn chưa cao...

Các chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Chưa có chính sách vượt trội thu hút, đào tạo, đãi ngộ và sử dụng đội ngũ tri thức, chuyên gia, cán bộ khoa học, nhất là đội ngũ chuyên gia công nghệ, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế.

- Chưa khai thác hết các tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô:

Là Thủ đô của cả nước, trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế, thành viên của Mạng lưới các thành phố sáng tạo của Thế giới, Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ đặc biệt của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự hợp tác ngày càng chặt chẽ của các bộ, ban, ngành, địa phương; Hà Nội là thành phố có tiềm năng phát triển đồng bộ các loại hình thị trường rất lớn: tài chính - tiền tệ, hàng hóa, dịch vụ, khoa học - công nghệ, lao động, các yếu tố đầu vào...; Tuy nhiên, việc tận dụng các lợi thế, cơ hội để phát triển Thủ đô còn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng kết quả đạt được còn hạn chế. Hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học; hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp.

Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút, khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ. Chưa có cơ chế phối hợp

hiệu quả và đồng bộ để phát huy nguồn lực trí thức và tiềm lực khoa học, công nghệ (Hà Nội có 82% số các trường đại học, viện nghiên cứu; 65% lực lượng các nhà khoa học của cả nước) đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

Kinh tế phát triển chưa đồng đều giữa các khu vực, chưa tạo được các cực tăng trưởng kinh tế mới, đặc biệt là các khu vực phía Nam và Tây Nam của Thủ đô; hạ tầng nông thôn được đầu tư nhưng kinh tế nông thôn chưa được chú trọng phát triển tương xứng.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành còn chậm, môi trường đầu tư, kinh doanh cần tiếp tục cải thiện:

Ngành công nghiệp phát triển còn thiếu ổn định; công nghiệp hỗ trợ quy mô còn nhỏ (khoảng 25% tổng GTSX công nghiệp trên địa bàn), tính cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chủ lực chưa cao so với các sản phẩm cùng loại của các nước. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tuy đã có tiến bộ nhưng chưa đạt được yêu cầu phát triển.

Dịch vụ phát triển chưa đồng đều, ngành du lịch cũng còn những hạn chế nhất định (mức chi của du khách còn chưa cao, thời gian lưu trú chưa dài, sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa gắn kết chặt chẽ với các di tích).

Hiệu quả sản xuất nông nghiệp nói chung còn thấp; Nông nghiệp công nghệ cao chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, lao động ngành nông nghiệp chiếm khoảng 12% tổng lao động xã hội nhưng chỉ đóng góp vào khoảng 2% GRDP.

Số lượng doanh nghiệp tư nhân tăng chậm; số doanh nghiệp đăng ký thành lập không đạt mục tiêu đề ra (200.000 doanh nghiệp); mức tăng vốn thấp hơn bình quân chung cả nước, phần lớn quy mô doanh nghiệp là nhỏ và siêu nhỏ; mức tăng doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp còn thấp. Kinh tế hợp tác, HTX có quy mô còn nhỏ; 76,6% đơn vị có vốn dưới 5 tỷ đồng, 35% số HTX hoạt động chưa hiệu quả.

Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh tuy được cải thiện, các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh tuy đã được dỡ bỏ nhưng còn nhiều yếu tố liên quan cần tiếp tục cải thiện. Mặc dù chỉ số PCI của Hà Nội có sự biến chuyển vượt bậc (từ xếp thứ 24/63 năm 2015 lên thứ 9/63 năm 2020), tuy nhiên một số chỉ tiêu thành phần còn thấp (Gia nhập thị trường; Tiếp cận đất đai,...).

Hoạt động liên kết kinh tế vùng, hợp tác kinh tế trong và giữa các ngành, các thành phần kinh tế, cũng như giữa Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương phục vụ phát triển KTXH; Hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư chưa cao; chưa kêu gọi đầu tư được nhiều tập đoàn lớn, công ty hàng đầu trên thế giới.

b) Về quy hoạch, xây dựng; quản lý, phát triển đô thị, đất đai, bảo vệ môi trường:

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch:

Một số mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong công tác quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ đề ra; chậm hoàn thành các chỉ tiêu của các huyện thành lập quận. Đã quan tâm, từng bước phát triển theo mô hình chùm đô thị song còn tồn tại; Tỷ lệ đô thị hóa không đạt kế hoạch đề ra (58-60%).

Việc ban hành Chương trình phát triển đô thị, công tác quy hoạch phân khu nội đô lịch sử và các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ, chưa mạnh dạn thực hiện cơ chế, chính sách đột phá.

Công tác quản lý, phát hiện, xử lý các vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, đô thị, môi trường có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu, để phát sinh nhiều vụ việc phức tạp, nổi cộm, chậm được xử lý, gây bức xúc dư luận. Một số quy hoạch, dự án đầu tư chưa nhận được sự đồng thuận của người dân.

- Quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường:

Công tác hậu kiểm các dự án được thu hồi đất, được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất còn hạn chế; còn tình trạng nhiều dự án chậm tiến độ đưa đất vào khai thác sử dụng, sử dụng đất sai mục đích...

Công tác đấu giá quyền sử dụng đất chưa đạt mục tiêu đề ra.

Tình trạng lấn, chiếm đất nông nghiệp, đất công và xây dựng công trình trái phép còn diễn ra ở một số địa phương nhưng chưa được xử lý dứt điểm.

Tiến độ thực hiện dự án xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai Thành phố còn chậm, chưa đảm bảo thời gian so với kế hoạch đề ra.

Cấp Giấy chứng nhận và đăng ký kê khai đất đai lần đầu cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng còn thấp; Việc giải quyết các nội dung liên quan đến giao đất dịch vụ cho người dân còn chưa triệt để, nhiều trường hợp xử lý kéo dài qua nhiều năm.

Tình trạng xả nước thải, chất thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường vào các sông, ao, hồ, kênh mương còn diễn biến phức tạp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp; Chất lượng môi trường nước mặt sông Tô Lịch, một số đoạn sông Nhuệ - Đáy, Cầu Bây... đang suy thoái; Chậm xử lý ô nhiễm, khơi thông dòng chảy các con sông Tô Lịch, Kim Ngưu, Sét, Lừ,... Chưa hoàn thành dự án xử lý nước thải Yên Xá và chậm thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy. Chất lượng môi trường không khí ngày càng kém, nồng độ bụi mịn tại nhiều khu vực đã vượt tiêu chuẩn cho phép. Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu nhưng một số khu vực nông thôn còn chưa được thu gom và xử lý triệt để, thiếu công nghệ hiện đại, chủ yếu xử lý bằng chôn lấp hợp vệ sinh gây bức xúc trong Nhân dân. Việc triển khai xây dựng các dự án nhà máy xử lý chất thải rắn, các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt/khu cụm công nghiệp/làng nghề còn chậm tiến độ, chưa đạt chỉ tiêu; Công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không phù hợp quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn.

- Phát triển đô thị chưa đồng đều, chưa tương xứng với tiềm năng:

Công tác quy hoạch và phát triển các đô thị vệ tinh, phát triển nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ chưa đạt tiến độ; Chưa có quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị hoàn chỉnh.

Quản lý đầu tư và sau đầu tư ở một số khu đô thị mới, khu nhà ở còn bất cập, nhất là công tác quản lý, vận hành nhà chung cư tái định cư.

Ùn tắc giao thông vẫn là nguy cơ thường trực; Tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị còn chưa cao; Tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng chưa đạt kế hoạch (30-35%).

Nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, nhất là các lĩnh vực giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng viễn thông. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch chưa đạt kế hoạch (100%). Xử lý rác thải y tế, xử lý ô nhiễm môi trường (nước, không khí) còn khó khăn; Tỷ lệ các CCN đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung không hoàn thành kế hoạch (100%).

Ứng ngập cục bộ tại khu vực nội thành và một số khu vực đô thị hóa nhanh vẫn diễn ra và thường xuyên hơn;.... Tiến độ triển khai một số dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông, các nhà máy xử lý rác thải, nước thải, công viên, nghĩa trang, cơ sở hóa táng... còn chậm.

Việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ còn nhiều vướng mắc, triển khai chậm, chưa mạnh dạn, sáng tạo, còn trông chờ ở cấp trên.

Công tác chỉnh trang đô thị tại các tuyến đường phố (lát đá vỉa hè, hạ ngầm đường dây điện, cáp thông tin,...) còn hạn chế. Không gian sinh hoạt, vui chơi giải trí cho cộng đồng dân cư khu vực nội đô còn thiếu.

Việc di dời các cơ sở sản xuất, trường đại học, cao đẳng, cơ sở khám, chữa bệnh theo quy hoạch chưa bảo đảm tiến độ.

Kinh tế đô thị, nhất là ngành dịch vụ - thương mại được quan tâm, tuy nhiên phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô; chưa phát huy lợi thế của nguồn lực về đất đai, thị trường bất động sản, các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, các tuyến phố đi bộ,... và các loại hình kinh doanh mới gắn với đặc thù đô thị. Hiện trạng các chợ dân sinh khu vực nội đô rất thiếu, phần lớn đã xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, PCCC, văn minh thương mại.

- Công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu:

Thành phố thường xuyên chịu ảnh hưởng nhiều của các loại hình thiên tai như ngập lụt khi có mưa lớn, lũ rừng ngang, thiếu hụt nguồn nước; sự cố cháy, nổ, tai nạn vẫn diễn biến phức tạp; tình hình vi phạm pháp luật về đề điều, thủy lợi, phòng, chống thiên tai; phòng chống cháy nổ vẫn diễn ra ở hầu hết các địa phương.

Kết quả thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai và việc huy động tối đa các nguồn lực phòng, chống thiên tai còn hạn chế. Hệ thống công trình cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ công tác ở các cấp, các ngành tuy đã từng bước được trang bị, nâng cấp nhưng chưa đáp ứng được với tình hình thực tế. Lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai, sự cố, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó biến đổi khí hậu các cấp, các ngành đều là kiêm nhiệm.

c) Về phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh:

Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vị thế của Thủ đô. Công tác tu bổ di tích, bảo tồn và phát huy văn hóa phi vật thể còn khó khăn. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp Thành phố và cơ sở còn thiếu, chưa đồng bộ.

Lĩnh vực văn học nghệ thuật chưa huy động được hết tiềm năng sáng tạo và tâm huyết của đội ngũ trí thức - văn nghệ sỹ. Phát triển công nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt kết quả như mong muốn.

Việc triển khai cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, thể thao còn lúng túng, thiếu nhất quán, chưa hiệu quả. Chưa có chiến lược, giải pháp đột phá, đồng bộ để phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hoá, việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hoá còn hạn chế.

Việc thực hiện quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ công chức vẫn còn nhiều hạn chế. Việc công nhận các danh hiệu văn hóa có lúc, có nơi còn hình thức, chạy theo số lượng. Văn hóa ứng xử của người dân trong gia đình và nơi công cộng chuyển biến chưa đồng đều, thiếu bền vững; tình trạng thiếu văn hóa nơi công cộng, bạo lực gia đình, vô cảm, thiếu văn minh đô thị vẫn còn xảy ra.

d) Về phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Hoạt động khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực quan trọng để nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển KTXH Thủ đô.

Chưa gắn kết chặt chẽ giữa khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị để phục vụ phát triển nhanh và bền vững Thủ đô. Hoạt động nghiên cứu triển khai ở một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao, nhất là nghiên cứu phục vụ công tác tham mưu, hoạch định cơ chế, chính sách, xây dựng định hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Chất lượng, hiệu quả đổi mới công nghệ còn thấp, chưa có bước đột phá. Cơ sở hạ tầng về công nghệ cao còn yếu; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong GRDP của Thành phố còn thấp.

Nhân lực khoa học và công nghệ tuy đã có bước phát triển về số lượng, nhưng chất lượng chưa đáp ứng được nhu cầu. Kết quả thực hiện chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ về làm việc tại Thủ đô còn hạn chế, thiếu chính sách cụ thể đủ hấp dẫn nhân tài. Thị trường khoa học và công nghệ Thủ đô còn manh mún, chưa hội tụ đầy đủ các yếu tố của thị trường, hiệu quả chưa cao; vai trò của các tổ chức trung gian, tư vấn chuyển giao công nghệ còn mờ nhạt, nhất là các tổ chức có chức năng đánh giá, định giá công nghệ, xúc tiến và môi giới chuyển giao công nghệ. Số lượng công bố khoa học quốc tế của Hà Nội đứng thứ hai cả nước³⁵ nhưng việc chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc nhân rộng mô hình nghiên cứu, nhất là trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

Cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao, phát triển công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn thiếu và chưa đồng bộ. Chưa huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội và doanh nghiệp đầu tư cho phát triển thị trường khoa học và công nghệ; số doanh nghiệp được hỗ trợ đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới còn ít so với tổng số doanh

³⁵ Năm 2019, Hà Nội có 4.782 công bố khoa học quốc tế.

ng nghiệp trên địa bàn. Việc thành lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp còn hạn chế.

Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục - đào tạo ở những khu vực mật độ dân số cao, đô thị hóa nhanh chưa đáp ứng được yêu cầu; hiệu quả giáo dục đạo đức học đường, nếp sống, ứng xử văn minh ở các cấp học có lúc, có nơi còn hạn chế; chất lượng đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Việc huy động, bố trí sử dụng nguồn nhân lực chưa đạt kết quả như mong muốn; chưa quan tâm đúng mức việc xây dựng thể chế nhất là đối với lĩnh vực thu hút tài năng đặc biệt.

e) Về đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân:

Việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chưa nghiêm túc, nhiều doanh nghiệp đóng không đúng mức quy định, chậm đóng, nợ đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ảnh hưởng đến việc giải quyết các chế độ, quyền lợi của người lao động. Đến ngày 30/12/2020, trên địa bàn Thành phố có 43.737 đơn vị (856.177 lao động) nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với tổng số tiền là 3.358 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ nợ là 6,64%; trong đó có 10.399 đơn vị ngừng giao dịch, giải thể, phá sản, chủ bỏ trốn, mất tích với số tiền nợ là 1.210 tỷ đồng.

Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đồng đều ở các tuyến; số giường bệnh/vận dân còn thấp; chưa giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải ở một số chuyên khoa tại các bệnh viện tuyến Thành phố; công tác y tế dự phòng, nhất là ở cơ sở chưa thực sự bền vững. Tỷ lệ ung thư, mắc bệnh nặng ngày càng trẻ hóa.

Hầu hết hệ thống chợ dân sinh đã xuống cấp, diện tích bố trí các ngành nghề, gian hàng chưa đảm bảo quy định. Số lượng các chợ được cải tạo, sửa chữa đáp ứng quy chuẩn xây dựng và an toàn thực phẩm còn ít do vướng mắc về cơ chế, chính sách.

Kiểm soát về an toàn thực phẩm, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng trước khi lưu thông còn có hạn chế.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn lực đầu tư dành cho hệ thống dịch vụ xã hội (giáo dục, đào tạo nghề chất lượng cao; nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, chăm sóc sức khỏe; cơ sở chăm sóc người cao tuổi, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội, nạn nhân da cam/dioxin, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở hạ tầng phục vụ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; chợ, dân sinh...) còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, các công trình công cộng đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng và đáp ứng nhu cầu dân sinh còn chậm.

- Chênh lệch mức sống giữa nông thôn - thành thị, giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi với nông thôn chậm cải thiện, thu nhập khu vực thành thị cao gấp 1,97 lần khu vực nông thôn. Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững. Vẫn còn xảy ra một số vụ bạo lực gia đình, bạo hành, xâm hại trẻ em gây bức xúc xã hội, tỷ lệ tái nghiện còn cao, mô hình hỗ trợ sau cai nghiện chưa thực sự đạt hiệu quả

f) Về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; quốc phòng, quân sự địa phương; công tác tư pháp, cải cách hành chính và tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Tình hình tội phạm, bạo lực xã hội, tín dụng đen, tội phạm ma túy, băng nhóm hoạt động theo kiểu xã hội đen... được kiểm chế, kiểm soát nhưng còn diễn biến phức tạp.

Vẫn thường trực các nguy cơ về cháy nổ, ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông trên địa bàn.

Chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong việc giải quyết khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Công tác nắm bắt, dự báo tình hình, tham mưu với cấp ủy, chính quyền trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, mâu thuẫn, xử lý một số vụ việc phát sinh còn hạn chế.

Một số vụ việc vi phạm trật tự xây dựng, sử dụng đất đai... chưa được tập trung xử lý kiên quyết, còn để kéo dài gây bức xúc dư luận.

Xử lý các vụ việc tiềm ẩn, phức tạp về an ninh chính trị theo Nghị quyết 15-NQ/TU ngày 04/7/2017 còn chậm; Còn xảy ra vụ việc phức tạp, kéo dài, trở thành điểm nóng về an ninh nông thôn, gây hậu quả nghiêm trọng.

Việc ngăn ngừa, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật còn gặp nhiều khó khăn. Công tác cải cách hành chính có nhiều tiến bộ, song các chỉ số liên quan còn ở vị trí thấp so với cả nước và không đạt mục tiêu đề ra: Chỉ số Hải lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2020 xếp thứ 33/63; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2020 xếp thứ 48/63 (xem Phụ lục 9 và Biểu đồ 2).

2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân *khách quan* là do tác động của dịch Covid-19 dẫn đến đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu, hạn chế giao thương, du lịch... tác động toàn diện các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội; Quy trình thủ tục về quy hoạch, đầu tư, xây dựng thay đổi theo các Luật mới ban hành làm kéo dài thời gian thực hiện; cơ chế lựa chọn chủ đầu tư, chính sách giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập. Quy mô, khối lượng, tính chất phức tạp của những nhiệm vụ ngày càng lớn, với những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao trong khi nguồn lực còn hạn chế.

Nguyên nhân *chủ quan* chủ yếu là do năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự quyết liệt, thiếu năng động, sáng tạo, có việc còn trì trệ, trông chờ ỷ lại cấp trên. Một số cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, ngại va chạm, đùn đẩy, né tránh. Nhận thức của một bộ phận người dân còn thấp.

Sự phối hợp giữa các sở, ngành và giữa sở, ngành với quận, huyện, thị xã hiệu quả chưa cao, nhất là đối với những việc phải giải quyết theo cơ chế liên ngành; công tác thông tin, thông báo, báo cáo đôi lúc chưa kịp thời. Nhiều đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức công tác kế hoạch; kế hoạch chưa theo định hướng quy hoạch; phương án kế hoạch xây dựng chưa cụ thể, chưa bám sát thực tế; nhiều nhiệm vụ chưa lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của một số đơn vị chưa thường xuyên, kịp thời, chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, xử lý các sai phạm. Việc nắm bắt

tình hình, nhất là các yếu kém ở cấp cơ sở chưa được cấp ủy cấp trên trực tiếp quan tâm đúng mức. Các cơ chế, chính sách, giải pháp cho một số vấn đề lớn của Thành phố như: Xã hội hóa cấp nước sạch, xử lý ô nhiễm môi trường, trạm xử lý nước thải CCN; Chất lượng không khí; Trật tự đô thị; Vi phạm đất đai; Vi phạm trật tự xây dựng; Quản lý và cải tạo chung cư cũ; PCCC; Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo,... còn chậm và chưa đạt mục tiêu đề ra.

Chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả và những chính sách đồng bộ để phát huy nguồn lực trí thức và tiềm lực khoa học, công nghệ rất lớn trên địa bàn vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô. Công tác phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương để triển khai, cụ thể hóa một số nhiệm vụ được nêu trong Luật Thủ đô, các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội về xây dựng và phát triển Thành phố còn chưa kịp thời, hiệu quả còn thấp. Phân công, phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước cho các quận, huyện, cơ sở còn có những vấn đề bất cập.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. DỰ BÁO KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI

Tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, có thể có nhiều tình huống mới. Hòa bình, hợp tác, liên kết phát triển vẫn là xu thế chính nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác là những thách thức lớn đe dọa sự ổn định và phát triển trên thế giới. Các nước lớn tiếp tục có điều chỉnh chiến lược, linh hoạt, phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và các nền kinh tế lớn rất gay gắt. Các liên kết kinh tế khu vực và song phương tiếp tục được thúc đẩy, tuy nhiên liên kết kinh tế toàn cầu vẫn gặp khó khăn bởi xu hướng bảo hộ thương mại, hàng rào phi thuế quan gia tăng, giá cả một số mặt hàng đầu vào cho sản xuất và xây dựng (dầu mỏ, sắt, thép, kim loại quý) có thể biến động mạnh, nhất là sau tác động của tình hình đại dịch Covid-19. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động nhanh, sâu rộng và đa chiều đến mọi mặt KTXH trên phạm vi toàn cầu và của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế số, xã hội số cùng với xu hướng tiêu dùng và đời sống văn hóa - xã hội ở mỗi quốc gia sẽ có nhiều thay đổi.

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp với những biến thể mới nguy hiểm hơn trong khi vắc-xin phòng dịch vẫn khan hiếm, khó tiếp cận nhất là đối với những quốc gia nghèo.

Trong nước, vị thế và tiềm lực của đất nước sau 35 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Thu nhập của người dân tăng nhanh và lợi thế cơ cấu dân số vàng là những động lực cho tăng trưởng. Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới được thực thi góp phần đẩy mạnh hơn nữa cải cách thể chế kinh tế trong nước, tạo cơ hội mở rộng thị trường cho phát triển KTXH và thực hiện công nghiệp hóa.

Tuy nhiên, các yếu tố nền tảng của một quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại còn thấp so với yêu cầu; năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế; nguy cơ mắc bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu của nền kinh tế cũng như các vấn đề xã hội, môi trường, dịch bệnh và nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia vẫn là những khó khăn, thách thức lớn. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường ít nhất là trong 1-2 năm đầu của kỳ kế hoạch 5 năm 2021-2025, có tác động tiêu cực đến các hoạt động KTXH, làm đứt gãy chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, làm đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động du lịch và còn tiếp tục ảnh hưởng đến những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh đó, với vai trò và vị thế Thủ đô, những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen nhưng thời cơ, thuận lợi vẫn là chủ đạo.

Các thành tựu, kinh nghiệm thu được sau 35 năm đổi mới, 12 năm mở rộng địa giới hành chính, 10 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô, 8 năm thực hiện Luật Thủ đô và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển KTXH Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 giúp cho thể, lực và uy tín của Thủ đô ngày càng được nâng cao. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng cùng với sự chủ động tham gia, tận dụng cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo thuận lợi cho Thủ đô phát triển nhanh và bền vững.

Hà Nội tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ đặc biệt của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố, trọng tâm là Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn, Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Thủ đô và sự hợp tác ngày càng chặt chẽ của các bộ, ban, ngành, địa phương. Hà Nội có quy mô dân số đông với cơ cấu trẻ, lực lượng lao động chất lượng cao, quy tụ được đội ngũ doanh nhân, cán bộ, chuyên gia, văn nghệ sỹ, trí thức có trình độ cao.

Truyền thống Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, Thành phố vì hòa bình, Thành phố sáng tạo; truyền thống đoàn kết, trí tuệ, bản lĩnh, ý chí quyết tâm cao và sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân Thủ đô sẽ tiếp tục được phát huy.

Đại dịch Covid-19 đã bùng phát 2 đợt ngay trong nửa đầu năm 2021 trong khi nguồn vắc-xin ngừa Covid-19 khan hiếm, chưa thể tiêm rộng rãi đảm bảo miễn dịch cộng đồng, Thủ đô Hà Nội phải đối mặt với thách thức rất lớn và phải dành mọi nguồn lực để phòng, chống dịch bệnh. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề phức tạp như: khu vực nông thôn còn lớn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình đô thị hóa, mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo tồn và phát triển, nhất là khu vực phố cũ, khu vực nội đô lịch sử; tăng trưởng chưa thực sự ổn định, bền vững; khoảng cách giàu - nghèo có xu hướng gia tăng; vấn đề nhập cư từ các địa phương; tình trạng quá tải đối với hệ thống hạ tầng KTXH; quy hoạch, quản lý đô thị chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; vẫn thường trực các nguy cơ về cháy nổ, tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; khó khăn trong kiểm soát và xử lý nước thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm không khí, úng ngập, vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh, tệ nạn xã hội; tình trạng khiếu kiện, nhất là khiếu kiện đông người, vượt cấp, diễn biến phức tạp. Việc huy động, khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cho phát triển nhanh, bền vững Thủ đô luôn là vấn đề thách thức và còn nhiều vướng mắc cả về thể chế, chính sách và tổ chức thực hiện.

Năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của xã hội và Thành phố, nhất là đối với những vấn đề mới phát sinh. Tình trạng suy thoái đạo đức, phẩm chất, lối sống và tiêu cực khác trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được khắc phục triệt để. Các thế lực, phần tử thù địch, phản động trong và ngoài nước luôn lấy Thủ đô làm địa bàn trọng điểm để thực hiện các âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước, gây mất ổn định an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Mục tiêu, chỉ tiêu Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố được xây dựng từ nửa cuối năm 2020 trong bối cảnh lạc quan về tiến độ tiêm vắc-xin, thời điểm kiểm soát đại dịch Covid-19 và triển vọng kinh tế sớm được phục hồi. Tuy nhiên, ngay trong nửa đầu năm 2021 đại dịch Covid-19 đã bùng phát 2 đợt với biến chủng Delta nguy hiểm. Dự báo, tiến độ tiêm vắc-xin ở trong nước có thể đến năm 2022 và thời điểm để đạt miễn dịch cộng đồng phải tới năm 2023 hoặc lâu hơn. Trong bối cảnh đó, Thành phố phải thực hiện các biện pháp giãn cách và tập trung nguồn lực cho phòng, chống dịch bệnh vì vậy một số mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trước đó tính khả thi không cao. Ngoài ra, Trung ương chưa xác định tỷ lệ điều tiết ngân sách cho Hà Nội nên chưa có cơ sở để cân đối nguồn lực cho một số mục tiêu phát triển.

1. Quan điểm xây dựng kế hoạch

(1) Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch gắn với kịch bản diễn biến của dịch bệnh Covid-19 để đảm bảo tính khả thi.

(2) Đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa các khu vực; dừng thực hiện một số dự án giao thông trong nội đô có kinh phí giải phóng mặt bằng lớn, khó thực hiện để phát triển hạ tầng giao thông hướng tâm, liên vùng nhằm giải tỏa áp lực về hạ tầng cho khu vực nội đô đồng thời hình thành một số cực tăng trưởng mới.

(3) Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu có tính khả thi cao: Trường đạt chuẩn quốc gia, xây dựng nông thôn mới, các thiết chế văn hóa, xử lý ô nhiễm môi trường...

2. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2025, xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; tạo bước chuyển căn bản sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, GRDP/người đạt 8.300-8.500 USD.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

3.1. Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025: 7,5-8,0%; trong đó: Dịch vụ: 8,0-8,5%; Công nghiệp và xây dựng 8,5-9,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2,5-3,0%. (2) Cơ cấu kinh tế năm 2025: Dịch vụ 65,0-65,5%; Công nghiệp và xây dựng 22,5-23,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,4-1,6%. (3) GRDP bình quân/người³⁶: 8.300-8.500USD. (4) Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 3,1-3,2 triệu tỷ đồng. (5) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%. (6) Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0-7,5%³⁷.

3.2. Về văn hóa - xã hội: (7) Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa: 75%; Thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa: 65%; Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 86-88%. (8) Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung

³⁶ Khoảng 195-200 triệu đồng; tỷ giá USD 23,5 nghìn đồng/ 1 USD

³⁷ Trên cơ sở dự báo số lao động đến năm 2025 khoảng 4,2 triệu người

học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 80-85%. (9) Số giường bệnh/vạn dân: 30-35; Số bác sỹ/vạn dân: 15; Duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. (10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75-80%; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 55-60%. (11) Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: dưới 3%. (12) Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố.

3.3. Về quy hoạch, đô thị, nông thôn và môi trường: (13) Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 100%; Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 40%, NTM kiểu mẫu: 20%; Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp Thành phố. (14) Tỷ lệ đô thị hóa: 60-62%; Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu: 100%. (15) Diện tích nhà ở bình quân đạt 29,5 m² sàn /người. (16) Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%. (17) Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội đạt 30%. (18) Tỷ lệ hộ dân thành thị và nông thôn được cung cấp nước sạch: 100%. (19) Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 100%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: 100%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%; Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải: 100%; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 50-55%. (20) Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 30-35% (xem Phụ lục 2).

4. Những định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá

4.1. Các định hướng lớn và nhiệm vụ trọng tâm

(1) Thí điểm tổ chức thành công mô hình chính quyền đô thị, củng cố chính quyền nông thôn. Đẩy mạnh “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; nâng cao năng lực, tinh thần phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu; kiên quyết phòng, chống, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

(2) Tận dụng hiệu quả cơ hội từ hội nhập quốc tế, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với thực hiện đồng bộ 3 đột phá chiến lược. Đi đầu trong việc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cơ chế, chính sách để khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển Thủ đô. Sớm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế theo các chuẩn mực của OECD.

(3) Phát triển nhanh và bền vững; giải quyết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Quản trị xã hội hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công

nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô và hội nhập quốc tế. Chú trọng phát triển văn hóa và con người Hà Nội trên cơ sở phát huy truyền thống Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, ngàn năm văn hiến và anh hùng; Thành phố vì hòa bình, Thành phố sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện với những giá trị nhân văn và tinh thần yêu nước, yêu Hà Nội sâu sắc, tôn trọng pháp luật; giàu lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển, là sức mạnh nội sinh, động lực tinh thần to lớn để phát triển Thủ đô.

(4) Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị, dân cư, trật tự xây dựng, an toàn giao thông, đảm bảo kỷ cương, văn minh đô thị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính trang, phát triển, hiện đại hóa đô thị gắn với phát triển kinh tế đô thị theo hướng bền vững. Tiếp tục đẩy mạnh chất lượng xây dựng NTM, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo chuyển biến căn bản đối với các vấn đề dân sinh cấp bách về giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông... Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH.

(5) Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh, toàn diện, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh nhân dân vững chắc, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm hiệu quả; bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não của Trung ương và Thành phố, các sự kiện quốc gia, quốc tế. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và giao lưu Nhân dân; tăng cường phối hợp, hợp tác với các ban, bộ, ngành Trung ương và liên kết các địa phương, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập, tăng cường vị thế, uy tín và vai trò của Thủ đô trong khu vực và quốc tế.

4.2. Các khâu đột phá

(1) Ưu tiên hiện đại hóa, phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, xây dựng các công trình tiêu biểu, không gian kiến trúc cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô. Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với khu vực ngoại thành, các đô thị vệ tinh, các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô. Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng CNTT, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối liên thông, đồng bộ và thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách; tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị xã hội, quản lý đô thị; cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả phục vụ doanh nghiệp và Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô tạo thể chế thuận lợi để xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững.

(3) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực quản lý xã hội, quản trị kinh tế, nhân lực ngành văn hóa, du lịch... Xây dựng và phát triển

hệ sinh thái học tập sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút, trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Khai thác, phát huy tối đa tài nguyên chất xám, nguồn lực trí tuệ của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trên địa bàn Thành phố. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng Thủ đô thành nơi đáng sống. Đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực quan trọng quyết định phát triển Thủ đô.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Kịch bản tăng trưởng trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Ngay trong nửa đầu năm 2021, đại dịch Covid-19 đã bùng phát 2 đợt và dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tăng trưởng năm 2021 và những năm tiếp theo. Thành phố tập trung thực hiện “*mục tiêu kép*”, vừa phòng, chống dịch bệnh vừa phục hồi phát triển kinh tế; thực hiện đồng bộ, nghiêm túc các giải pháp phòng, chống dịch bệnh và khắc phục thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra; Triển khai tiêm vắc-xin; Hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; Tận dụng tốt các cơ hội để phục hồi và phát triển KTXH khi thiết lập trạng thái bình thường mới;...

GRDP quý I, quý II năm 2021 tăng tương ứng là 5,17% và 6,61% - thấp hơn khá nhiều so với kịch bản đưa ra đầu năm là 6,4% và 7,96%. GRDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,91%³⁸ - tuy đạt gần gấp đôi mức tăng cùng kỳ năm 2020 (2,92%) nhưng thấp hơn nhiều kế hoạch đề ra cả năm là 7,5-8,0%. Căn cứ tình hình thực tế và dự báo diễn biến của đại dịch Covid-19 trong 6 tháng đầu năm, 02 kịch bản trong năm 2021 được xây dựng là tăng trưởng từ 3,97-4,54% (xem Phụ lục 3) và 02 kịch bản tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 được xây dựng như sau:

a) GRDP tăng 7,5%:

Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố đề ra tăng trưởng từ 7,5-8,0%. Căn cứ kịch bản tăng trưởng năm 2021, để hoàn thành mục tiêu tăng 7,5% trong 5 năm 2021-2025 (cận dưới của chỉ tiêu Đại hội) thì nhiệm vụ 4 năm còn lại 2022-2025, GRDP phải tăng bình quân từ 8,25-8,40%/năm.

b) GRDP tăng từ 6,5-7,0%:

Dịch bệnh Covid-19 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, quý III hoặc IV/2021 mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Đến giữa hoặc cuối năm 2022 mới thực hiện tiêm vắc-xin đạt mức miễn dịch cộng đồng; Một số ca nhiễm vẫn diễn ra cục bộ những năm sau đó; Dịch bệnh được kiểm soát từ năm 2023; Có thể xảy ra mất cân đối cung - cầu của một vài loại nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất và xây dựng dẫn đến cản trở sự phục hồi của nền kinh tế; GRDP giai đoạn 2022-2025 tăng bình quân

³⁸ Cao hơn cả nước (5,64%), Tp.HCM (5,46%), Đà Nẵng (4,99%), Cần Thơ (5,61%) nhưng thấp hơn Hải Phòng (13,52%)

từ 7,0-7,77%/năm và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 6,5-7,0% (chi tiết xem Phụ lục 3).

1.2. Phòng, chống dịch bệnh

Quyết liệt thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm “3 trước”, “4 tại chỗ”, nghiêm túc thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế với tinh thần chủ động, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến các hoạt động KTXH và đời sống người dân.

Thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo chiến dịch tiêm chủng vắc-xin quốc gia và kế hoạch của Thành phố, phấn đấu đạt miễn dịch cộng đồng vào cuối năm 2021, đầu năm 2022.

1.3. Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế

Phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường bất động sản, đất đai, khoa học và công nghệ; Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên theo cơ chế thị trường để thúc đẩy kinh tế Thủ đô tăng trưởng nhanh và bền vững. Quản lý, kiểm soát hiệu quả giá đất và nhà ở, bảo đảm phát triển thị trường bất động sản lành mạnh. Khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài sản công, hạ tầng đô thị... Ưu tiên bố trí vốn đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành một số vùng du lịch trọng điểm của Thành phố³⁹.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế; tăng cường xã hội hóa đầu tư hạ tầng KTXH; tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số thành phần xếp hạng PCI, bãi bỏ các rào cản, tập trung vào việc nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, vốn đầu tư,...; tạo môi trường thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp phát triển theo quy định của pháp luật; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

1.4. Về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế Thủ đô dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới toàn diện mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; nâng cao mức đóng góp của TFP trong GRDP lên trên 50%. Phát triển kinh tế tri thức, nâng tỷ trọng đóng góp kinh tế số trong GRDP lên khoảng 30% vào năm 2025. Hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số. Phát triển kinh tế đô thị, các mô hình và loại hình kinh doanh mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn...).

Xây dựng hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN cùng với phát triển mạnh các dịch vụ số; Hoàn thành số hóa toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư, đất đai, tài sản công... Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị Thành phố.

³⁹ Ba Vì, Sóc Sơn, Sơn Tây, Mỹ Đức,...

Tập trung phát triển nhanh một số ngành, lĩnh vực kinh tế số có tiềm năng như: Ngân hàng, tư vấn pháp lý, thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến, dịch vụ di chuyển, du lịch trực tuyến...

Các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế đẩy mạnh hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, CNTT, công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực KTXH và chủ động tham gia và tận dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Xây dựng Chiến lược chuyển đổi số đưa Hà Nội sớm trở thành trung tâm về an toàn, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn của khu vực ASEAN.

a) Cơ cấu lại ngành công nghiệp

Phát triển hạ tầng kinh tế, đầu tư mới, mở rộng các khu công nghiệp, tạo động lực cho tăng trưởng. Hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh thu hút đầu tư, lấp đầy Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Quang Minh II (Mê Linh), Khu công nghệ cao sinh học (Bắc Từ Liêm), Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn; Hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội (quận Long Biên) và Khu công viên phần mềm (huyện Đông Anh). Xây dựng 46/159 CCN còn lại theo Quy hoạch, gắn với hệ thống xử lý nước thải theo quy định; kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật và lấp đầy 80% diện tích (khoảng 2.560 ha) của 89 CCN – làng nghề và ngay trong năm 2021 khởi công xây dựng 43 CCN mới được thành lập, trong đó hoàn thành xây dựng ít nhất 20 CCN (xem Phụ lục 6).

Thực hiện các giải pháp thúc đẩy sự gắn kết của các doanh nghiệp, các khu công nghiệp, CCN và các địa phương theo chuỗi sản xuất, từ khâu nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm.

Xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có chất lượng vượt trội và sức cạnh tranh với vai trò dẫn dắt về công nghệ, tạo nền tảng cho kinh tế số, xã hội số.

Hình thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao trong các lĩnh vực CNTT, cơ khí chính xác, thiết bị điện - điện tử, tự động hóa, công nghệ sinh học, vật liệu mới, dược phẩm, mỹ phẩm cao cấp, chế biến nông, lâm, thủy sản...

Đến năm 2025: Thu hút sự tham gia của khoảng 100-120 doanh nghiệp với khoảng 150-180 sản phẩm công nghiệp chủ lực được công nhận; Có thêm khoảng 1.000 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, trong đó 40% doanh nghiệp có hệ thống sản xuất và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đủ năng lực cung ứng tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu; Khoảng 10 nghìn lượt doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ từ Chương trình khuyến công.

Tạo bước đột phá phát triển về các ngành nghề thủ công truyền thống gắn với đảm bảo môi trường; phấn đấu có khoảng 3.500 mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ với thiết kế mới, đặc trưng phục vụ thị trường trong và ngoài nước.

Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện, công trình điện theo Quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt. Thực hiện các chương trình, kế hoạch

phát triển điện lực, quản lý nhu cầu điện, phát triển năng lượng tái tạo, tăng cường tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tiếp tục ngầm hóa đường dây điện cao, trung, hạ áp tại các quận nội thành. Thực hiện thay thế công tơ cơ khí bằng công tơ điện tử tiến tới áp dụng đồng bộ hệ thống đo xa tự động; chuyển đổi, đồng bộ bộ hóa thiết bị vận hành, cung cấp điện để giảm tổn thất năng lượng; phấn đấu tỷ lệ tổn thất điện năng còn dưới 3,55%. Khuyến khích phát triển các dự án điện rác, lắp đặt điện mặt trời mái nhà và sử dụng các thiết bị điện thông minh, nhất là tại các bãi đỗ xe, nhà xưởng tại các khu công nghiệp, CCN, chiếu sáng đường phố, công viên,... Phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp, CCN, ngành công nghiệp sạch, tiêu hao năng lượng thấp. Phấn đấu có thêm ít nhất 330 cơ sở, công trình xây dựng được công nhận danh hiệu sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cấp Thành phố; mỗi năm có thêm ít nhất 2 công trình xây dựng được chứng nhận công trình xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cấp Quốc gia. Thực hiện giảm mức tiêu hao năng lượng so với giai đoạn 2016-2020 trong ngành/ phân ngành công nghiệp: Dệt may trên 5,0%; Rượu, bia và nước giải khát trên 3,0%; Sản xuất giấy trên 8,0%; Hóa chất trên 7,0%; Sản xuất nhựa trên 18,0%... Phấn đấu tỷ lệ tiết kiệm điện đạt 2,2% trên tổng sản lượng điện tiêu thụ hàng năm.

b) Phát triển ngành dịch vụ

Cơ cấu lại ngành du lịch cả về hạ tầng du lịch, môi trường du lịch, doanh nghiệp du lịch và sản phẩm du lịch. Kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa. Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng các dự án: Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy (huyện Đông Anh); Tổ hợp vui chơi giải trí đa năng - trường đua ngựa (huyện Sóc Sơn); Đầu tư từ 01-02 trung tâm mua sắm dành cho khách du lịch (Outlet). Triển khai lập quy hoạch xây dựng các phân khu chức năng trong khu du lịch quốc gia Ba Vì - Suối Hai và các khu du lịch trọng điểm trên địa bàn Thành phố; đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ; tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển các vùng du lịch trọng điểm của Thành phố. Hình thành một số cụm du lịch trọng điểm: Đồng Mô - Sơn Tây - Ba Vì, Hương Sơn - Quan Sơn, núi Sóc - hồ Đồng Quan, Vân Trì - Cổ Loa. Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch Hà Nội gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc Thăng Long – Hà Nội với các sản phẩm du lịch đặc trưng: Khu vực trung tâm chính trị Ba Đình gắn với khu di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; khu vực phố cổ, phố cũ, hồ Hoàn Kiếm; khu vực hồ Tây và phụ cận; khu di tích Cổ Loa, mùa rổi nước Đào Thục; di tích Đền Hai Bà Trưng; điểm du lịch đền Sóc; chùa Hương, khu vực Ba Vì, làng cổ ở Đường Lâm, chùa Thầy, chùa Tây Phương. Phát triển làng nghề truyền thống kết hợp du lịch tại làng gốm sứ Bát Tràng, dệt lụa Vạn Phúc, sơn mài Hạ Thái... Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các di sản, di tích lịch sử văn hóa, các nhà hát biểu diễn nghệ thuật, nhất là Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Di tích Cổ Loa, Di tích làng cổ ở Đường Lâm.

Phát triển các loại hình và nội dung du lịch thông minh, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch. Các cấp, các ngành

và các tầng lớp nhân dân Thủ đô chủ động tham gia và phát huy vai trò mỗi người dân là một tuyên truyền viên tích cực về du lịch. Số hóa 100% điểm đến du lịch trong hệ thống giới thiệu du lịch của Thành phố bằng giao diện ảnh 360, 3D, FlyCam, công nghệ thực tế ảo.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch có chất lượng cao. Thu hút đầu tư một số dự án theo mô hình khách sạn - trường học; phấn đấu 100% cán bộ, nhân viên trong ngành được đào tạo, bồi dưỡng nghề, kiến thức du lịch. Xây dựng môi trường du lịch an toàn, thân thiện; thực hiện tốt bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch. Phát huy hiệu quả vai trò trung tâm điều phối du lịch lớn nhất của khu vực phía Bắc, gắn kết chặt chẽ với các chuỗi sản phẩm du lịch trong vùng, cả nước và quốc tế.

Xây dựng kịch bản tăng trưởng hàng năm tương ứng với các cấp độ phòng, chống dịch bệnh Covid-19, trong đó quan tâm cơ cấu khách nội địa, khách quốc tế. Phấn đấu năm 2025 thu hút trên 35 triệu lượt khách du lịch, trong đó trên 8 triệu lượt khách quốc tế; tổng thu từ khách du lịch khoảng 151 nghìn tỷ đồng. Tiếp tục quảng bá điểm đến du lịch Hà Nội trên kênh truyền hình trong nước (VTV, HTV), quốc tế (CNN) và trên các nền tảng truyền thông khác. Xây dựng và thực hiện kế hoạch định kỳ hằng năm tổ chức các sự kiện, lễ hội thu hút khách du lịch. Phối hợp tốt với các địa phương tổ chức các chương trình, sự kiện quảng bá du lịch Thủ đô (SEAGames 31). Phát triển, mở rộng 03-05 khu vực thành không gian, tuyến phố đi bộ⁴⁰.

Xây dựng Hà Nội thành trung tâm thương mại lớn về giao thương và kinh tế của cả nước, khu vực Đông Nam Á; phát triển hợp lý các kênh phân phối và lưu chuyển hàng hóa; quy hoạch, tổ chức lại hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối; phát triển và vận hành trung tâm lưu chuyển hàng hóa, trung tâm logistic, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thương mại; thực hiện kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát chung cả nước. Phấn đấu đến năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng đạt khoảng 940 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 10%.

Triển khai kêu gọi đầu tư 01 Tháp trung tâm tài chính⁴¹; 01-02 khu Outlet quy mô lớn⁴². Phấn đấu đến năm 2025, hình thành 01 trung tâm bán buôn, mua sắm cấp vùng, 03 trung tâm logistics, 15 trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, 80 siêu thị và 107 chợ (05 chợ đầu mối tại Gia Lâm, Mê Linh, Ba Vì, Phú Xuyên, Quốc Oai). Ngay trong năm 2021, xây mới 03 trung tâm thương mại⁴³, 10 siêu thị, 100 cửa hàng tiện lợi, 26 chợ; cải tạo, sửa chữa 59 chợ; phát triển trên 30 điểm giới thiệu bán sản phẩm OCOP. Xây dựng Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái của quốc gia tại thành phố Hà Nội.

Thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu; xúc tiến thương mại thường xuyên, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Tạo điều kiện tối đa, nâng cao tính cạnh tranh để thu hút doanh nghiệp thực hiện các thủ tục xuất, nhập

⁴⁰ Một số khu vực: Khu đô thị Nam đường vành đai 3 – Bitexco (quận Hoàng Mai); Không gian đi bộ xung quanh hồ Thiên Quang – Công viên Thống nhất; Không gian đi bộ xung quanh Văn Miếu Quốc Tử Giám, không gian đi bộ xung quanh thành cổ Sơn Tây...

⁴¹ Thuộc quy hoạch chi tiết trục Nhật Tân – Nội Bài;

⁴² Theo các Biên bản ghi nhớ Hợp tác (MOUs) tại Hội nghị Hà Nội 2020 – Hợp tác và Phát triển;

⁴³ Các trung tâm thương mại: Lotte Mall (quận Tây Hồ), AeonMall (quận Hoàng Mai)...

khẩu tại Hà Nội. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 28/10/2020 của UBND Thành phố về việc hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020-2025. Hoàn thành các cảng cạn: Cổ Bi (Gia Lâm), Đức Thượng (Hoài Đức) và Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh.

Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh dịch vụ hiện đại như: trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi, bán hàng qua mạng, máy bán hàng tự động, trung tâm tài chính, thương mại quốc tế, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia và quốc tế, trung tâm dịch vụ tài chính - ngân hàng, tư vấn pháp lý, giáo dục, đào tạo, y tế chất lượng cao... hướng đến phục vụ tầng lớp trung lưu ngày càng tăng nhanh. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thành xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc gia.

Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ, thương mại điện tử, các hình thức thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại. Giữ vững thứ hạng trong nhóm 02 địa phương dẫn đầu cả nước về Chỉ số Thương mại điện tử (EBI). Phấn đấu đến năm 2025, doanh số thương mại điện tử B2C chiếm 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội; tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến đạt 55%; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%; 70% các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử.

Khuyến khích phát triển các website/ứng dụng thương mại điện tử. Thí điểm vận hành chuỗi “Cửa hàng tự động” không người bán, sử dụng mô hình O2O (Online 2 Offline), sử dụng mã hình QR trong đặt hàng trực tuyến và thanh toán trực tuyến, sử dụng logistics điện tử trong giao nhận sản phẩm, hàng hóa. Phấn đấu 80% website thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử; 40% doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại điện tử trên các ứng dụng di động; 90% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng.

Thực hiện quản lý đồng bộ các cửa hàng kinh doanh trái cây trên 30 quận, huyện, thị xã (nhất là tại các tuyến phố, khu dân cư), 100% các cửa hàng kinh doanh trái cây đủ điều kiện để cấp biển nhận diện cửa hàng kinh doanh trái cây an toàn.

c) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm, gắn với nâng cao chất lượng xây dựng NTM, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích các huyện phát triển kinh tế nông nghiệp, khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất, không để hoang hóa; ứng dụng khoa học, kỹ thuật, ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái, nông nghiệp đô thị, sản xuất nông sản sạch, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm OCOP. Nhân rộng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, các mô hình đã được khẳng định trên thực tế⁴⁴; Cơ cấu lại cây trồng, giảm dần diện tích trồng

⁴⁴ Lúa chất lượng cao, hoa cây cảnh, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, kinh tế trang trại...

lúa cả năm còn khoảng 140 nghìn ha vào năm 2025 để chuyển sang trồng cây khác hiệu quả hơn (cây ăn quả, rau), sang nuôi trồng thủy sản; tăng diện tích trồng rau, đậu lên 38 nghìn ha, diện tích cây ăn quả lên 25,75 ha; duy trì diện tích trồng hoa, cây cảnh trên 8,5 nghìn ha; diện tích nuôi trồng thủy sản trên 24 nghìn ha. Phát huy hiệu quả đất bãi các sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Đuống, sông Cà Lồ (khoảng 28 nghìn ha) để phát triển cây rau, đậu thực phẩm, cây ăn quả, cây công trình theo hướng trang trại gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm. Duy trì quy mô đàn lợn từ 1,8-2 triệu con, trong đó lợn thịt khoảng 1,6-1,8 triệu con; đàn bò từ 130-150 nghìn con; đàn gia cầm khoảng 38-40 triệu con. Phát triển con giống vừa để đảm bảo nhu cầu trên địa bàn, vừa để cung cấp cho các địa phương khác. Đến đầu năm 2025, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 70%; sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo chuỗi liên kết trên 50%.

Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; Hỗ trợ kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, chuỗi tiêu thụ sản phẩm, thị trường xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu; Xây dựng quy chế phối hợp, thực hiện hệ thống đánh giá chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn về sản xuất nông sản hữu cơ và an toàn thực phẩm, nhất là phát triển các chuỗi sản xuất theo VietGAP, VietGHAP, GlobalGAP, HACCP, GMP... Hỗ trợ kết nối với các địa phương trong vùng và cả nước để đảm bảo chuỗi cung ứng hàng nông sản, giữa nông thôn với đô thị để tạo việc làm, sinh kế bền vững. Kêu gọi đầu tư xây dựng 01 khu phức hợp chế biến, bảo quản, kiểm định hỗ trợ hàng nông sản xuất khẩu.

Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; chất lượng các sản phẩm nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm; chất lượng các loại vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi.

Hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp nông thôn; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, hình thành các tổ chợ công – nông nghiệp - dịch vụ hỗ trợ thông qua việc thuê đất nông nghiệp hoặc liên kết với trang trại, HTX.

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch gắn với tăng cường quản lý đất lâm nghiệp; bảo vệ, phát triển và khai thác có hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 6,2% và diện tích xanh/người đạt 7,8-8,1 m² vào năm 2025. Thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh vào năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu trồng 3,5 triệu cây xanh, trong đó 500 nghìn cây xanh đô thị. Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu; phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tập trung tại các huyện Ba Vì, Sóc Sơn.

d) Đẩy mạnh cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm

Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất kinh doanh, giảm tỷ trọng thu từ tài nguyên, nhất là đất đai, khai thác thêm các nguồn thu có triển vọng (ngoài quốc doanh, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân phù hợp với mức tăng thu nhập của người dân và các lĩnh vực khác), phấn đấu vượt dự toán thu hằng năm được Quốc hội, Chính phủ giao, đảm bảo cân đối thu - chi ngân sách trong mọi tình huống. Quản lý chặt chẽ thu ngân sách trên địa bàn, không ngừng mở rộng cơ sở thuế, áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử, chống xói mòn cơ sở thuế.

Siết chặt kỷ luật chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là chi khánh tiết, hành chính, lễ hội, đi công tác nước ngoài. Xem xét lại phân cấp thu, chi ngân sách cho các quận, huyện, thị xã; xây dựng cơ chế phù hợp hỗ trợ nguồn lực cho các huyện còn khó khăn và các huyện đã được phê duyệt Đề án xây dựng trở thành quận giai đoạn 2021-2025.

Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, cả đầu tư công và đầu tư của các thành phần kinh tế. Cơ cấu lại thị trường tài chính - tiền tệ; nâng cao năng lực hoạt động của các ngân hàng thương mại gắn với xử lý nợ xấu, đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, tín dụng chính sách, hạn chế, đẩy lùi tín dụng đen.

Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp. Khuyến khích và thực hiện các giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng và chất lượng, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong tăng trưởng kinh tế.

Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa; tạo nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ ổn định và phát triển bền vững. Hỗ trợ hình thành một số tập đoàn tư nhân lớn, có khả năng cạnh tranh quốc tế, dẫn dắt và thúc đẩy phát triển hệ thống các doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng ngành nghề.

Sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước, tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác sắp xếp, cổ phần hoá.

Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập; Nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công, đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển mạnh các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

Xây dựng Kế hoạch chuyên đơn vị sự nghiệp sang tự chủ giai đoạn 2021-2025 đảm bảo mục tiêu tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên. Tăng cường giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Đổi mới, nhân rộng các mô hình kinh tế HTX hoạt động có hiệu quả. Kiện toàn tổ chức ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX. Củng cố, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh HTX. Tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh; xử lý nợ đọng ở các HTX, tạo điều kiện để giải thể các HTX kiểu cũ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, HTX phát triển bền vững. Phân đầu hàng năm có thêm 70 HTX thành lập mới; nâng tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả lên trên 80,0% vào năm 2025.

1.5. Về thu hút nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, kinh doanh

Xã hội hóa đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý kết cấu hạ tầng; Khuyến khích sử dụng vốn từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường; Ứng dụng CNTT, công nghệ số vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Vốn đầu tư ngân sách Thành phố tập trung vào các chương trình mục tiêu, các dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển KTXH Thủ đô. Bố trí vốn đầu tư công đúng định hướng để tạo đột phá về phát triển hạ tầng KTXH. Vốn ngoài ngân sách tập trung cho các lĩnh vực: Công nghiệp, dịch vụ, thương mại; du lịch, khách sạn; nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản; y tế, giáo dục, thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, môi trường, cấp nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải, chất thải, nghĩa trang.

Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, giám sát đầu tư nhằm bảo hộ và đề cao trách nhiệm của nhà đầu tư; rà soát, kiên quyết xử lý các dự án treo, các dự án chậm tiến độ.

Khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công - tư nhằm giải quyết căn bản tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, bức xúc về nhà ở và các vấn đề dân sinh khác.

Nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp, người dân được tiếp cận với các dịch vụ tài chính, ngân hàng và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển KTXH.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư (trong và ngoài nước) và quản lý đầu tư nước ngoài; chú trọng các phương thức xúc tiến hiện đại, sẵn sàng thích nghi trong các điều kiện ảnh hưởng của dịch bệnh. Chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; CNTT, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, thực phẩm sạch an toàn; phát triển kết cấu hạ tầng, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ tài chính, ngân hàng... tạo lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Tăng cường liên kết giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước, phát triển các mô hình liên kết ngành, chuỗi giá trị; khuyến khích chuyển giao công nghệ và quản trị cho doanh nghiệp trong nước, đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ cho lao động trong nước. Khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển trên địa bàn Thủ đô. Phấn đấu thu hút vốn đầu tư nước ngoài từ 30-40 tỷ USD (khoảng 6-8 tỷ USD/năm). Tiếp tục thu hút nguồn vốn ODA để đầu tư các dự án đường sắt đô thị và cải tạo môi trường.

2. Lĩnh vực phát triển và quản lý đô thị

2.1. Về quy hoạch và quản lý quy hoạch

Xây dựng, trình phê duyệt Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề xuất các nội dung để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch phát triển vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành việc rà soát, tổng hợp quy hoạch để trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô song song với việc rà soát, đánh giá các quy hoạch chung xây dựng huyện được phê duyệt trong giai đoạn trước, tổ chức lập 14 quy hoạch vùng huyện, quy hoạch các khu chức năng. Đề xuất chủ

trương và xây dựng quy hoạch vùng huyện Đông Anh, Sóc Sơn, Mê Linh thành thành phố.

Hoàn thành các quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống, các đô thị vệ tinh; Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông; Lập các quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nông thôn theo hướng xanh, hiện đại, giữ gìn bản sắc truyền thống. Tiến hành đồng bộ các giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền, tổ chức triển lãm công bố công khai quy hoạch đối với người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn gắn với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống; quy hoạch các làng nghề truyền thống, các cụm công nghiệp làng nghề kết hợp phát triển du lịch, kinh tế nông thôn. Quy hoạch đồng bộ, tập trung thu hút đầu tư phát triển một số cụm du lịch: Ba Vì - Suối Hai, Hương Sơn - Quan Sơn, núi Sóc - hồ Đồng Quan, Vân Trì - Cổ Loa... Khai thác hiệu quả các khu vực cảnh quan thiên nhiên đẹp và hấp dẫn của vùng nông thôn kết hợp khai thác du lịch và các khu nghỉ dưỡng ngoại ô.

Thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu hợp nhất về quản lý quy hoạch - kiến trúc - xây dựng - phát triển đô thị trên toàn địa bàn Thành phố.

2.2. Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị

Huy động tối đa mọi nguồn lực tạo bước đột phá về đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông. Phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải và các bộ ngành liên quan hoàn thành 04 đồ án quy hoạch ngành quốc gia: Quy hoạch mạng lưới đường bộ; Quy hoạch mạng lưới đường sắt; Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; Quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp với sử dụng đất.

Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm (trục Tây Thăng Long, các tuyến vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, vành đai 2 đoạn Mai Động - Ngã Tư Vọng, vành đai 2,5 đoạn Đàm Hồng - Giải Phóng, vành đai 4,...). Triển khai đầu tư xây dựng các cầu vượt sông Hồng (cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2, cầu Thượng Cát, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Mỹ Sở, cầu Tứ Liên). Phát triển các tuyến đường có tính kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối vùng nội vùng và liên vùng (cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, quốc lộ 6,...).

Xây dựng nền tảng về hạ tầng KTXH tại khu vực huyện dự kiến thành quận giai đoạn 2025-2030 và những năm tiếp theo (Thanh Oai, Mê Linh, Thường Tín,...).

Đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trên cao, đường sắt đô thị, các công trình ngầm gắn với khả năng kết nối đồng bộ giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng. Đầu tư, đưa vào vận hành 02-03 tuyến đường sắt đô thị vận tải hành khách khối lượng lớn, tốc độ cao. Khởi công 01 tuyến đường sắt đô thị. Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt đô thị số 3.2 (ga Hà Nội – Hoàng Mai), tuyến số 5 (Văn Cao – Ngọc Khánh – Láng – Hòa Lạc), tuyến số 2.3 (đoạn Nam Thăng Long – Nội Bài).

Phát triển mạng lưới giao thông tỉnh (bến, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận, trạm dừng nghỉ, các đầu mối giao thông công cộng...). Quy hoạch, xây dựng công trình đỗ ô tô ngầm và nổi; Đẩy nhanh xây dựng các bến xe, các bãi đỗ xe ngầm trong vành

đai 3 và một số bãi đỗ xe ngầm, nổi và cao tầng, nâng tỷ lệ quỹ đất cho giao thông đô thị khoảng 12-15% diện tích đất đô thị.

Xây dựng và thực hiện điểm trung chuyển khách phục vụ du lịch..., tổ chức triển khai hiệu quả các tuyến xe buýt kết nối từ trung tâm Thành phố tới các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn. Rà soát, đánh giá toàn diện dự án đầu tư phát triển xe buýt nhanh (BRT) để sớm bổ sung, hoàn thiện phương án, lập kế hoạch đầu tư các giai đoạn tiếp theo. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 16/10/2020 về phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 30-35%.

Tiếp tục xây dựng, hiện đại hóa hệ thống quản lý giao thông bằng các giải pháp giao thông thông minh; đưa vào vận hành Trung tâm điều hành tập trung của Thành phố. Tập trung phát triển hệ thống giao thông công cộng, thực hiện các giải pháp hỗ trợ, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng. Từng bước hạn chế phương tiện giao thông cá nhân theo Đề án “Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2030”.

2.3. Về đầu tư mở rộng khu vực đô thị, gắn với quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông kết nối thuận lợi giữa khu vực trung tâm với khu vực ngoại thành, các đô thị vệ tinh; kết nối liên vùng với các địa phương, kết nối các khu, cụm công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các đô thị vệ tinh và các huyện dự kiến thành lập quận đảm bảo đáp ứng tiêu chí quy hoạch đô thị. Đầu tư kết nối giao thông, hạ tầng thông tin đồng bộ các đô thị vệ tinh, đô thị Nhật Tân - Nội Bài, đô thị sinh thái ven sông Hồng; hình thành những vùng chuyển tiếp, vành đai xanh giữa đô thị và nông thôn phù hợp với từng khu vực phát triển. Ưu tiên đầu tư xây dựng đô thị vệ tinh Hòa Lạc trên cơ sở quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phát triển nhanh hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh. Khẩn trương xây dựng và sớm hoàn thành đô thị thông minh phía Bắc sông Hồng thành một đô thị mang tính biểu tượng đặc sắc, hiện đại và bền vững của Thủ đô và cả nước. Xây dựng các trục, điểm nhân phát triển trung tâm tài chính, ngân hàng, thời trang, làng nghề, cảnh quan đô thị: Hồ Hoàn Kiếm, đường Thanh Niên, đường Võ Nguyên Giáp, đường Võ Chí Công (trục Nhật Tân - Nội Bài), trục đường Hồ Tây - Ba Vì, trục đường Phạm Văn Đồng - Hồ Tây... Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, không gian kiến trúc cảnh quan kết hợp hài hòa bản sắc dân tộc và hiện đại, tạo cảnh quan đô thị đặc sắc, đặc trưng cho Thủ đô và cả nước. Tăng tính kết nối giữa các khu vực đô thị với các vùng nông thôn; lấy phát triển đô thị để tạo điều kiện, động lực thúc đẩy phát triển khu vực ngoại thành.

Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Diện tích nhà ở bình quân đạt 29,5 m² sàn/người vào năm 2025. Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%; tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội đạt 30%.

Chuẩn bị đầu tư 05 khu nhà ở xã hội tập trung, 02 dự án nhà ở công nhân. Sử dụng tiền thu được từ giá trị quỹ đất 20%, 25% tại các dự án nhà ở thương mại, khu

đô thị để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Phần đầu xây dựng khoảng 1,25 triệu m² sàn nhà ở, tương đương khoảng 25 nghìn căn hộ nhà ở xã hội.

Bố trí ngân sách (cơ chế linh hoạt) để mua lại một số quỹ nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng và hoàn trả chi phí xây dựng tại một số dự án nhà ở thương mại có quỹ nhà tái định cư phải bàn giao cho Thành phố giai đoạn 2021-2025; Đầu tư xây dựng mới 05 dự án nhà tái định cư, khoảng 0,565 triệu m² sàn nhà ở tái định cư, tương đương khoảng 7.117 căn hộ.

Xây dựng khoảng 19,69 triệu m² sàn nhà ở thương mại. Triển khai đầu tư xây dựng 2-3 khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh⁴⁵.

Xây dựng và thực hiện Đề án khung cơ chế chính sách đặc thù để thúc đẩy tiến độ cải tạo, xây dựng mới các khu chung cư cũ xuống cấp, nguy hiểm, hết niên hạn sử dụng thành các khu đô thị văn minh, hiện đại. Cải tạo, xây dựng lại 02-03 khu chung cư cũ, ưu tiên cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ⁴⁶ có nhà nguy hiểm và chuẩn bị triển khai các khu còn lại. Chính trang 20 nhà biệt thự và 10 công trình kiến trúc có giá trị được xây dựng trước năm 1954.

Tiếp tục xây dựng, cải tạo hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ nước trên địa bàn theo quy hoạch. Kêu gọi đầu tư các công viên giải trí đạt tiêu chuẩn quốc tế, công viên chuyên đề, công viên giải trí, nghỉ ngơi. Thực hiện cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có; Đầu tư xây dựng mới 05 công viên, vườn hoa. Trồng mới 3,5 triệu cây xanh, trong đó 500 nghìn cây xanh đô thị, phần đầu nâng diện tích xanh đạt 7,8-8,1m²/người vào năm 2025. Nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, quản lý và xử lý hiệu quả các vấn đề về nhà ở đô thị, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự và an toàn giao thông, xử lý chất thải và bảo đảm vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị... Đầu tư thay thế đèn LED hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cảnh quan, mỹ thuật; hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trong khu vực khu phố cũ, phần đầu hoàn thành hạ ngầm 100% hệ thống cáp điện lực, thông tin tại các khu vực phát triển đô thị, các tuyến đường cải tạo, xây dựng mới. Chính trang hè, đường tại 180 tuyến phố trên địa bàn 12 quận. Bổ sung, lắp đặt hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý trật tự đô thị, an toàn giao thông.

Tiếp tục đầu tư phát triển mạng cấp nước và một số nhà máy sử dụng nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, nâng tổng công suất khai thác của các nhà máy nước đạt từ 1,8-2,0 triệu m³/ngày đêm. Thực hiện lộ trình giảm dần và tiến tới ngừng sử dụng các giếng khai thác nước ngầm trong khu vực nội thành.

3. Xây dựng nông thôn mới

3.1. Hoàn thành xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM; huy động nguồn lực xây dựng xã NTM kiểu mẫu gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững. Hoàn thành mục tiêu xây dựng

⁴⁵ Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm; Dự án Thành phố Thông Minh, huyện Đông Anh,...

⁴⁶ Ví dụ như các khu tập thể Giảng Võ, Thành Công, Ngọc Khánh

NTM cấp Thành phố, 20% số huyện đạt NTM nâng cao, 40% số xã đạt NTM nâng cao, 20% số xã đạt NTM kiểu mẫu vào năm 2025 (xem Phụ lục 5).

Đầu tư phát triển hạ tầng KTXH nông thôn khu vực ven đô, tập trung các huyện được phê duyệt Đề án phát triển thành quận đến năm 2025 theo quy hoạch và theo tiêu chí đô thị. Đầu tư xây dựng 20 tuyến đường giao thông hạ tầng khung tại các huyện thuộc đề án lên quận.

Thực hiện cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống tưới tiêu, thoát nước thải, cấp nước sạch; nâng cấp các chợ dân sinh, xây dựng chợ đầu mối; đảm bảo môi trường nông thôn, xây dựng các khu chăn nuôi, khu giết mổ tập trung và tách sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm khỏi khu dân cư. Hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100%. Nâng cao hiệu quả hoạt động của 08 cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp đang hoạt động; xây dựng mới và đưa vào hoạt động 06 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, 11 cơ sở quy mô nhỏ, giảm số cơ sở, điểm giết mổ nhỏ lẻ trong khu dân cư còn dưới 40%.

Đầu tư hạ tầng kinh tế đồng bộ với hạ tầng xã hội (trường học, y tế, các công trình văn hóa...) đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Đảm bảo 100% số thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn; 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ. Khuyến khích các quận có nguồn lực hỗ trợ các huyện hoàn thiện hệ thống hạ tầng để cùng phát triển.

Xây dựng NTM gắn với định hướng đô thị hóa, cùng với tái cơ cấu và phát triển kinh tế ngoại thành. Gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch. Xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, phát huy lợi thế và nâng cao sức cạnh tranh của các làng nghề truyền thống gắn với bảo tồn, phát triển văn hóa, du lịch và bảo vệ môi trường khu vực nông thôn.

Xây dựng và thực hiện Đề án “Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái của quốc gia tại Hà Nội”. Phấn đấu đến năm 2025: mỗi huyện, thị xã xây dựng ít nhất 01 trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch; có thêm 2.000 sản phẩm OCOP, 50 làng nghề, nghề truyền thống (lũy kế có khoảng 370 làng nghề được công nhận); có ít nhất 100 làng nghề, nghề truyền thống được hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác nhận quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể; 100% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận đánh giá tác động môi trường.

Di dời cơ sở chăn nuôi hộ gia đình ra khỏi khu dân cư, di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ra các cụm công nghiệp, không để sản xuất gây ảnh hưởng, ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

3.2. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, gắn với thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với nông dân

Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn để xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, vùng xa trung tâm, giúp nông dân nâng cao năng suất, tăng thêm thu nhập giảm khoảng cách về mức sống so với

khu vực thành thị. Phần đầu đến năm 2025, thu nhập khu vực nông thôn đạt 80 triệu đồng/người/năm trở lên. Đồng thời có chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân trong quá trình chuyển lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

Củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn; xây dựng xã hội ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tập trung giải quyết các vấn đề dân sinh, bức xúc, các vấn đề xã hội và an ninh ở nông thôn.

Củng cố các kết quả đạt được và quan tâm xây dựng hệ thống trường học, trạm y tế, nhất là ở vùng xa trung tâm. Tăng cường đầu tư xây dựng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa ở cơ sở và chỉnh trang hạ tầng nông thôn.

Thực hiện có hiệu quả an sinh xã hội, chính sách bảo hiểm y tế, chính sách dân số, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Phần đầu 100% số xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi. Khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Phát triển văn hóa khu vực nông thôn gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc và phát triển du lịch.

4. Phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh

4.1. Phát huy giá trị văn hóa, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tinh thần đổi mới, sáng tạo ở các cấp, các ngành (nhất là người đứng đầu) và cộng đồng dân cư trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển sự nghiệp văn hóa. Quan tâm phát triển văn hóa ở vùng nông thôn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các khu công nghiệp, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực dân cư và giai tầng xã hội. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp.

Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, tín ngưỡng và giữ gìn, nâng cao đạo đức truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

Quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với thiết kế sáng tạo, quản lý, khai thác hiệu quả các không gian văn hóa công cộng, cảnh quan, di tích; khuyến khích phát triển các không gian văn hóa sáng tạo trong cộng đồng; gắn phát triển công nghiệp văn hóa với kinh tế du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch văn hóa bền vững, có giá trị kinh tế cao.

Phát triển các trục không gian văn hóa dọc bờ Bắc và bờ Nam Sông Hồng, trục kết nối không gian thành cổ Hà Nội và trục Tây Hồ Tây - Hồ Tây - Cổ Loa nhằm tổ chức các không gian lễ hội văn hóa, các sự kiện văn hóa lớn của Thủ đô; Xây dựng các công trình văn hóa kết hợp với tổ hợp công trình công cộng đa chức năng và không gian cây xanh công viên: bảo tàng cấp quốc gia, nhà hát, cung văn hóa cấp thành phố, trung tâm đào tạo chuyên ngành nghệ thuật, công viên vui chơi giải trí, quảng trường lớn kết hợp tượng đài, công viên chuyên đề, các dịch vụ công cộng, dịch vụ du lịch đi kèm.... Hình thành Trung tâm văn hóa Tây Hồ Tây, xây dựng công viên Thăng Long gắn với các công trình biểu tượng văn hóa Thủ đô

như: Bảo tàng lịch sử Quốc gia, Nhà hát Thăng Long, quảng trường văn hóa hướng ra hồ Tây... Trung tâm văn hóa quốc gia trên trục Hồ Tây - Ba Vì, xây dựng mới Quảng trường Hòa Bình, Trung tâm giao lưu văn hóa quốc gia, quốc tế (khoảng 200-250 ha).

Xây dựng văn hóa trong chính trị và trong phát triển KTXH, bắt đầu từ trong bộ máy nhà nước, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát triển hài hòa giữa văn hóa và kinh tế, trong đó, tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức đúng, hiểu biết sâu sắc, toàn diện về công nghiệp văn hóa. Phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quan tâm, ưu tiên phát triển mạnh các ngành công nghiệp văn hóa đi đôi với hoàn thiện thị trường văn hóa, sớm hình thành thị trường sản phẩm dịch vụ văn hóa, thông tin lành mạnh.

Thực hiện bảo hộ quyền tác giả, thực thi nghiêm quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của Nhân dân, vị trí trung tâm của cộng đồng doanh nghiệp, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, đoàn thể trong tổ chức, quản lý các hoạt động sáng tạo, phát triển sản phẩm văn hóa - nghệ thuật độc đáo có sức lan tỏa cao.

Chuẩn hóa về tổ chức bộ máy, mô hình quản lý, đầu tư cơ sở vật chất và đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa. Đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân dân gian, văn nghệ sĩ... và khuyến khích trao truyền, sáng tạo các giá trị văn hóa mới.

Tập trung nguồn lực quản lý bảo tồn, phát huy và khai thác có hiệu quả giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thu hút phát triển du lịch. Phần đầu có 03 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, 08 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia, 80 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Thành phố.

Phát triển văn học, nghệ thuật Thủ đô, sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao, tạo dấu ấn về tư tưởng và nghệ thuật. Chăm lo phát triển phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng; nâng cao chất lượng hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật. Phát huy trí tuệ, tâm huyết, sáng tạo của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ Thủ đô. Phần đầu hàng năm hoàn thành trên 18 vở diễn được dàn dựng mới và biểu diễn, trên 3.000 buổi biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, 10 phim tài liệu, khoa học, hoạt hình được sản xuất.

Chủ động và sáng tạo trong hội nhập quốc tế về văn hóa, đưa Hà Nội trở thành địa điểm hấp dẫn về giao lưu, hợp tác, tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao trong nước và quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế tham gia phát triển văn hóa, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam và Thủ đô Hà Nội. Thực hiện các nội dung gia nhập mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” theo tiêu chí, lộ trình đã cam kết với UNESCO. Hoàn thành dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long và di tích Quốc gia đặc biệt Cổ Loa (huyện Đông Anh); hoàn thành, đưa vào sử dụng dự án khu trưng bày Bảo tàng Hà Nội.

Thường xuyên tổ chức các sự kiện và xây dựng các sản phẩm văn hóa mang tầm quốc tế; thu hút và đăng cai tổ chức các sự kiện văn hóa lớn mang tầm khu vực và quốc tế. Duy trì các hoạt động văn hóa, nghệ thuật hàng năm: Lễ Hội Hoa Anh Đào Nhật Bản, Lễ hội âm thực Hà Nội; Lễ hội văn hóa dân gian đương đại; Trình diễn văn hóa phi vật thể; Lễ hội đường phố; Lễ hội Âm nhạc quốc tế Gió mùa (Moonson); Chương trình nghệ thuật đếm ngược Countdown; Cuộc thi Giọng hát hay Hà Nội mở rộng; Liên hoan Sân khấu Thủ đô; Chương trình Hòa nhạc giao hưởng London (VietNam airline concert); Liên hoan phim Quốc tế Hà Nội, Cuộc thi Nữ sinh thanh lịch Thủ đô; Cuộc thi người đẹp đại sứ du lịch...

Xây dựng môi trường phát triển văn hóa đọc theo chiều sâu, tập trung nâng cao năng lực thông tin nhằm tạo điều kiện cho người dân tự học và học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập, phát triển nguồn nhân lực Thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện. Hoàn thành công tác quy hoạch báo chí, nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, mạng xã hội đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính định hướng dư luận, nhiệm vụ chính trị, phát huy được tiềm năng, thế mạnh nguồn lực nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ... Xây dựng cơ quan truyền thông đa phương tiện; trung tâm báo chí của Thành phố. Tăng cường tuyên truyền, thông tin tích cực, đấu tranh hiệu quả với các quan điểm sai trái và các sản phẩm văn hóa độc hại; thông tin đối ngoại trên các phương tiện truyền thông mới, thông qua mạng di động, mạng xã hội, internet, quảng bá hình ảnh Thành phố, xây dựng niềm tin xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, tinh thần tự hào dân tộc, thực hiện khát vọng dân tộc Việt Nam hùng cường, Thủ đô vững mạnh.

4.2. Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, khơi dậy ý chí, niềm tự hào, khát vọng phát triển của Nhân dân Thủ đô

Xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, phát triển toàn diện, hình thành hệ giá trị văn hóa mới phù hợp với xu thế thời đại gắn với phát huy những giá trị nhân văn sâu sắc của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội ngàn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, một động lực quan trọng phát triển Thủ đô. Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tình yêu Hà Nội, truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, gương mẫu về đạo đức, lối sống, khát vọng đổi mới sáng tạo, ý chí vươn lên của mỗi người dân Thủ đô. Tạo dấu ấn văn hóa người Hà Nội tiêu biểu cho văn hóa của dân tộc.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng các danh hiệu về văn hóa và hiệu quả thực hiện 02 quy tắc ứng xử nơi công sở và nơi công cộng và Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức; coi trọng giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh, gắn với giáo dục giá trị sống cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường bảo đảm vừa có tính thời đại, tính dân tộc và đặc trưng của Hà Nội. Thực hiện 70-73% tỷ lệ cơ

quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hoá hàng năm (tính trên tổng số đăng ký).

Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác văn hóa từ Thành phố tới cơ sở. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên. Phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và vai trò của văn học, nghệ thuật trong xây dựng môi trường văn hóa, nghệ thuật lành mạnh và nhân văn; người Hà Nội thanh lịch, văn minh, có lối sống nhân ái, nghĩa tình, thủy chung, trong sáng, tuân thủ pháp luật.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin truyền thông, báo chí về truyền thống thanh lịch, văn minh; khả năng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại tạo nên những giá trị văn hóa mới của người Hà Nội; kịp thời biểu dương, khen thưởng gương người tốt, việc tốt, tạo sự lan tỏa trong xã hội; xử lý, ngăn chặn hiệu quả những hiện tượng, hành vi xuống cấp về đạo đức, lối sống; đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Kiên trì giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức thượng tôn pháp luật của người dân Hà Nội, nhất là thế hệ trẻ. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

5. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực

5.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Phát huy tối đa các nguồn lực để xây dựng Thủ đô thực sự là một trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, chú trọng phát triển năng lực sáng tạo trong nhà trường, phát triển trường học ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội đi đôi với tăng cường quản lý chất lượng; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Thúc đẩy đổi mới cơ chế và mô hình quản trị nhà trường, vận hành các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII).

Tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh; có lộ trình thực hiện kiểm định chất lượng các trường chất lượng cao trên địa bàn làm căn cứ để xác định mức học phí tương xứng với chất lượng; xây dựng Đề án nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục phổ thông, cải thiện thứ hạng đối với kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Chú trọng giáo dục phẩm chất, nhân cách, văn hóa, lịch sử Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội đi đôi với đào tạo năng lực nhận thức, tư duy đổi mới, sáng tạo cho người học, xây dựng “thế hệ trẻ sáng tạo”; phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu biên soạn nội dung, phương pháp thể hiện các trò chơi dân gian để đưa vào chương trình giáo dục thể chất của học sinh phổ thông. Phối hợp, liên kết giữa trường học các cấp, các cơ sở giáo dục với các bảo tàng, triển lãm, khu di tích và làng nghề truyền thống... tổ chức tham quan và các hoạt động thực tế, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có những hoạt động ngoại khóa sinh động, hữu ích, hiệu quả góp phần giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử của đất nước. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội; đảm bảo trên 90% trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học tham gia chương trình sữa học đường. Đầu tư cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại, từng bước giảm dần số học sinh/lớp, nhất là ở khu vực nội thành. Xây dựng

từ 3-5 trường liên cấp có diện tích từ 5 ha trở lên ở một số quận, huyện có điều kiện (Bắc Từ Liêm, Thanh Trì, Thạch Thất, Đông Anh, Gia Lâm, Hà Đông...) được đầu tư hiện đại, ngang tầm khu vực và quốc tế.

Thực hiện có hiệu quả hội nhập quốc tế về lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tổng kết mô hình đào tạo song bằng, rút kinh nghiệm và nghiên cứu tiếp tục mở rộng các mô hình hợp tác quốc tế; duy trì tổ chức thường niên các cuộc thi học sinh giỏi cấp khu vực và quốc tế (Cuộc thi Toán học Hà Nội mở rộng HOMC). Xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, an toàn, lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nâng cao chất lượng giáo dục trường Đại học Thủ đô và các trường Cao đẳng trực thuộc Thành phố.

5.2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xây dựng chiến lược và có kế hoạch cụ thể để trọng dụng nhân tài; tuyển chọn đào tạo và gửi đào tạo ở các quốc gia tiên tiến, sớm hình thành đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học, quản lý thuộc nhiều lĩnh vực đáp ứng yêu cầu công việc cả trước mắt và lâu dài của Thủ đô. Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên. Phát triển thị trường lao động đồng bộ, thống nhất, có sự quản lý, kiểm soát, điều tiết của Nhà nước, hướng đến việc làm bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch việc làm và các điểm giao dịch việc làm vệ tinh. Tích cực hỗ trợ, duy trì việc làm ổn định cho người lao động và thực hiện tốt phúc lợi xã hội.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp phổ thông, thực hiện hiệu quả Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025". Tổ chức thực hiện tốt các chương trình dạy nghề, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Tăng cường công tác xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nhất là những ngành/ngành đang phát triển, những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của xã hội như: Du lịch; Công nghiệp công nghệ cao; Công nghệ tự động hóa; Công nghệ thông tin; Công nghệ sinh học; Dược, mỹ phẩm; Nông nghiệp công nghệ cao; Logistics... Tiếp tục nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và lao động có bằng cấp, chứng chỉ theo quy định. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động cùng với nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng công tác dự báo để chủ động chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu, xu thế phát triển; nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi nghề. Phấn đấu mỗi năm đào tạo nghề cho khoảng 230 nghìn lượt người. Duy trì tổ chức các hoạt động phong trào cấp Thành phố: Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Hội thi thiết bị đào tạo tự làm (định kỳ 3 năm 1 lần); Kỳ thi kỹ năng nghề (định kỳ 2 năm 1 lần); đồng thời, tham gia cấp toàn quốc do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức và tham gia đoàn thí sinh của Việt Nam tham dự kỳ thi kỹ năng nghề khu vực ASEAN;...

Tập trung nghiên cứu, xây dựng và phát triển “hệ sinh thái học tập sáng tạo” ở các cấp học, bậc học đáp ứng yêu cầu mục tiêu đổi mới sáng tạo và chiến lược phát triển bền vững của Thành phố. Tăng cường phối hợp hiệu quả trong giáo dục đại học gắn với cơ chế, chính sách phù hợp để tận dụng thế mạnh của các cơ sở đào tạo đại học trong cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Hà Nội và cả nước. Đầu tư, nâng cấp 04 trường cao đẳng nghề thuộc Thành phố trở thành trường chất lượng cao.

6. Lĩnh vực khoa học, công nghệ

6.1. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Xây dựng thành phố Hà Nội trở thành trung tâm công nghệ cao với tiềm lực nghiên cứu khoa học, năng lực nghiên cứu, sáng chế và ứng dụng chuyển giao công nghệ dẫn đầu cả nước. Tiên tới nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á trong nghiên cứu cơ bản về toán, vật lý và y học. Phấn đấu dẫn đầu cả nước về công bố khoa học quốc tế, về hình thành, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu Thủ đô; tốc độ gia tăng đăng ký sáng chế thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Tăng cường kết nối, phát huy có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia trong việc tháo gỡ, giải quyết các thách thức của Thành phố; tập trung huy động đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu ở các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng... trên địa bàn cùng vào cuộc, đồng hành vì sự phát triển Thủ đô.

Tăng cường xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là đầu tư từ doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2025, tổng đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thấp hơn 1% GRDP Thủ đô.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ gắn với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xu hướng phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm. Chú trọng thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế sử dụng Quỹ phát triển khoa học, công nghệ đầu tư cho đổi mới sáng tạo, đổi mới, ứng dụng và phát triển công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ yêu cầu đổi mới, hội nhập, phát triển văn hóa, KTXH, quản lý đô thị và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tương xứng với vị thế và tầm vóc Thủ đô.

Đổi mới căn bản việc đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn và thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phù hợp cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị nghiên cứu. Tăng cường cơ chế đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu từ Thành phố, các sở, ban, ngành và các doanh nghiệp.

Tập trung phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo; hình thành trung tâm tổ chức các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quy mô quốc gia và quốc tế, kết nối chặt chẽ với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế; thúc đẩy hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo trong các trường đại học, viện nghiên cứu, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố, phấn đấu dẫn đầu cả nước vào năm 2025, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN vào năm 2030 và thuộc nhóm dẫn đầu ở châu Á vào năm 2045.

Xây dựng “Mạng lưới sáng kiến Hà Nội” để tạo cơ hội kết nối, liên kết chặt chẽ giữa các nhà quản lý, đội ngũ trí thức và doanh nhân trong và ngoài nước nhằm phục vụ, giải quyết các vấn đề đặc thù trong quá trình phát triển Thủ đô. Đổi mới chính sách thu hút, đào tạo, đãi ngộ và sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; đồng thời thu hút sự tham gia của các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế. Phấn đấu Hà Nội trở thành trung tâm cung ứng đào tạo nguồn nhân lực CNTT đáp ứng trình độ quốc tế hàng đầu cả nước.

6.2. Về chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Đa dạng hóa, hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ, mua bán, nhượng quyền sử dụng... Xây dựng Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội tiến tới là sàn giao dịch công nghệ quốc gia kết nối liên thông với các trung tâm công nghệ lớn của thế giới.

Phát triển hệ thống các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học; nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ mới, tham gia các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị gia tăng cao... của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp trích lập và sử dụng hiệu quả quỹ khoa học, công nghệ.

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ; đặc biệt là công nghệ nguồn, công nghệ mới, như: Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (Blockchain), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật, 5G, thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR), in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường,...

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lựa chọn các đối tác đến từ các quốc gia phát triển có nền khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Đề xuất với Trung ương cho phép Hà Nội thực hiện cơ chế, thử nghiệm chính sách mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trước hết là ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, triển khai một số mô hình kinh tế mới...

Xây dựng chương trình trọng điểm phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực: Hỗ trợ doanh nghiệp tạo sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thiết bị; áp dụng hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, áp dụng các tiêu chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; hỗ trợ áp dụng chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu sản phẩm, làng nghề...

Thực hiện nghiêm bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm bản quyền; phấn đấu tối thiểu 40% sản phẩm OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

Xây dựng, phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội và quốc gia, là mô hình điểm

cho việc liên kết nghiên cứu, phát triển công nghệ giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong Khu công nghệ cao, là vùng lõi với hạ tầng hiện đại của đô thị vệ tinh Hòa Lạc.

6.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước xây dựng thành phố thông minh

Phát triển CNTT và truyền thông, ứng dụng rộng rãi CNTT, công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển. Phát triển nhanh công nghiệp CNTT; gia tăng hàm lượng tri thức của sản phẩm phần mềm, nội dung số; đào tạo nhân lực phục vụ cho CNTT.

Hoàn thiện, vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu của Thành phố; cơ bản hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử của Thành phố trước năm 2025, hướng tới hình thành Chính quyền số thành phố Hà Nội.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phần đầu đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 01 điện thoại thông minh (Smartphone) đạt trên 95%, nâng cao tỷ lệ người dân và doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; 100% các thôn được phủ sóng di động mạng 3G/4G/5G hoặc Internet băng rộng.

Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; hàng năm tổ chức Ngày hội Chuyển đổi số thành phố Hà Nội. Duy trì dẫn đầu cả nước về quy mô đầu tư của doanh nghiệp cho đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển công nghệ.

Vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu Thành phố, kết nối đồng bộ, liên thông các cơ sở dữ liệu về dân cư, cán bộ, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, năng lượng...

Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Phần đầu Hà Nội đứng trong nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về khoa học dữ liệu (data science) và trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ 5G và sau 5G, là một trung tâm phần mềm hàng đầu châu Á.

7. Về an sinh xã hội

7.1. Phát triển hạ tầng y tế, nâng cao sức khỏe Nhân dân

Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch dịch Covid-19, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến các hoạt động KTXH và đời sống người dân. Thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo chiến dịch tiêm chủng vắc-xin quốc gia và kế hoạch của Thành phố.

Nâng cao năng lực hạ tầng y tế, chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Phần đầu 100% người dân được quản lý sức khỏe và được khám sức khỏe định kỳ hằng năm.

Tăng cường khả năng dự báo, giám sát, phát hiện, năng lực ứng phó, khống chế các dịch bệnh, đặc biệt là năng lực ngăn chặn, giảm lây lan, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong đối với những dịch bệnh lớn.

Phát triển y tế phổ cập, mô hình bác sĩ gia đình, gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Hiện đại hoá và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và y đức của đội ngũ cán bộ y tế. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Tiếp tục kiện toàn tổ chức mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ ở các trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, trạm y tế xã, phường.

Củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến Thành phố theo chuẩn quốc tế phù hợp về chất lượng y tế và an toàn cho người bệnh, kết nối hiệu quả với hệ thống y tế Trung ương.

Hoàn thành xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu về dân cư của Thành phố. Ưu tiên phát triển y tế số, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế hiện đại, tăng cường ứng dụng công nghệ mới, CNTT, đào tạo nhân lực có tay nghề cao; tập trung xây dựng, phát triển, giữ vững thương hiệu một số lĩnh vực khám, chữa bệnh đạt trình độ chuyên sâu, chất lượng cao hàng đầu cả nước; đẩy mạnh xã hội hóa đi đôi với tăng cường quản lý trong lĩnh vực y tế, nhất là hoạt động y, dược tư nhân, xử lý nghiêm các vi phạm.

7.2. Công tác dân số - gia đình, chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, thực hiện bình đẳng giới

Nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo mức tăng dân số hợp lý và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Lồng ghép các yếu tố về dân số vào việc hoạch định chính sách, lập quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH ở các cấp, các ngành. Phấn đấu đến năm 2025, tuổi thọ trung bình của người dân Hà Nội đạt 76,5 tuổi, cao hơn 2 tuổi so với bình quân chung cả nước.

Tiếp tục đổi mới công tác truyền thông, tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản, đặc biệt là chính sách, pháp luật về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng mức sinh thay thế khoảng 2,1 con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Tăng khả năng tiếp cận dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng; phấn đấu ít nhất 85% phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất, 90% trẻ sơ sinh được sàng lọc 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất⁴⁷.

Xây dựng mô hình gia đình Hà Nội ấm no - bình đẳng - tiến bộ - hạnh phúc. Thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đảm bảo trẻ em, nhất là trẻ em nghèo, đối tượng chính sách và có hoàn cảnh đặc biệt được thụ hưởng đầy đủ các quyền lợi. Thực hiện giảm 0,1%/năm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng.

Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình. Quan tâm chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

⁴⁷ Bệnh bẩm sinh phổ biến nhất: Tim, khoèo chân, lỗ niệu đạo lệch, sứt môi và hở hàm ếch, Down, khuyết hậu môn

7.3. Thể dục, thể thao, nâng cao thể chất người Hà Nội

Phát triển thể dục, thể thao quần chúng; Mở rộng các phong trào thể dục, thể thao, các loại hình tập luyện, thi đấu; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Phấn đấu 100% số thôn có nhà văn hóa, khu thể thao; tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt từ 42,5% trở lên; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao từ 31% trở lên. Tăng cường quản lý, phát huy hiệu quả các công trình thể thao, các trung tâm thể dục, thể thao ở các quận, huyện, thị xã. Quan tâm xây dựng các cơ sở, mô hình tập luyện, sân chơi thể dục, thể thao hấp dẫn tại các khu công nghiệp, khu dân cư, trường học... Lắp đặt các dụng cụ luyện tập thể thao ngoài trời tại các công viên, vườn hoa phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao cộng đồng.

Tiếp tục đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và phát triển mạnh thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao theo hướng tiên tiến, hiện đại, hội nhập quốc tế, trong đó ưu tiên phát triển những môn thể mạnh của Hà Nội. Xây dựng và thực hiện Đề án tuyển chọn nhân lực thể thao thành tích cao, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030. Xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách đãi ngộ, khuyến khích vật chất, tinh thần đặc thù đối với đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên và chuyên gia thể thao thành tích cao. Giữ vững vị trí số 1 cả nước về thể thao thành tích cao; đóng góp từ 30% trở lên số lực lượng huấn luyện viên, vận động viên và thành tích huy chương cho đoàn thể thao Việt Nam tại các kỳ thi đấu khu vực (Seagames, Asiad...). Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, y sinh học thể thao hiện đại.

Đầu tư nâng cấp, xây mới và sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể dục, thể thao; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công SEA Games 31, Para Games 11. Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, các dịch vụ thể dục, thể thao; đẩy mạnh hợp tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao ở nước ngoài. Đăng cai tổ chức: Giải bóng chuyền nữ quốc tế Châu Á, Giải khiêu vũ thể thao Hà Nội mở rộng, Giải bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng, Giải Maraton quốc tế “Con đường di sản”...

7.4. Thực hiện tốt các chính sách an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội

Thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động. Duy trì các phiên giao dịch việc làm hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần trên toàn bộ hệ thống 15 điểm sàn giao dịch.

Nâng cao hiệu quả hoạt động vay vốn, giải quyết việc làm từ nguồn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội; phấn đấu tăng trưởng dư nợ tín dụng hàng năm từ 10% trở lên, duy trì tỷ lệ nợ quá hạn dưới 0,05%.

Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, tập trung cho mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội, hướng tới phát triển bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách, chủ động bố trí nguồn lực và tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội, nhất là y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở...

Quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách, người có công, người cao tuổi, hộ thu nhập thấp, đối tượng bảo trợ xã hội. Đảm bảo người có công với cách mạng cơ bản có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn.

Hỗ trợ kịp thời người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, người dân gặp rủi ro khác. Khuyến khích các mô hình, sáng kiến trong cộng đồng xây dựng và củng cố mạng lưới an sinh xã hội phi chính thức. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” bằng các chương trình cụ thể và việc làm thiết thực.

Thực hiện tốt các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng xa trung tâm của Thủ đô. Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chỉ đạo của Trung ương.

Từng bước nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội và giảm độ tuổi người cao tuổi được hưởng trợ cấp xã hội. Phần đầu 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí, xã hội; Duy trì tỷ lệ 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp; 100% người thuộc diện bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp hàng tháng, cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định; 100% cá nhân, hộ gia đình gặp rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp đột xuất kịp thời; 100% học sinh khuyết tật, học sinh là đối tượng bảo trợ xã hội, học sinh thuộc hộ nghèo được miễn học phí. Từng bước mở rộng đối tượng học sinh thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% học phí.

7.5. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm và huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân Thủ đô tích cực đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội. Tổng kết, nhân rộng mô hình xã, phường, địa bàn dân cư, cơ quan, trường học không có tệ nạn xã hội. Phần đầu 100% xã, phường, thị trấn có người nghiện ma túy xây dựng mô hình quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng.

Nâng cao chất lượng quản lý, giáo dục, chữa trị tại các cơ sở cai nghiện ma túy, giảm tỷ lệ tái nghiện sau cai. Khuyến khích xã hội hóa công tác cai nghiện tự nguyện. Quan tâm hỗ trợ, tư vấn, dạy nghề và tạo việc làm cho các đối tượng sau cai nghiện và giáo dục xã hội. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

8. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu

8.1. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước và cát. Đảm bảo nguyên tắc “bền vững, tiết kiệm và hiệu quả” khi xem xét, quyết định các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có sử dụng tài nguyên, nhất là đất, nguồn nước.

Hoàn thành và chuẩn hóa hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai và tài nguyên. Hoàn thành quy hoạch phát triển không gian ngầm, phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng đất. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và thực hiện Đề án

“Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất và phát triển công nghệ quản trị thông minh hệ thống không gian ngầm đô thị Hà Nội”.

Giải quyết dứt điểm công tác giao đất dịch vụ, các vướng mắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có giải pháp khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai.

Khai thác hiệu quả quỹ đất theo hướng chuyển đổi mục đích sử dụng những khu đất kém hiệu quả sang lĩnh vực hiệu quả hơn như kinh doanh dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp... Chuẩn bị quỹ đất để thực hiện đấu giá, tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng, các công trình dân sinh thiết yếu và hạ tầng các khu đô thị vệ tinh.

Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu; có chính sách hỗ trợ và khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất; sử dụng các loại nguyên, nhiên, vật liệu mới thay thế các loại vật liệu truyền thống. Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp và quản lý xây dựng theo hướng tiến tiến, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

Thực hiện quản lý, giám sát minh bạch việc sử dụng các loại tài nguyên; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng tài nguyên.

8.2. Tăng cường bảo vệ môi trường

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của Thành phố⁴⁸. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn; xã hội hóa bảo vệ môi trường.

Khuyến khích mạnh mẽ các công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh... Từng bước hình thành nền kinh tế xanh, ít phát thải, các bon thấp.

Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; thanh tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, nhất là ở các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế việc phát sinh nguồn rác thải nơi công cộng; tăng cường cơ giới hóa việc thu gom, vận chuyển rác đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm sử dụng các công nghệ cao trong phân loại và tái chế rác thải.

Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn quy mô cấp huyện, liên huyện, nhà máy phân bón hữu cơ. Phối hợp với các tỉnh lân cận và bộ, ban, ngành Trung ương đầu tư xây dựng các khu liên hợp xử lý rác phục vụ liên tỉnh sử dụng công nghệ đốt rác phát điện hiện đại và thân thiện với môi trường.

Tiếp tục chuyển mạnh hình thức mai táng truyền thống sang các hình thức mai táng sử dụng công nghệ mới, bảo đảm vệ sinh môi trường và tiết kiệm đất. Đẩy nhanh

⁴⁸ Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 22/7/2020 của UBND Thành phố

các dự án xử lý rác thải và nghĩa trang đô thị, đảm bảo các chỉ tiêu theo quy hoạch phát triển, phân đầu tỷ lệ hỏa táng đạt 73-75% vào năm 2025.

Hoàn thành, đưa vào hoạt động nhà máy điện rác Sóc Sơn (công suất 4.000 tấn/ngày đêm) và khởi công Nhà máy điện rác Seraphin (công suất 1.500 tấn/ngày đêm) tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn trong năm 2021.

Đầu tư hoàn thiện Trung tâm điều hành và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động; ứng dụng công nghệ hiện đại tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát và dự báo, xây dựng kịch bản phòng, chống, xử lý ô nhiễm môi trường. Triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện chỉ số chất lượng không khí. Xây dựng quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân. Từng bước nâng chuẩn khí thải (có lộ trình và đạt ngang với tiêu chuẩn của Liên minh châu Âu vào năm 2030) đối với các loại phương tiện.

Rà soát các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (sự cố khi xảy ra động đất, cháy nổ, lũ lụt,...), sẵn sàng phương án khắc phục nếu có sự cố. Hoàn thành việc di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất, một số trường đại học, cơ sở khám, chữa bệnh theo quy hoạch.

Tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ, ao; phát triển hệ thống thủy lợi, thoát nước và xử lý nước thải. Hoàn thành dự án Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá và hệ thống thu gom nước thải, đưa nhà máy vào vận hành, khai thác trong năm 2023.

Giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng. Đảm bảo thoát nước khu vực nội thành nhanh với trận mưa có cường độ dưới 100 mm/2 giờ (đối với hệ thống cống), dưới 310 mm/2 ngày (đối với toàn bộ hệ thống). Tách nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường, khơi thông dòng chảy các sông: Tô Lịch, Kim Ngưu, Tích,... tích cực thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ, Đáy.

8.3. Phòng, chống thiên tai, cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, Đề án Quản lý và giảm thiểu các rủi ro có thể trở thành thảm họa đối với Thành phố, các hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản trị rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Tuyên truyền, PCCC và cứu hộ, cứu nạn. Thường xuyên kiểm tra công tác PCCC và tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ năng thoát nạn; xử lý nghiêm những vi phạm về PCCC; rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức, quan tâm công tác PCCC từ cơ sở. Kiểm chế số vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra, trong đó số vụ cháy lớn, nghiêm trọng không quá 3% tổng số vụ cháy. Bổ sung trang thiết bị cho đội ngũ làm công tác PCCC nhất là đối với khu vực nội đô, các nhà chung cư. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch, kịp thời ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sản xuất và đời sống của Nhân dân.

9. củng cố tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp gắn với thực hiện thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị

Thực hiện hiệu quả Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước từ Thành phố đến quận, huyện, xã, phường. Rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, các sở quản lý nhà nước. Sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn quận, huyện, trọng tâm là các phòng có chức năng giúp UBND quản lý nhà nước về đô thị, tài nguyên - môi trường, y tế, dân số - gia đình và trẻ em gắn với thực hiện thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, liêm khiết, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nâng cao năng lực quản trị của các cấp chính quyền trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư⁴⁹. Cải thiện thứ bậc xếp hạng các chỉ số SIPAS, PAPI. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy Nhà nước theo phương châm 5 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm và rõ hiệu quả” và “một việc - một đầu mối xuyên suốt”. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu. Kịp thời điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi xác định có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm cán bộ những nhiều, vôi vĩnh, gây phiền hà cho doanh nghiệp và người dân.

Siết chặt quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai, phân bổ ngân sách, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ, trong thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án..., bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, đổi mới công tác cán bộ.

10. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Nâng cao trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách của Thành phố về định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở để thực hiện tiết kiệm.

Đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, cải cách hành chính; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; phát huy mạnh mẽ dân chủ, xây dựng cơ chế, quy trình giám sát, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm về lãng phí; chú trọng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Nâng cao hiệu quả hoạt động, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng.

⁴⁹ Theo Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND Thành phố

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin, truyền thông của Thành phố và Nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường công tác tuyên truyền đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kiên trì xây dựng văn hóa không tham nhũng; tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, công chức và Nhân dân, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, công chức và Nhân dân.

11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc theo các nghị quyết của Bộ Chính trị số 24 về “Chiến lược Quốc phòng Việt Nam”, số 29 về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng” và Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với KTXH và KTXH với quốc phòng, an ninh; chú trọng tính lưỡng dụng của các công trình, vừa đảm bảo phục vụ dân sinh vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh khi có tình huống xảy ra trong công tác quy hoạch và xây dựng.

Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Tăng cường các nguồn lực cho quốc phòng, đầu tư mua sắm trang bị kỹ thuật hiện đại cho lực lượng vũ trang để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống. Tiếp tục xây dựng các công trình phòng thủ của Thành phố và các địa phương trong tình hình mới; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ 30/30 quận, huyện, thị xã, 579 xã, phường, thị trấn và một số sở, ban ngành của Thành phố.

Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh, toàn diện, có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu cao, trước hết là vững mạnh về chính trị, phát huy hiệu quả cơ chế lãnh đạo, quản lý điều hành, chỉ huy, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và vai trò tham mưu của các ngành, nhất là cơ quan quân sự, công an trong xử lý các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh; là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và xử lý ô nhiễm môi trường.

Thực hiện tốt chính sách đối với Quân đội và hậu phương quân đội. Xây dựng lực lượng thường trực “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại” theo hướng tinh gọn, mạnh, cơ động, linh hoạt; lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp” và lực lượng dự bị động viên hùng hậu, đủ số lượng, chất lượng cao; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác tuyển sinh quân sự đạt chất lượng

cao. Phân đầu 100% chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn được đào tạo trung cấp chuyên ngành quân sự cơ sở trở lên.

Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hòa bình, ổn định, an ninh và an toàn để xây dựng, phát triển Thủ đô, đất nước.

Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn, hoàn thiện quy định hoạt động của Công an chính quy tại các xã, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; phòng, chống các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm phi truyền thống, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm về môi trường... Kiểm chế, giảm tai nạn giao thông về cả 3 tiêu chí hằng năm từ 5-10%. Ngăn chặn, xử lý kịp thời các tụ điểm phức tạp về trật tự, an toàn xã hội.

12. Thực hiện phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương, liên kết cùng phát triển với các tỉnh, thành phố vùng Kinh tế trọng điểm và cả nước; hợp tác hiệu quả với các quốc gia, các thành phố lớn trong khu vực và quốc tế

Phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô, nhất là việc thực hiện Luật Thủ đô và các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ.

Thực hiện tốt các nội dung hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội với các tỉnh, thành phố trong nước. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, phát huy thế mạnh của từng địa phương để cùng hợp tác phát triển trong tất cả các lĩnh vực. Thực hiện tốt vai trò trung tâm kinh tế - tài chính - dịch vụ chất lượng cao của vùng KTTĐ Bắc Bộ, khu vực phía Bắc và cả nước. Tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các địa phương trong xây dựng và triển khai các nhiệm vụ phát triển Thủ đô.

Nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; tranh thủ cơ hội về vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm; chủ động nắm bắt những cơ hội, nhất là của các Hiệp định thương mại thế hệ mới. Củng cố quan hệ truyền thống, tích cực mở rộng hợp tác với các thủ đô, thành phố tiềm năng; chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch.

Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân; tăng cường tuyên truyền, thông tin đối ngoại, quảng bá, giới thiệu về Thủ đô với bạn bè quốc tế. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, các danh hiệu “Thành phố vì hòa bình”, “Thành phố sáng tạo”, để tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao uy tín, vị thế Thủ đô.

Phần III

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. ĐẢM BẢO MỘT SỐ CÂN ĐỐI LỚN

1. Thu, chi ngân sách

Dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 khoảng 1.405 nghìn tỷ đồng (5 năm 2016-2020 là 1.195,8 nghìn tỷ đồng). Thu nội địa 1.300,6 nghìn tỷ đồng⁵⁰, chiếm trên 90% tổng thu NSNN trên địa bàn, trong đó thu tiền sử dụng đất (bao gồm đấu giá đất) khoảng 127,7 nghìn tỷ đồng; Thu từ dầu thô 5,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,4% tổng thu NSNN trên địa bàn; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 99 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,0% tổng thu NSNN trên địa bàn.

Dự kiến tổng chi ngân sách địa phương khoảng 613,7 nghìn tỷ đồng. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, phấn đấu đến năm 2025 ở mức khoảng 50% tổng chi ngân sách địa phương; tập trung nguồn lực, bố trí cho chi đầu tư phát triển từ NSNN ở mức hợp lý tiến tới ổn định khoảng 45-48% tổng chi.

2. Vốn đầu tư phát triển xã hội

Để đảm bảo GRDP giai đoạn 2021-2025 tăng từ 7,5-8,0%/năm, tổng vốn đầu tư xã hội cần huy động trên 3 triệu tỷ đồng. Trong đó, vốn đầu tư khu vực nhà nước chiếm khoảng 30%; vốn đầu tư phát triển khu vực ngoài nhà nước khoảng 54%, vốn đầu tư nước ngoài khoảng 16%. Dự kiến đầu tư từ ngân sách Thành phố khoảng 299,2 nghìn tỷ đồng (chiếm khoảng 48,75% tổng chi ngân sách địa phương). Tiếp tục phát huy tốt vai trò của thị trường vốn - thị trường chứng khoán, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế.

3. Sử dụng đất đai

Cơ cấu sử dụng đất tiếp tục thay đổi theo hướng giảm diện tích đất nông nghiệp. Dự kiến đến năm 2025, diện tích lúa cả năm còn khoảng 140 nghìn ha; chuyển đổi khoảng 25 nghìn ha diện tích lúa sang các hình thức sử dụng khác có hiệu quả hơn. Tiếp tục thực hiện đấu giá đất tạo nguồn vốn đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng khung, hạ tầng đồng bộ tại các khu đô thị vệ tinh.

4. Lao động, việc làm

Dự kiến đến năm 2025, quy mô dân số của Hà Nội hơn 9 triệu người (tăng khoảng 1,9%/năm), trong đó, lao động làm việc trong nền kinh tế khoảng 4,2 triệu người (chiếm 46,3%). Lực lượng lao động trung bình mỗi năm tăng khoảng 32 nghìn người. Mỗi năm cần tạo ra khoảng 22 nghìn việc làm mới, đồng thời giới thiệu, giải quyết việc làm trung bình cho khoảng 160 nghìn người để đảm bảo tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%. Dự kiến tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội khoảng 10%.

⁵⁰ Dự kiến tốc độ tăng thu nội địa bình quân (không kể tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại sau thuế ngân sách Trung ương hưởng 100%, chênh lệch thu chi Ngân hàng nhà nước, thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do Thành phố quản lý) bình quân khoảng 12%/năm.

5. Năng lượng

Sản lượng điện thương phẩm khoảng 29,9 tỷ kWh; Điện thương phẩm bình quân khoảng 3.300 kWh/người vào năm 2025. Đảm bảo bán kính cấp điện tại khu vực đô thị không quá 250 mét, khu vực nông thôn, vùng núi không quá 600 mét; tỷ lệ các trạm biến áp cấp điện áp 110 kV vận hành không người trực, điều khiển từ xa đạt 100%. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm điện trong sản xuất và sinh hoạt. Giảm Chỉ số thời gian mất điện bình quân lưới điện trung áp còn dưới 150 phút.

6. Khoa học, công nghệ

Phân đầu tổng chi ngân sách hàng năm cho khoa học, công nghệ khoảng 2%. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; cải thiện chỉ số sáng tạo của Thành phố;... nhằm nâng cao mức đóng góp của TFP trong tăng trưởng. Ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường, công nghệ rô-bốt (Robotics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ viễn thông 5G, điện toán đám mây, công nghệ tài chính (FinTech), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), in 3D...

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt thực hiện Kế hoạch

Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Phát động và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, người lao động. Khơi dậy lòng tự hào, ý chí, khát vọng vươn lên, tinh thần thi đua lao động, sáng tạo, tạo động lực và không khí phấn khởi trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô.

Công khai, minh bạch các luật và văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách về phát triển KTXH của Đảng, Nhà nước và Thành phố về khuyến khích sản xuất, kinh doanh, xã hội hóa đầu tư, về quy hoạch, kế hoạch...

Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội về hội nhập quốc tế, về các hiệp định thương mại thế hệ mới (CP TPP, EV FTA, EV IPA, UK VFTA, RCEP...).

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường; Thường xuyên nắm bắt các diễn biến tranh chấp thương mại trong khu vực, trên thế giới và thách thức, cơ hội của doanh nghiệp Hà Nội và có dự báo về thị trường xuất, nhập khẩu và các ưu đãi thuế quan. Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh; tích cực tháo gỡ khó khăn và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

2.1. Huy động các nguồn lực phát triển KTXH

Khai thác triệt để các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là khai thác hiệu quả nguồn lực từ tài sản công, từ đất đai; rà soát các dự án treo, các dự án có sử

dụng đất chậm tiến độ để xử lý nghiêm và giao cho đơn vị khác có tiềm lực thực hiện; rà soát thủ tục đầu tư các dự án đã có cam kết đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện; Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; các nguồn lực theo quy định của Luật Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu, kiến nghị Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô nhằm khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của Thủ đô.

Rà soát, sửa đổi quy định về phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, phát triển KTXH trên địa bàn Thành phố. Xây dựng Quy định về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

Xây dựng Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách; sửa đổi, hoàn thiện Quy định về quản lý chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư xây dựng; đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, các dự án sử dụng nguồn vốn FDI, ODA; đầu tư xây dựng cơ bản quản lý chặt chẽ việc phê duyệt dự án, kiểm soát các dự án, công trình khởi công mới; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công, dịch vụ đô thị (chính trang đô thị, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn, xử lý nước thải, ô nhiễm sông, hồ...); quản lý hiệu quả các quỹ có nguồn gốc ngân sách phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn; sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố theo lộ trình kế hoạch; đấu giá các cơ sở, trụ sở cơ quan nhà nước, khu đất công sử dụng không hiệu quả để bổ sung nguồn thu ngân sách cho đầu tư phát triển;...

2.2. Cơ chế, chính sách phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa Thủ đô; tôn tạo, phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử, đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao.

Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của Nhân dân, vị trí trung tâm của cộng đồng doanh nghiệp, thu hút và sử dụng nhân tài khoa học công nghệ, các nhà khoa học trong nước và quốc tế; các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thị trường khoa học công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và kỹ thuật tiên tiến phục vụ sự phát triển bền vững của Thủ đô.

Rà soát, hoàn thiện các quy chế xây dựng nếp sống văn minh đô thị, đưa các quy tắc ứng xử văn hóa, các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, các mô hình văn hóa tiêu biểu thực sự đi vào cuộc sống.

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nhất là việc làm cho khu vực nông thôn góp phần thu hẹp mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn; chuẩn bị nguồn nhân lực

trình độ cao đáp ứng Cách mạng công nghiệp 4.0; hoàn thiện tổ chức, nâng cao hoạt động hệ thống Sản giao dịch việc làm thành phố Hà Nội, đưa các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Thành phố đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả.

2.3. Cơ chế, chính sách thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số; đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo đúng định hướng, hỗ trợ về hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu, CCN trên địa bàn; khuyến khích thu hút các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển; khuyến khích phát triển thị trường hàng hoá, dịch vụ và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, dịch vụ; đảm bảo cân đối cung - cầu hàng hoá; phát huy vai trò của các tổ chức hội, hiệp hội nghề nghiệp trong phát triển sản xuất, kinh doanh...

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp; chuyển đổi diện tích lúa không hiệu quả sang các loại cây, con có giá trị cao hơn; sản xuất theo chuỗi giá trị, bảo đảm an toàn thực phẩm; nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có hiệu quả cao, đặc trưng của Thủ đô...

Nghiên cứu, ban hành cơ chế nhằm tích tụ, tập trung ruộng đất, cho thuê đất, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có đất để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung quy mô lớn. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách nhằm củng cố, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các HTX nông nghiệp; bảo tồn và phát triển làng nghề; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng NTM, phát triển nông nghiệp, nông thôn hiệu quả, bền vững...

2.4. Cơ chế, chính sách phát triển đô thị, bảo vệ môi trường

Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phát triển, quản lý nhà ở, cải tạo và xây dựng lại các chung cư cũ; xử lý hiệu quả những vấn đề nhà ở đô thị, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, xử lý chất thải và bảo đảm vệ sinh môi trường; quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân.

Cơ chế quản lý, giám sát minh bạch việc sử dụng các loại tài nguyên, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh.

Cơ chế, chính sách phát triển ngành giao thông vận tải, đồng bộ hạ tầng giao thông; thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, giảm ùn tắc giao thông; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng;...

3. Trọng tâm đầu tư ngành, lĩnh vực

3.1. Hạ tầng kinh tế:

Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phát triển các khu công nghiệp, CCN và CCN-làng nghề.

Xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa hệ thống chợ, các trung tâm thương mại; hạ tầng phát triển du lịch bền vững (Cổ Loa, Hoàng Thành, Ba Vì, Sóc Sơn và Mỹ Đức, làng nghề gốm Bát tràng, làng cổ Đường Lâm, làng nghề dệt lụa Vạn Phúc).

Phát triển hạ tầng số làm nền tảng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Củng cố hệ thống đê điều, công trình thủy lợi nhằm nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chủ động phòng, tránh bão, lũ, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2. Hạ tầng đô thị, nông thôn:

Sớm hoàn thành các tuyến đường vành đai, đường hướng tâm, cầu qua sông Hồng; Đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị, giao thông trên cao, giao thông kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối vùng.

Ưu tiên đầu tư: Các đường vành đai 2,5; 3; 3,5; 4; Các cầu lớn qua sông: Cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2; Cầu Thượng Cát; Cầu Tứ Liên; Các trục đường hướng tâm: Quốc lộ 6; nâng cấp Quốc lộ 32; Quốc lộ cũ; Quốc lộ 21B...; Các trục chính đô thị, các đường tỉnh lộ: 417, 419, 424, đường 70...

Đưa vào vận hành 02 tuyến đường sắt đô thị: Tuyến số 2A (Cát Linh - Hà Đông); Tuyến số 3 (Nhôn - Ga Hà Nội); Phấn đấu khởi công tuyến đường sắt đô thị số 2 (Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo); Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt đô thị số 3.2 (ga Hà Nội – Hoàng Mai), tuyến số 5 (Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc), tuyến số 2.3 (đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài).

Phát triển mạng lưới giao thông tỉnh (bến, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận, trạm dừng nghỉ, các đầu mối giao thông công cộng...) theo quy hoạch.

Phát triển hạ tầng KTXH nông thôn khu vực ven đô, các huyện được phê duyệt thành quận theo quy hoạch và theo tiêu chí đô thị; ưu tiên hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống tưới tiêu, thoát nước thải, cấp nước sạch, nâng cấp các chợ dân sinh, xây dựng chợ đầu mối, xây dựng các khu chăn nuôi, khu giết mổ tập trung và tách sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm khỏi khu dân cư. Chú trọng đầu tư hạ tầng kinh tế đồng bộ với hạ tầng xã hội (trường học, y tế, các công trình văn hóa...).

3.3. Hạ tầng văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ:

Bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa. Ưu tiên đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa thế giới, di tích lịch sử cách mạng có giá trị tiêu biểu.

Đầu tư các trường THPT góp phần giải quyết tình trạng thiếu trường thiếu lớp trên các địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh, hoàn thành và hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch và phấn đấu 100% trường công lập đạt chuẩn quốc gia.

Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng cơ sở vật chất trường Đại học Thủ đô và các trường cao đẳng công lập thuộc Thành phố trở thành trường chất lượng cao có một số ngành đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á trong một số lĩnh vực.

3.5. Hạ tầng y tế, thể thao:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ ở các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám đa khoa; trạm y tế xã, phường. Ưu tiên phát triển y tế dự phòng, y tế số, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế hiện đại; Nâng cấp các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành.

Đầu tư nâng cấp, xây mới và sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể dục, thể thao; chuẩn bị tốt các điều kiện và tổ chức thành công SEA Games31, Para Games11... Xây dựng các cơ sở, mô hình tập luyện thể dục, thể thao hấp dẫn tại các khu công nghiệp, khu dân cư, trường học; Lắp đặt thiết bị thể dục tại các sân chơi, vườn hoa...

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy, các trường dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm.

3.6. Hạ tầng bảo vệ môi trường:

Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải.

Triển khai thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy, từng bước làm sống lại các sông: Tô Lịch, Tích, Kim Ngưu, Lừ, Sét. Đẩy nhanh tiến độ các dự án thoát nước và xử lý nước thải.

3.7. Danh mục công trình trọng điểm

Xây dựng danh mục các dự án trọng điểm của Thành phố với quy trình về thủ tục đầu tư, tiến độ giải phóng mặt bằng rõ ràng và có tính khả thi cao; ưu tiên về nguồn lực và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với trách nhiệm rõ ràng để thực hiện hoàn thành dự án trong kỳ kế hoạch.

4. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án

Thực hiện các chương trình, đề án, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương, tập trung đảm bảo các cân đối lớn; một số nội dung trọng tâm như sau:

- Kế hoạch đầu tư đất đai, tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng khung. Kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố giai đoạn 2021-2025.

- Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vốn ngoài ngân sách nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giai đoạn 2021-2025.

- Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Chương trình phát triển nhà ở 2021-2025, định hướng đến năm 2050.

Danh mục các chỉ tiêu, mục tiêu, chương trình, đề án cụ thể theo phân công tại hệ thống các phụ lục 2, 4 và 7 đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao các sở, ban, ngành của Thành phố và UBND quận, huyện, thị xã:

1.1. Căn cứ Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố, tổ chức xây dựng chương trình/kế hoạch hành động phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển KTXH của địa phương giai đoạn 2021-2025, trong đó xây dựng các kịch bản tăng trưởng tương ứng với các cấp độ phòng, chống dịch bệnh Covid-19, cụ thể hóa thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra thành các chương trình, đề án, dự án cụ thể gắn với phân công từng nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân phụ trách và thời hạn hoàn thành, báo cáo UBND Thành phố **trong tháng 10/2021**, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

1.2. Phân kỳ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch phát triển KTXH hàng năm; Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH hàng năm và kế hoạch năm sau theo yêu cầu tiến độ (trước ngày 20/10 hàng năm), báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết (theo yêu cầu tiến độ) Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 gửi UBND Thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

1.3. Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện Kế hoạch; Bám sát tình hình, nắm bắt và kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh và có giải pháp kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm, báo cáo sơ kết giữa kỳ và báo cáo tổng kết Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 gửi UBND Thành phố.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Hà Nội mới, Báo Kinh tế đô thị, Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội tổ chức quán triệt, phổ biến Kế hoạch này; tăng cường thông tin, tuyên truyền vận động để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

4. Giao Ban thi đua - Khen thưởng Thành phố căn cứ tình hình thực hiện Kế hoạch này của các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã gắn với trách nhiệm người đứng đầu làm tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm và 5 năm giai đoạn 2021-2025.

5. UBND Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố, các tổ chức chính trị, xã hội, các hội, đoàn thể Thành phố chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng nhằm thực hiện thành công Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố. *Hết*

Nơi nhận: *α*

- Như trên;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện, Thị xã;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP, TH, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT. *AL*



Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011-2015	KH * 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	2016- 2019	TH 2020	TH 2016-2020	Ghi chú
1	Tăng trưởng GRDP	%	6,93	7,3-7,8	7,16	7,39	7,25	7,72	7,38	4,18	6,73	
	- Hoạt động ngành dịch vụ	%	7,12	7,0-7,5	6,86	7,19	7,27	7,91	7,31	3,83	6,60	
	- Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23	6,5-6,9	6,97	5,90	5,40	4,69	5,74	1,61	4,90	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	8,74	9,0-9,3	8,73	9,59	8,62	9,66	9,15	6,48	8,61	
	+ Công nghiệp	%	10,06	8,6-9,0	6,99	8,60	8,04	8,35	7,99	5,19	7,44	
	+ Xây dựng	%	6,49	9,9-10,2	12,03	11,39	9,64	11,94	11,25	8,66	10,72	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,08	2,5-3,0	3,00	1,62	4,00	-0,09	2,12	4,54	2,60	
2	Cơ cấu ngành kinh tế	%	100	100	100	100	100	100		100	100	
	- Dịch vụ	%	64,98	63,8-64,2	64,71	64,45	63,97	63,87		63,06	63,06	
	- Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,69	7,6-7,8	11,76	11,68	11,61	11,27		11,02	11,02	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	20,79	26,0-26,5	21,04	21,70	22,27	22,85		23,68	23,68	
	+ Công nghiệp	%	-	-	14,43	14,78	15,13	15,44		15,82	15,82	
	+ Xây dựng	%	-	-	6,61	6,92	7,14	7,41		7,86	7,86	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,54	1,8-2,4	2,49	2,17	2,15	2,01		2,24	2,24	
3	GRDP bình quân/người/năm	Triệu đồng (USD)	90,53	126-129 (5.600-5.730)	96,3	104,1	111,58 (4.853)	120,26 (5.187)		123,69 (5.325)	123,69 (5.325)	
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1.054,3	1.700-1.750	278,88	305,20	339,43	379,37		413,51	1.716,4	
	Huy động vốn đầu tư xã hội/GRDP	%	-	-	38,2	37,9	38,4	39,0		40,5		
5	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52,07	80,0	66,1	76,2	83,9	91,5		96,3	96,3	
	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	%	-	-	-	-	-	-		72,2		
6	Chỉ tiêu về văn hóa											
	- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá	%	70,0	72,0	70,0	70,5	71,0	71,5		72,0	72,0	
	- Tỷ lệ làng, thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng, thôn, bản văn hoá	%	55,0	62,0	55,2	60,0	60,5	61,0		62,0	62,0	
	- Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	85,0	88,0	86,0	86,5	87,0	87,5		88,0	88,0	
7	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn QG	%	52,7	65-70	57,5	62,0	66,8	68,6		76,9	76,9	
8	Chỉ tiêu về y tế											
	- Số giường bệnh/vạn dân	gi.b/v.dân	21,1	26,5	21,4	23,3	24,5	26,8		27,1	27,1	
	- Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	12,7	13,5	13,1	13,1	13,3	13,4		13,5	13,5	

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011-2015	KH * 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	2016- 2019	TH 2020	TH 2016-2020	Ghi chú
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về y tế (chuẩn mới)	%	92,6	100	90,0	95,0	100	100		100	100	
9	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%	53,14	70-75	56,93	60,66	63,18	67,51		70,25	70,25	
10	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%	4,85	< 4,0	4,22	3,12	2,41	2,10		3,22	3,22	
11	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (chuẩn nghèo đa chiều mới)	%	3,64	< 1,2	2,37	1,69	1,16	0,42		0,21	0,21	
12	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%										
	+ Khu vực đô thị	%	-	100	98,5	~100	~100	~100		~100	~100	
	+ Khu vực nông thôn	%	-	100	38,0	49,4	55,5	75,0		78,0	78	
13	Chỉ tiêu về môi trường											
-	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam											
	+ Khu vực đô thị	%	98	95-100	98,0	98,0	98,0	100		100	100	
	+ Khu vực nông thôn	%	87	90-95	87,0	88,0	88,0	100		~100	~100	
-	Tỷ lệ KCN, KCX, CCN hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc quy chuẩn QG tương ứng											
	+ Đối với KCN, KCX	%	-	100	100	100	100	100		100	100	
	+ Đối với CCN xây mới	%	-	100	100	100	100	100		100	100	
	+ Đối với CCN đã đi vào hoạt động	%	-	100	51,2	55,8	60,5	60,5		92,5	92,5	
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	85	100	100	100	100	100		~100	~100	
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100		100	100	
14	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	-	90,1	80,1	82,8	86,5	88,2		90,1	90,1	
15	Năng suất lao động xã hội tăng bq (cách tính mới)	%	-	5,44-5,87	6,26	6,68	5,62	6,07	6,16	4,33	5,79	
16	Tỷ lệ đô thị hóa	%	49,1	58-60	49,2	49,2	49,2	49,2		49,2	49,2	
17	Tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng	%	14,4		13,50	13,78	14,19	17,03		14,85	14,85	
	Trong đó: Đô thị trung tâm	%	-	30-35								
	Đô thị vệ tinh	%	-	15,0								
	Đường sắt đô thị	%	-	1-3								

Ghi chú: *

Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố đề ra chỉ tiêu: Tăng trưởng GRDP bình quân 2016-2020 từ 8,5-9,0%; GRDP/người đạt 140-145 triệu đồng vào năm 2020.

Thực hiện Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án đổi mới quy trình số liệu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

theo đó các chỉ tiêu được quy đổi theo cách tính mới như sau: Tăng trưởng GRDP bình quân 2016-2020 từ 7,3-7,8%; GRDP/người đạt 126-129 triệu đồng vào năm 2020.

Phụ lục 2: Chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
1	Tăng trưởng GRDP trung bình	%	6,73	7,5-8,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó:</i>				
-	Dịch vụ	%	6,60	8,0-8,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,90	3,5-4,0	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	8,61	8,5-9,0	
	+ Công nghiệp	%	7,44	7,5-8,0	Sở Công Thương
	+ Xây dựng	%	10,72	10-10,5	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,60	2,5-3,0	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế năm cuối kỳ	%	100	100	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Dịch vụ	%	63,06	65,0-65,5	
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,02	10,4-10,6	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	-	22,5-23,0	-
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	-	1,4-1,6	-
3	GRDP bình quân/người/năm năm cuối kỳ	Triệu đồng (USD)	123,69 (5.325)	192-196 (8.300-8.500) *	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1.716,4	3.100-3.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm cuối kỳ	%	-	30,0	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Tốc độ tăng năng suất lao động trung bình	%	5,79	7,0-7,5	Cục Thống kê HN
7	Chỉ tiêu về văn hóa năm cuối kỳ				Sở Văn hóa và Thể thao
-	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa		72,0	75,0	
-	Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hoá	%	62,0	65,0	
-	Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	88,0	86-88	
8	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia năm cuối kỳ	%	76,9	80-85	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Chỉ tiêu về y tế năm cuối kỳ				Sở Y tế
-	Số giường bệnh/vạn dân	gi.b./v.dân	27,1	30-35	
-	Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	13,5	15	
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chuẩn mới)	%	100	100	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm cuối kỳ	%	70,25	75-80	Sở Lao động TB&XH
	Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ năm cuối kỳ	%	48,5	55-60	
11	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị năm cuối kỳ	%	3,22	< 3	Sở Lao động TB&XH
12	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo tiêu chuẩn của Thành phố)	%	0,21	Cơ bản không còn hộ nghèo	Sở Lao động TB&XH
13	Xây dựng nông thôn mới (NTM) năm cuối kỳ				Sở Nông nghiệp và PTNT
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	96,3	100	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao	%	-	40	
	- Tỷ lệ xã đạt NTM kiểu mẫu	%	-	20	
	- Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp Thành phố		-	Hoàn thành	
14	Phát triển đô thị				Sở Quy hoạch Kiến trúc
	- Tỷ lệ đô thị hóa năm cuối kỳ	%	49,2	60-62	
	- Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu năm cuối kỳ	%	83	100	
15	Diện tích nhà ở bình quân	M2 sàn / người	27,25	29,5	Sở Xây dựng
16	Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị	%	-	90	Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội	%	-	30	Sở Xây dựng
18	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch năm cuối kỳ	%	-		Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị được cung cấp nước sạch	%	~100	100	
	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch	%	78,0	100	
19	Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường năm cuối kỳ				
	- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	~100	100	Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Sở Y tế
	- Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải	%	-	100	Sở Công Thương
	- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	-	50-55	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng năm cuối kỳ	%	-	30-35	Sở Giao thông Vận tải

Ghi chú: * Tính trên cơ sở tỷ giá 1 USD = 23.100 VND

Phụ lục 3: Kịch bản tăng trưởng năm 2021, 5 năm 2021-2025 và nhiệm vụ còn lại 4 năm 2022-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

I. Kịch bản tăng trưởng năm 2021

TT	Chỉ tiêu tăng trưởng	TH 2020	TH 6T 2021	Kịch bản năm 2021	
				<i>KB cơ sở</i>	<i>KB thấp</i>
	GRDP	4,18	5,91	4,54	3,97
1	Dịch vụ	3,83	5,74	3,47	2,91
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	1,61	4,47	5,35	4,60
3	Công nghiệp, xây dựng	6,48	7,74	7,29	6,73
	+ Công nghiệp	5,19	7,95	7,94	7,17
	+ Xây dựng	8,66	7,34	6,23	6,00
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,54	3,09	2,97	2,97

Kịch bản cơ sở: Dịch Covid-19 trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát trong quý III/2021; Đầu tháng 9/2021, Thành phố dỡ bỏ các biện pháp giãn cách và phong tỏa xã hội trên toàn Thành phố; Tăng trưởng GRDP năm 2021 dự kiến đạt 4,54%.

Kịch bản thấp: Dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp với các chùm ca bệnh trên địa bàn, hết quý III, sang quý IV mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Các ngành dịch vụ vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và phục hồi chậm đến hết năm 2021; Tăng trưởng GRDP năm 2021 dự kiến đạt 3,97%.

II. Kịch bản tăng trưởng 5 năm 2021-2025 và dự kiến nhiệm vụ còn lại 2022-2025

TT	Chỉ tiêu tăng trưởng	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Nhiệm vụ 2022 - 2025	Kịch bản
Kịch bản 1					
	GRDP	6,73	7,50	8,25 - 8,40	Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố đề ra mục tiêu tăng trưởng từ 7,5-8,0%. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát 2 đợt ngay trong đầu năm 2021, GRDP 6 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 5,91% - thấp hơn nhiều so với kỳ vọng; Với 02 kịch bản tăng trưởng năm 2021 từ 3,97-4,54%, để hoàn thành mục tiêu 5 năm 2021-2025 tăng 7,5% thì nhiệm vụ giai đoạn 2022-2025 GRDP phải tăng từ 8,25-8,40%/năm.
1	Dịch vụ	6,60	8,00	9,16 - 9,31	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4,90	3,50	3,04 - 3,23	
3	Công nghiệp, xây dựng	8,61	8,50	8,80 - 8,95	
	+ Công nghiệp	7,44	7,50	7,39 - 7,58	
	+ Xây dựng	10,72	10,00	10,96 - 11,02	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,60	2,50	2,38 - 2,38	
Kịch bản 2					
	GRDP	6,73	7,00	7,62 - 7,77	Dịch Covid-19 trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát trong quý III/2021; Đầu tháng 9/2021, các biện pháp giãn cách và phong tỏa xã hội trên toàn Thành phố dần được dỡ bỏ; Thực hiện tiêm vắc-xin rộng rãi, đạt được miễn dịch cộng đồng ngay trong năm 2021; Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát sau đó; GRDP năm 2021 tăng từ 3,97-4,54%, giai đoạn 2022-2025 tăng từ 7,62-7,77%/năm và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 7,0%.
1	Dịch vụ	6,60	7,20	8,15 - 8,30	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4,90	3,50	3,04 - 3,23	
3	Công nghiệp, xây dựng	8,61	8,50	8,78 - 8,92	
	+ Công nghiệp	7,44	7,50	7,39 - 7,58	
	+ Xây dựng	10,72	10,00	10,96 - 11,02	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,60	2,50	2,38 - 2,38	
Kịch bản 3					
	GRDP	6,73	6,50	7,00 - 7,14	Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, hết quý III sang quý IV/2021 mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Đến giữa hoặc cuối năm 2022 mới thực hiện tiêm vắc-xin đạt mức miễn dịch cộng đồng do nguồn cung khan hiếm; Một số ca nhiễm vẫn diễn ra cục bộ những năm sau đó, tuy không gay gắt nhưng nền kinh tế lại phải đối mặt với mất cân đối cung cầu của một số loại nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất nên phục hồi chậm; GRDP năm 2021 tăng từ 3,97-4,54%, giai đoạn 2022-2025 tăng từ 7,0-7,14%/năm và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 6,5%.
1	Dịch vụ	6,60	6,40	7,15 - 7,29	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4,90	3,50	3,04 - 3,23	
3	Công nghiệp, xây dựng	8,61	8,50	8,78 - 8,92	
	+ Công nghiệp	7,44	7,50	7,39 - 7,58	
	+ Xây dựng	10,72	10,00	10,96 - 11,02	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,60	2,50	2,38 - 2,38	

Phụ lục 4: Một số chỉ tiêu phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
I	Phát triển kinh tế					
1	GRDP (giá hiện hành) năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	672,9	1.020,0	1.739,2	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP năm cuối kỳ	%	100	100	100	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Dịch vụ	%	64,98	63,06	65,0-65,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,69	11,02	10,4-10,6	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	20,79	23,68	22,5-23,0	
+	Công nghiệp	%	14,37	15,82	-	Sở Công Thương
	<i>Trong đó, Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	<i>13,14</i>	<i>13,76</i>	<i>17,0</i>	<i>Sở Công Thương</i>
+	Xây dựng	%	6,42	7,86	-	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,54	2,24	1,4-1,6	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	GRDP (giá cố định) năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	497,5	689,1	989,2	Cục Thống kê HN
4	Tăng trưởng GRDP bình quân	1.000 tỷ đồng	6,93	6,73	7,50	Cục Thống kê HN
	<i>Trong đó:</i>	1.000 tỷ đồng				
-	Dịch vụ	%	7,12	6,60	8,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23	4,90	3,5	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	8,74	8,61	8,5	
+	Công nghiệp	%	10,06	7,44	7,50	Sở Công Thương
+	Xây dựng	%	6,49	10,72	10,00	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,08	2,60	2,5	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đồng	1.054,3	1.716,4	3.055,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó:</i>					
-	Khu vực nhà nước	1.000 tỷ đồng	458,0	636,1	920,0	
-	Khu vực ngoài nhà nước	1.000 tỷ đồng	483,9	891,5	1.645,0	
-	Khu vực đầu tư nước ngoài	1.000 tỷ đồng	112,4	188,8	490,0	
6	Vốn đầu tư xã hội/GRDP	%	37,49	38,89	43,00	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Đầu tư nước ngoài	Tỷ USD	6,30	26,50	30-40	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
8	Thành lập doanh nghiệp	Doanh nghiệp	80.209	126.081	160.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Hệ số ICOR năm cuối kỳ		3,32	4,95	4,25	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP	%	-	46	50	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Viện nghiên cứu phát triển KTXH HN; Cục Thống kê HN
11	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	726,8	1.195,80	1.405,02	Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>					
-	Thu nội địa (kể cả cổ tức, lợi nhuận còn lại của DNNN)	1.000 tỷ đồng	623,1	1.092,91	1.300,59	
	+ Riêng thu tiền sử dụng đất và đấu giá đất	1.000 tỷ đồng	55,3	147,46	127,70	
-	Thu từ dầu thô	1.000 tỷ đồng	44,3	12,61	5,45	
-	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.000 tỷ đồng	59,4	90,29	98,98	
12	Chi ngân sách địa phương	1.000 tỷ đồng	280,1	380,38	613,7	Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi đầu tư phát triển	1.000 tỷ đồng	132,0	165,00	299,2	
-	Chi thường xuyên	1.000 tỷ đồng	145,9	208,72	272,5	
-	Chi khác	1.000 tỷ đồng	2,3	6,6	42,0	
13	Sản lượng điện thương phẩm năm cuối kỳ	Tỷ kWh	12,87	21,81	29,90	Sở Công Thương
14	Điện thương phẩm bình quân năm cuối kỳ	kWh/người	1.730,8	2.645,1	3.294,7	Sở Công Thương
15	Tổng mức bán lẻ năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	377,4	584,7	940,0	Sở Công Thương
16	Kim ngạch xuất khẩu năm cuối kỳ	Triệu USD	10.475	15.159	19.423	Sở Công Thương
17	Kim ngạch nhập khẩu năm cuối kỳ	Triệu USD	25.713	29.029	37.017	Sở Công Thương
18	Khách du lịch năm cuối kỳ	1.000 người	19.690	8.650	> 35.000	Sở Du lịch
	<i>Trong đó:</i>					
-	Khách quốc tế	1.000 người	3.260	1.110	> 8.000	
-	Khách nội địa	1.000 người	16.430	7.540	> 27.000	
19	Tổng thu từ khách du lịch năm cuối kỳ	Tỷ đồng	54.967	28.021	> 151.000	Sở Du lịch
20	Công suất sử dụng phòng trung bình của cơ sở lưu trú, khách sạn năm cuối kỳ	%	57,84	29,9	65-70	Sở Du lịch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
21	Diện tích đất trồng lúa năm cuối kỳ	Ha	111.396	101.045	-	Sở Tài nguyên và Môi trường
22	Diện tích lúa cả năm năm cuối kỳ	Ha	200.531	165.593	140.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
23	Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên tổng sản phẩm nông nghiệp năm cuối kỳ	%	-	32	70	Sở Nông nghiệp và PTNT
24	Tổng số HTX năm cuối kỳ	HTX	1.811	2.164	2.500	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đang hoạt động	HTX	1.587	1.802	2.220	
	- Hoạt động hiệu quả	HTX	857	1.175	1.780	
25	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo năm cuối kỳ	%	-	-	50	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Phát triển văn hóa, xã hội					
26	Dân số năm cuối kỳ	1.000 người	7.433,6	8.246,5	9.075,3	Cục Thống kê HN
27	Tuổi thọ trung bình năm cuối kỳ	Tuổi	75,2	75,5	76,5	Cục Thống kê HN
28	Số hộ dân năm cuối kỳ	1.000 hộ	-	2.086	2.330	Cục Thống kê HN
29	Tỷ suất sinh thô năm cuối kỳ	‰	16,06	14,88	14,40	Sở Y tế
30	Mức sinh thay thế (bình quân số con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Con/phụ nữ	-	2,08	2,10	Sở Y tế
31	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế năm cuối kỳ	%	-	90,1	95,0	BHXXH thành phố HN
32	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm cuối kỳ	%	-	36,0	40,0	BHXXH thành phố HN
33	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm cuối kỳ, trong đó:	%	-	38,4	50,0	BHXXH thành phố HN
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc	%	-	37,59	47,0	
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện	%	-	0,81	3,0	
34	Số trường học, học sinh năm cuối kỳ					Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
34.1	Trường học (MN, TH, THCS, THPT, chuyên nghiệp)	Trường	2.622	2.768	3.042	
-	Công lập	Trường	2.149	2.204	2.458	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	Trường	473	564	584	
34.2	Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.137	1.729	2.092	
-	Công lập	Trường	1.109	1.694	2.054	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	Trường	28	35	38	
34.3	Học sinh	1.000 Học sinh	1.815	2.113	2.440	
-	Công lập	1.000 Học sinh	1.603	1.809	2.031	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	1.000 Học sinh	212	304	409	
35	Lao động được giải quyết việc làm hàng năm	1.000 lao động	-	154	160	Sở Lao động TB&XH
36	Số lao động trong nền kinh tế năm cuối kỳ	1.000 lao động	3.867,5	4.043,0	4.199,8	Sở Lao động TB&XH
37	Cơ cấu lao động xã hội	%	100,0	100,0	100,0	Sở Lao động TB&XH
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	19,7	11,6	< 10	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	26,8	32,5	> 33	
-	Dịch vụ	%	53,5	55,9	> 57	
III	Phát triển đô thị					
38	Tỷ lệ diện tích đất giao thông/đất đô thị năm cuối kỳ	%	8,65	10,07	12,0-15,0	Sở Giao thông Vận tải
39	Diện tích xanh/người năm cuối kỳ	M2/người	-	-	7,8-8,1	Sở Xây dựng
40	Trồng mới cây xanh đô thị	1.000 cây	-	1.600	500	Sở Xây dựng
41	Tổng công suất nguồn cấp nước	1000 m3/ng.đ	950	1.520	1.800-2.000	Sở Xây dựng
IV	Lĩnh vực nội chính					
42	Thứ hạng Chỉ số PCI năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	24	9	< 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43	Thứ hạng Chỉ số PAPI năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	50	48	< 45	Sở Nội vụ
44	Thứ hạng Chỉ số SIPAS năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	-	33	30-40	Sở Nội vụ
45	Thứ hạng Chỉ số PAR Index năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	9	8	2-10	Sở Nội vụ

Phụ lục 5: Chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của thành phố Hà Nội
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Huyện	Số xã	Xã đạt NTM KH năm 2021	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2025						CHỈ TIÊU PHẢN ĐÁU				
				NTM nâng cao		NTM kiểu mẫu		Huyện đạt NTM		NTM nâng cao		NTM kiểu mẫu		Huyện đạt NTM nâng cao
				Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	NTM	NTM nâng cao	Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	
1	Ba Vì	30	9	5	16,7	2	6,7	1		10	33,3	5	16,7	
2	Hoài Đức	19		8	42,1	5	26,3			19	100,0	10	52,6	1
3	TX Sơn Tây	6		4	66,7	2	33,3			6	100,0	3	50,0	
4	Phúc Thọ	20		8	40,0	4	20,0			15	75,0	8	40,0	1
5	Mê Linh	16		8	50,0	4	25,0	1		12	75,0	8	50,0	
6	Gia Lâm	20		12	60,0	5	25,0		1	20	100,0	10	50,0	1
7	Thạch Thất	21		10	47,6	5	23,8			15	71,4	10	47,6	
8	Chương Mỹ	30		8	26,7	4	13,3	1		15	50,0	8	26,7	
9	Thanh Oai	20		10	50,0	4	20,0			20	100,0	8	40,0	1
10	Ứng Hòa	20	-	6	-	4	20,0	1		15	75,0	8	40,0	
11	Mỹ Đức	20	-	6	-	3	15,0	1		10	50,0	5	25,0	
12	Quốc Oai	20		8	40,0	5	25,0			20	100,0	10	50,0	1
13	Thanh Trì	15		10	66,7	5	33,3		1	15	100,0	10	66,7	1
14	Phú Xuyên	25		10	40,0	5	20,0			18	72,0	10	40,0	
15	Thường Tín	28	-	10	-	6	21,4		38,98	23	82,1	12	42,9	
16	Đan Phượng	15		15	100,0	7	46,7		1	15	100,0	15	100,0	1
17	Sóc Sơn	15	-	6	-	-	-	-	-	20	133,3	10	66,7	
18	Đông Anh	23		12	52,2	6	26,1		1	23	100,0	12	52,2	1
Tổng số		363	9	156	43,0	76	20,9	5	4	291	80,2	162	44,6	8

**Phụ lục 6: Danh mục các Khu công nghiệp, CCN, CCN-làng nghề, Trung tâm logistics, Khu CNTT tập trung
trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
I	Khu Công nghiệp	1.448		9	0	0	
1	KCN Bắc Thăng Long	274,0	Đông Anh	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
2	KCN Nội Bài	114,0	Sóc Sơn	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
3	KCN Sài Đồng	47,0	Long Biên	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
4	KCN Hà Nội - Đà Nẵng	40,0	Long Biên	1			Đã đầu tư xong hạ tầng, đang đề nghị chuyển đổi thành đô thị
5	KCN Nam Thăng Long	30,0	Bắc Từ Liêm	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
6	KCN Quang Minh I	407,0	Mê Linh	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
7	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	155,0	Thạch Thất, Quốc Oai	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
8	KCN Phú Nghĩa	165,0	Chương Mỹ	1			Đã đầu tư xong hạ tầng, lấp đầy khoảng 93%
9	KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	72,0	Phú Xuyên	1			Đã cơ bản xong hạ tầng, đang thu hút đầu tư
10	KCN Quang Minh II	72,0	-		-		Chủ đầu tư là Công ty Hợp Quần; Hiện đang điều chỉnh QHCT
11	Khu công nghệ cao sinh học	72,0	-		-		Chủ đầu tư là Công ty Pacific Land; Đang thực hiện lập Đồ án quy hoạch 1/500
II	Cụm công nghiệp	1.802		46	7	27	
1	CCN thị trấn Phùng	32,5	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
2	CCN Tân Hội	4,7	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
3	CCN Đan Phượng	28,0	-	1	-		GĐ 1, diện tích 22ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 6,09ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
4	CCN Yên Sơn	8,8	Quốc Oai	1			Đã lấp đầy 100%
5	CCN Ngọc Liệp	8,8	-	1	-	-	-
6	CCN Yên Nghĩa	43,6	Hà Đông	1			Đã lấp đầy 100%
7	CCN Biên Giang	30,7	Hà Đông	1			Đã lấp đầy 100%
8	CCN Tích Giang	8,7	Phúc Thọ	1			
9	CCN thị trấn Phúc Thọ	20,6	Phúc Thọ	1			Đã lấp đầy 100%
10	CCN Nam Phúc Thọ - Giai đoạn 1	41,7	Phúc Thọ		1		
11	CCN Lại Yên	20,7	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
12	CCN Trường An	10,9	Hoài Đức	1		1/21/1900	Đã lấp đầy 100%
13	CCN Đắc Sở	6,3	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
14	CCN Cầu Nối - Vân Canh	13,4	Hoài Đức	1			
15	CCN Di Trạch	10,0	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
16	CCN An Thượng	10,0	Hoài Đức	1			
17	CCN Kim Chung (Lai Xá)	49,0	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
18	CCN Văn Đình	50,0	Ứng Hòa	1			
19	CCN Thanh Oai	59,3	-	1			Đã lấp đầy 100%
20	CCN Bích Hoà	10,3	-	1			
21	CCN Bình Minh - Cao Viên	41,3	Thanh Oai	1			
22	CCN Dân Hòa	10,0	Thanh Oai	1			
23	CCN Kim Bài	41,6	Thanh Oai		1		
24	CCN Thanh Văn – Tân Ước	47,8	Thanh Oai		1		
25	CCN Tam Hưng	36,0	Thanh Oai			1	
26	CCN Sơn Đông	75,0	-	1			GD 1, diện tích 12ha đã có 01 doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 62ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
27	CCN Phú Thịnh	8,5	-	1			Đã lấp đầy 100%
28	CCN Cổ Đông	75,0	-			1	
29	CCN Ngọc Hồi	56,4	Thanh Trì	1			
30	CCN Đông Anh	18,5	Đông Anh	1			Đã lấp đầy 100%
31	CCN Nguyễn Khê	77,6	-	1			
32	CCN Tân Tiến	9,8	-	1			Đã lấp đầy 100%
33	CCN Đại Yên	5,0	Chương Mỹ	1			
34	CCN Đông Phú Yên	51,8	Chương Mỹ	1			GD 1, diện tích 11ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 41ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
35	CCN Ngọc Hòa	5,2	-	1			Đã lấp đầy 100%
36	CCN Phụng Châu	4,5	-	1			Đã lấp đầy 100%
37	CCN Đông Sơn	5,6	-	1			Đã lấp đầy 100%
38	CCN Ngọc Sơn	20,0	Chương Mỹ	1			Đã lấp đầy 100%
39	CCN Hà Bình Phương 1	41,6	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
40	CCN Liên Phương	18,7	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
41	CCN Hà Bình Phương 2	9,1	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
42	CCN Quất Động 2 (mở rộng)	43,5	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
43	CCN Duyên Thái	18,4	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
44	CCN Quất Động	23,6	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
45	CCN Từ Liêm	65,1	Bắc Từ Liêm	1			Đã lấp đầy 100%
46	CCN Cam Thượng	16,0	Ba Vì	1			
47	CCN Đồng Giai	20,0	Ba Vì	1			
48	CCN Tân Lĩnh	10,0	Ba Vì	1			
49	CCN T.Phẩm Hapro	32,6	Gia Lâm	1			Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
50	CCN Ninh Hiệp	60,1	Gia Lâm	1			Đã lấp đầy 100%
51	CCN Phú Thị	53,5	Gia Lâm	1			GĐ 1, diện tích 20,2ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 32,57ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
52	CCN Lâm Giang	26,7	Gia Lâm		1		
53	CCN CN2	50,4	Sóc Sơn		1		
54	CCN CN3	78,2	Sóc Sơn		1		
55	CCN Mai Đình	67,0	Sóc Sơn		1		
56	CCN Lai Sơn 1	15,0	Sóc Sơn			1	
57	CCN Lai Sơn 2	15,0	Sóc Sơn			1	
58	CCN Ný	50,0	Sóc Sơn			1	
59	CCN Đại Nghĩa	30,0	Mỹ Đức			1	
III	Cụm công nghiệp - làng nghề	1.207,8		24	28	48	
1	CCN Liên Hà	9,6	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
2	CCN Hồ Diên	3,3	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
3	CCN Song Phượng	6,0	Đan Phượng		1		
4	CCN Hồng Hà	6,0	Đan Phượng		1		
5	CCN Phương Đình	8,0	Đan Phượng			1	
6	CCN Thọ Xuân	5,0	Đan Phượng			1	
7	CCN Liên Hiệp	20,0	Phúc Thọ	1			GĐ 1, diện tích 8ha đã đi vào hoạt động. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 với diện tích 12ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
8	CCN Tam Hiệp	20,0	Phúc Thọ		1		
9	CCN Thanh Đa	8,3	Phúc Thọ		1		
10	CCN Long Xuyên	6,0	Phúc Thọ		1		
11	CCN Vồng Xuyên	5,9	Phúc Thọ		1		
12	CCN Phụng Thượng	22,0	Phúc Thọ			1	
13	CCN Sen Chiểu	20,0	Phúc Thọ			1	
14	CCN Hát Môn	10,0	Phúc Thọ			1	
15	CCN Vồng Xuyên 2	5,0	Phúc Thọ			1	
16	CCN La Phù	11,5	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
17	CCN Đại Từ	7,9	Hoài Đức	1			
18	CCN Dương Liễu	29,0	Hoài Đức	1			GĐ 1, 11ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đang đầu tư nhà xưởng. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 17ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
19	CCN Đông La	10,0	Hoài Đức		1		
20	CCN Cát Quế	10,0	Hoài Đức			1	

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
21	CCN Minh Khai	12,0	Hoài Đức			1	
22	CCN Sơn Đồng	15,0	Hoài Đức			1	
23	CCN Dương Liễu 2	27,0	Hoài Đức			1	
24	CCN Bình Phú	21,0	Thạch Thất	1			Đã lấp đầy 100%
25	CCN Bình Phú I	15,3	Thạch Thất	1			GĐ 1, 14,71ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 15,73ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
26	CCN Canh Nậu	10,7	Thạch Thất	1			
27	CCN Chàng Sơn	26,0	Thạch Thất	1			GĐ 1, 10,7ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 15,3ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
28	CCN Cơ kim khí Phùng Xá	18,7	Thạch Thất	1			
29	CCN Đồ mộc dân dụng Phùng Xá	4,2	Thạch Thất	1			
30	CCN Kim Quan	10,7	Thạch Thất	1			
31	CCN làng nghề Dị Nậu	10,0	Thạch Thất		1		
32	CCN làng nghề Hữu Bằng	30,0	Thạch Thất		1		
33	CCN Thạch Xá	10,0	Thạch Thất			1	
34	CCN Hương Ngải	10,0	Thạch Thất			1	
35	CCN Xà Cầu	19,0	Ứng Hòa	1			GĐ 1, diện tích 2,1ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 với diện tích 7,29ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
36	CCN Cầu Bàu	7,7	Ứng Hòa		1		
37	CCN Trường Thịnh	10,0	Ứng Hòa			1	
38	CCN Đồng Tân	10,0	Ứng Hòa			1	
39	CCN Kim Đường	10,0	Ứng Hòa			1	
40	CCN Hòa Xá	7,0	Ứng Hòa			1	
41	CCN Hoa Sơn	10,0	Ứng Hòa			1	
42	CCN Minh Đức	10,0	Ứng Hòa			1	
43	CCN Thanh Thủy	12,0	Thanh Oai	1			GĐ 1, 5,5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 6,5ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
44	CCN Hồng Dương	11,2	Thanh Oai		1		
45	CCN Phương Trung	9,1	Thanh Oai		1		
46	CNN Tân Triều	10,5	Thanh Trì	1			
47	CCN Hữu Hòa	5,0	Thanh Trì			1	
48	CCN Vạn Phúc	6,0	Thanh Trì			1	
49	CCN Liên Hà	2,9	Đông Anh	1			
50	CCN Văn Hà	10,1	Đông Anh	1			

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
51	CCN Thiết Bình	21,1	Đông Anh		1		
52	CCN Liên Hà 2	20,0	Đông Anh		1		
53	CCN Dục Tú	15,0	Đông Anh		1		
54	CCN Thụy Lâm	17,0	Đông Anh		1		
55	CCN Vạn Diêm	7,2	Thường Tín	1			
56	CCN Tiền Phong	18,0	Thường Tín	1			GĐ 1, 7,6 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 8,1ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
57	CCN sơn mài Duyên Thái	12,6	Thường Tín	1			
58	CCN Ninh Sở	13,0	Thường Tín	1			GĐ 1, 5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GĐ 2 diện tích 7,7ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
59	CCN Thăng Lợi	8,9	Thường Tín		1		
60	CCN Văn Tự	7,8	Thường Tín		1		
61	CCN Hòa Bình	7,0	Thường Tín			1	
62	CCN Hiền Giang	10,0	Thường Tín			1	
63	CCN Dũng Tiến	5,0	Thường Tín			1	
64	CCN Lê Lợi	6,0	Thường Tín			1	
65	CCN Chương Dương	5,0	Thường Tín			1	
66	CCN Nghiêm Xuyên	5,0	Thường Tín			1	
67	CCN Văn Bình	5,0	Thường Tín			1	
68	CCN Văn Tảo	5,0	Thường Tín			1	
69	CCN Hồng Vân	10,0	Thường Tín			1	
70	CCN Nguyễn Trãi	5,0	Thường Tín			1	
71	CCN Làng nghề Bát Tràng	16,9	Gia Lâm	1			Đã lấp đầy 100%
72	CCN Kiều Kỵ	15,7	Gia Lâm	1			
73	CCN Đình Xuyên	7,8	Gia Lâm		1		
74	CCN làng nghề Phú Túc	5,9	Phú Xuyên		1		
75	CCN làng nghề Đại Thắng	7,4	Phú Xuyên		1		
76	CCN làng nghề Phú Yên	10,0	Phú Xuyên		1		
77	CCN làng nghề Văn Từ	7,0	Phú Xuyên		1		
78	CCN Hồng Minh	5,0	Phú Xuyên			1	
79	CCN Sơn Hà	5,0	Phú Xuyên			1	
80	CCN Phượng Dực	7,0	Phú Xuyên			1	
81	CCN Bạch Hạ	5,0	Phú Xuyên			1	
82	CCN Tri Trung	5,0	Phú Xuyên			1	
83	CCN Hoàng Long	25,0	Phú Xuyên			1	
84	CCN Văn Hoàng	12,0	Phú Xuyên			1	

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
85	CCN làng nghề Tân Hòa	12,9	Quốc Oai		1		
86	CCN Ngọc Mỹ - Thạch Thán	21,0	Quốc Oai		1		
87	CCN làng nghề Nghĩa Hương	12,0	Quốc Oai		1		
88	CCN Tuyết Nghĩa	20,0	Quốc Oai			1	
89	CCN Liệp Tuyết	35,0	Quốc Oai			1	
90	CCN Đình Tổ	15,0	Quốc Oai			1	
91	CCN Cộng Hòa	15,0	Quốc Oai			1	
92	CCN Cấn Hữu	20,0	Quốc Oai			1	
93	CCN Đông Yên	35,0	Quốc Oai			1	
94	CCN Xuân Thu	20,0	Sóc Sơn		1		
95	CCN Xuân Giang	20,0	Sóc Sơn			1	
96	CCN Thụy Hương	12,0	Chương Mỹ			1	
97	CCN Lam Điền	6,0	Chương Mỹ			1	
98	CCN Hòa Chính	8,0	Chương Mỹ			1	
99	CCN Phùng Xá	10,0	Mỹ Đức			1	
100	CCN Đa Sỹ	13,0	Hà Đông		1		
V	Trung tâm logistic	46,1		0	3	0	
1	Cảng cạn IDC Cổ Bi	19,2	Gia Lâm		1		Dự kiến sẽ mở rộng trong giai đoạn 2 thành 34,5ha
2	Cảng cạn IDC Đức Thượng	23,3	Hoài Đức		1		
3	Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh	3,6	Mê Linh		1		
VI	Khu CNTT tập trung	165,85		2	1	1	
1	Khu CNTT tập trung Cầu Giấy	8,3	Cầu Giấy	1			Chủ đầu tư là Ban quản lý Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - Hà Nội.
2	Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	43,5	Long Biên		1		Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Hanel. Đã cơ bản hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cơ bản và đang thu hút đầu tư.
3	Khu Công viên công nghệ thông tin	36,0	Long Biên	1			Nằm liền kề KCN Sài Đồng B, theo Quy hoạch ban đầu KCN Sài Đồng B (97ha), đã thực hiện 47ha, sau giao diện tích còn lại cho Tập đoàn Him Lam làm CĐT Khu công viên công nghệ thông tin
4	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công viên phần mềm tại xã Nguyên Khê, xã Tiên Dương và thị trấn Đông Anh	78,1	Đông Anh			1	Hiện tại, các Sở, ngành liên quan tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án.

Phụ lục 7: Một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
	I. LĨNH VỰC KINH TẾ				
1	Hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện lập Quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
2	Rà soát, sửa đổi quy định về phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, KTXH trên địa bàn TP	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
3	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; quy định định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội.	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý IV/2021	
4	Thực hiện Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021-2025	
5	Kế hoạch rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu thu ngân sách nhà nước phục vụ công tác quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2021, chuẩn bị dự toán năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.	Cục Thuế Thành phố	Các Sở, Ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	
6	Đề án nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm khai thác tăng thu, nuôi dưỡng nguồn thu - cơ cấu nguồn thu ngân sách của Thành phố theo hướng bền vững	Cục Thuế Thành phố	Các Sở, Ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
7	Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội (Bổ sung, sửa đổi Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND Thành phố).	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
8	Quyết định UBND Thành phố quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách của thành phố Hà Nội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
9	Chương trình hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện đề án các huyện thành lập quận đến năm 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; các Sở, ngành liên quan; các huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh, Hoài Đức, Đan Phượng	Quý II/2021	
10	Cơ chế cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận hỗ trợ các huyện khó khăn theo Nghị quyết số 115/2020/NQ-QH14 của Quốc hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
11	Kế hoạch hỗ trợ đầu tư cho cấp huyện để thực hiện một số chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII và giải quyết vấn đề an sinh xã hội, dân sinh bức xúc trên địa bàn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch Kiến trúc,... và UBND các huyện, thị xã	Quý II/2021	
12	Kế hoạch đầu tư bổ sung có mục tiêu xây dựng hạ tầng kết nối các huyện phía Nam theo thông báo số 53-TB/TU ngày 04/12/2020 của Thành ủy Hà Nội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Giao thông - Vận tải; các Sở, ngành liên quan; các huyện phía Nam	Quý II/2021	
13	Kế hoạch tổng thể rà soát toàn bộ các dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án có vốn đầu tư từ nước ngoài, biên bản ghi nhớ đã ký tại các hội nghị xúc tiến đầu tư; tổ chức đánh giá, phân loại, đôn đốc, hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và khai thác tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Công Thương, Văn hóa Thể thao, Giáo dục và Đào tạo; Cục Thuế; Cục Hải quan; Các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã liên quan	Quý II/2021	
14	Đề án/Kế hoạch đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển (kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông...)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Công Thương; các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	Quý III/2021	
15	Kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
16	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; Sở Ngoại vụ; các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2021	
17	Đề án khai thác nguồn lực từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, các sở ngành và UBND quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
18	Kế hoạch tổng thể công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Sở Tài chính	Các Tổng Công ty, Doanh nghiệp nhà nước; Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Năm 2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
19	Đề án khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản công.	Sở Tài chính	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Năm 2021	
20	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mua sắm tập trung, ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ mua sắm điện tử.	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, Ban, ngành liên quan	Quý II/2021	
21	Kế hoạch kiểm tra, rà soát, đánh giá hoạt động các quỹ tín dụng nhân dân để có biện pháp chấn chỉnh, củng cố tổ chức, hoạt động.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2021	
22	Kế hoạch kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt là tín dụng đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT...	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
23	Kế hoạch tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng; giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
24	Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	Các Sở, ngành liên quan	Quý II/2021	
25	Nghiên cứu, đề xuất tham mưu các nội dung tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra	Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan	Năm 2021	
26	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	Quý II/2021	
27	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế; UBND quận, huyện, Thị xã có liên quan	Quý III/2021	
28	Ban hành Sách trắng doanh nghiệp thành phố Hà Nội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
29	Thực hiện Kế hoạch số phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX; Các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
30	Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	Quý II/2021	
31	Đề án phát triển một số mô hình kinh tế mới (kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế chia sẻ,...) và đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức	Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan	Năm 2021	
32	Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành liên quan	Quý II/2021	
33	Chương trình hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	Quý III/2021	
34	Thực hiện chương trình, đề án: (1) Chương trình phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội); (2) Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025; (3) Kế hoạch thực hiện đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. (4) Đề án nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hóa chất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	2021-2025	
35	Thực hiện Kế hoạch thành lập và đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề theo quy hoạch	Sở Công Thương	các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	2021-2025	
36	Thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 16/9/2020 của Thành ủy Hà Nội triển khai Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
37	Kế hoạch phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã	2021-2025	
38	Thực hiện Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 20/8/2020 của UBND Thành phố về phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	Năm 2021-2025	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
39	Kế hoạch phát triển thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	Quý II/2021	
40	Đề án quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng; Cục Hải quan; Cục thuế; UBND các quận, huyện liên quan	Quý II/2021	
41	Kế hoạch quản lý đầu tư, cải tạo, phát triển hệ thống chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	Năm 2021	
42	Hoàn thành khảo sát, nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ đầu mối quốc tế nông sản tại huyện Gia Lâm và kêu gọi xã hội hóa đầu tư các chợ đầu mối trên địa bàn Thành phố.	Sở Công Thương	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Cục Thuế; Cục Hải quan; UBND huyện Gia Lâm	Quý III/2021	
43	Kế hoạch tổ chức các hoạt động liên kết vùng, hỗ trợ quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố; các hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế.	Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành, quận, huyện liên quan	Quý II/2021	
44	Đề án phát triển 02-05 khu công nghiệp mới; hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	BQL các Khu công nghiệp, chế xuất	Các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, Thị xã liên quan	Năm 2021	
45	Đề án xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Du lịch, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT; Khoa học và Công nghệ; Ngoại vụ; các sở, ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	Quý II/2021	
46	Kế hoạch phục hồi và cơ cấu lại ngành du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy, Văn phòng Thành ủy phối hợp; Văn phòng UBND Thành phố; các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
47	Kế hoạch kích cầu, phát triển du lịch nội địa theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ điểm đến, các sản phẩm du lịch. Hình thành một số sản phẩm mới phục vụ phát triển du lịch (mở rộng, phát triển không gian đi bộ, các tuyến phố ẩm thực,...); hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Hiệp hội du lịch, Câu lạc bộ du lịch; các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
48	Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá điểm đến du lịch Hà Nội trên các nền tảng số, hệ thống thông tin, truyền hình của Trung ương, Thành phố và các phương tiện truyền thông khác	Sở Du lịch	Sở Ngoại vụ; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL	Năm 2021	
49	Quy chế phối hợp quản lý cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm cụ thể hóa Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 sửa đổi một số điều của Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND của UBND Thành phố.	Sở Du lịch	Các Sở, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	
50	Kế hoạch phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức các chương trình quảng bá, sự kiện du lịch trước, trong và sau SEA Games31, ParaGames11	Sở Du lịch	Các sở: Văn hóa và Thể thao, Công Thương, Nông nghiệp & PTNT; Trung tâm Xúc tiến ĐTTMDL; các Sở, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã có liên quan	Năm 2021	
51	Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2016-2020	Cục Thống kê Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
52	Thiết lập Sân giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội; các Sở, ngành có liên quan	Quý II/2021	
53	Kế hoạch giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025; Thực hiện KH số 201/KH-UBND ngày 16/10/2020 của UBND Thành phố về phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	Quý II/2021	
54	Đề án khuyến khích phát triển loại hình ô tô đưa đón tập trung cho học sinh tại các trường trên địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội nhằm hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân, giảm ùn tắc giao thông	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	2021-2025	
55	Quy định xe chở người 4 bánh sử dụng động cơ điện phục vụ kinh doanh hoạt động theo khu vực trên địa bàn Thành phố	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
56	Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
57	Xây dựng bộ tiêu chí quy định về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
58	Xây dựng đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với giá thực tế của thị trường	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
59	Quy chế phối hợp về việc báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2022	
60	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế, Cục Hải quan; Công an Thành phố; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý IV/2021	
61	Kế hoạch hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Trung tâm xúc tiến ĐTTMDL; Cục Hải quan; Cục Thuế; Sở Nông nghiệp và PTNT; Các Sở, ngành liên quan	Quý II/2021	
62	Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	2021-2025	
63	Xây dựng và thực hiện Chương trình mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025.	Ban Dân tộc Thành phố	Các sở, ban, ngành và quận, huyện, Thị xã liên quan	Năm 2021	
64	Hướng dẫn công tác bố trí nguồn vốn, giải ngân, thanh quyết toán cho công tác quy hoạch xây dựng, đô thị (từ nguồn vốn ngân sách)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
65	Đề án xây dựng bộ dữ liệu, thống kê của ngành quy hoạch, xây dựng	Cục Thống kê Hà Nội	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2022	
66	Kế hoạch nâng cao chất lượng các khu, điểm du lịch gắn với di sản văn hóa, ẩm thực, làng nghề, làng cổ; tổ chức các cuộc thi tay nghề sáng tạo mẫu sản phẩm quà tặng phục vụ hoạt động du lịch Thủ đô	Sở Du lịch	Các sở: Văn hóa Thể thao, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
67	Chuyên đề số 05: Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án chậm tiến độ, chậm triển khai, đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021 -	
68	Chuyên đề số 10: “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; mua sắm, quản lý tài sản công trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025”.	Sở Tài chính	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021 -	
II. LĨNH VỰC ĐÔ THỊ					
69	Hoàn thành xây dựng 02-03 siêu thị, trung tâm thương mại lớn	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	2021-2025	
70	Triển khai đầu tư xây dựng 01 Tháp trung tâm tài chính	Các sở: Quy hoạch, Kiến trúc; Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	2021-2025	
71	Triển khai đầu tư xây dựng 01-02 khu outlet quy mô lớn	Các sở: Quy hoạch, Kiến trúc; Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	2021-2025	
72	Thực hiện Quy hoạch phân khu nội đô H1: H1-1 (A,B,C), H1-2, H1-3, H1-4	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Đã ban hành	
73	Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng (R1-5).	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Quý IV/2021	
74	Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống (R6).	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Quý IV/2021	
75	Quy hoạch phân khu thuộc các đô thị vệ tinh	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	2021-2022	
76	Quy hoạch xây dựng vùng huyện (Gia Lâm, Mê Linh, Sóc Sơn, Đan Phượng, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Chương Mỹ, Ba Vì)	UBND các huyện	Sở Quy hoạch Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành; Viện Quy hoạch xây dựng HN; các địa phương liên quan	2021-2022	
77	Quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng du lịch Ba Vì - Suối Hai	UBND huyện Ba Vì	Sở Quy hoạch Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành; Viện Quy hoạch xây dựng HN; các địa phương liên quan	2021-2025	
78	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng du lịch tại Sơn Tây, Sóc Sơn, Thạch Thất,...	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	2021-2023	
79	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng giáo dục - y tế, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp,...	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	2021-2025	
80	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	2021-2022	
81	Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý IV/2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
82	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	2021-2022	
83	Xây dựng các quy chế quản lý kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	Quý IV/2021	
84	Thiết kế đô thị trong khu vực nội đô lịch sử (các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Đống Đa, Hai Bà Trưng)	UBND các quận	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành liên quan	2021-2022	
85	Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông	UBND các quận, huyện, thị xã	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành liên quan	2021-2025	
86	Triển khai lập hồ sơ cấm mốc một số các tuyến đường, các tuyến hạ tầng kỹ thuật khung, các khu vực cấm xây dựng theo quy hoạch được duyệt	UBND các quận, huyện, thị xã, các chủ đầu tư dự án ĐTXD	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; UBND quận, huyện, thị xã liên quan	2021-2025	
87	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2023	
88	Quy hoạch bến, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Giao thông Vận tải	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; các Sở, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
89	Quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp với sử dụng đất	Ban Quản lý Đường sắt đô thị HN	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các sở, ban, ngành; Viện Quy hoạch xây dựng HN và quận, huyện, thị xã liên quan	2021-2022	
90	Quy định về công tác quản lý, bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Quý IV/2021	
91	Đề án thành lập Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật của Thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
92	Thiết kế các cầu qua sông Hồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	2021-2022	
93	Đề án phân vùng hạn chế hoạt động của xe máy phù hợp với cơ sở hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng tiến tới dừng hoạt động xe máy trên địa bàn các quận vào năm 2030	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	2021-2025	
94	Rà soát, sửa đổi ban hành cơ chế, chính sách tiếp tục trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	Quý II/2021	
95	Nghị quyết của HĐND TP về Chương trình mục tiêu nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng tại nội thành Thành phố.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	Quý II/2021	
96	Thực hiện Đề án đầu tư xây dựng huyện thành quận đến năm 2025 đối với 05 huyện: Hoài Đức, Đông Anh, Thanh Trì, Gia Lâm, Đan Phượng	UBND các huyện Hoài Đức, Đông Anh, Thanh Trì, Gia Lâm, Đan Phượng	Các Sở, ngành liên quan	2021-2025	
97	Triển khai đầu tư xây dựng 02-03 khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã liên quan	2021-2025	
98	Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2021	
99	Hoàn thành xây dựng Đề án khung cơ chế chính sách đặc thù để thúc đẩy tiến độ cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	Quý IV/2021	
100	Đề án cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ trên địa bàn Thành phố; Triển khai cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ và chuẩn bị triển khai các khu còn lại.	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	2021-2025	
101	Quyết định của UBND Thành phố ban hành Danh mục, Quy chế quản lý các công trình kiến trúc được xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	Năm 2022	
102	Quyết định của UBND Thành phố ban hành Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang các biệt thự cũ và các công trình kiến trúc được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	Năm 2022	
103	Quy định về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và các mục đích khác không phải để ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	Năm 2022	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
104	Kế hoạch rà soát, kiểm tra đánh giá 1.219 biệt thự và tổ chức kiểm định các biệt thự đã xuống cấp, nguy hiểm	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2022	
105	Thiết lập hồ sơ quản lý 1.219 biệt thự và tổ chức lập hồ sơ 3D đối với 222 biệt thự nhóm I	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	2022-2024	
106	Chỉnh trang 20 nhà biệt thự và 10 công trình kiến trúc có giá trị xây dựng trước năm 1954.	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	2021-2025	
107	Kế hoạch hàng năm kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2025	
108	Quyết định thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 và Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
109	Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
110	Kế hoạch hạ ngầm 100% hệ thống cáp điện lực, thông tin tại các khu vực phát triển đô thị, các tuyến đường cải tạo, xây dựng mới.	Sở Xây dựng	Các sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, Thị xã	Quý II/2021	
111	Tiếp tục triển khai hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trong khu vực khu phố cũ.	Sở Xây dựng	Các sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, Thị xã	2021-2025	
112	Kế hoạch chỉnh trang hè, đường phố trên địa bàn 12 quận với 180 tuyến	Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, tổng hợp; Giao các quận thực hiện	UBND các quận liên quan	2021-2025	
113	Hoàn thành trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Quy hoạch - Kiến trúc; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
114	Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
115	Kế hoạch trồng mới cây xanh (3,5 triệu cây xanh toàn Thành phố; 500 nghìn cây xanh đô thị) và chăm sóc, bảo vệ cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.	Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính; UBND các quận, huyện, thị xã.	Quý II/2021	
116	Rà soát, xác định và mở rộng tuyến phố đi bộ tại các địa điểm văn hóa, di tích, điểm thu hút khách du lịch và tụ điểm thương mại	Các sở: Quy hoạch, Kiến trúc; Văn hóa và Thể thao	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2025	
117	Phát triển, mở rộng 03-05 khu vực thành không gian, tuyến phố đi bộ	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Tây Hồ và các quận, huyện, thị xã liên quan	2021-2025	
118	Cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có; Đầu tư xây dựng mới 05 công viên, vườn hoa	Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, tổng hợp; Giao các quận, huyện thực hiện	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Hàng năm	
119	Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống chiếu sáng.	Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
120	Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Sở Quy hoạch Kiến trúc; Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	2021-2022	
121	Đề án "Nghiên cứu tổng thể các điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật xã hội phục vụ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn"	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Quý IV/2021	
122	Đề án phát triển kinh tế đô thị thành phố Hà Nội	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, Ban, ngành và UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	Năm 2021	
123	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu, xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa...	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QH XD	Quý IV/2021	
124	Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy hoạch xây dựng, đô thị	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QH XD	Quý III/2021	
125	Quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng, đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QH XD	Quý III/2021	
126	Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung bộ quy chuẩn địa phương về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QH XD	2021-2022	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
127	Đề án nghiên cứu, hướng dẫn về quy trình, nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, thống nhất trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	Quý IV/2021	
128	Quy định về cách tính dân số, số người/căn hộ trong các loại hình nhà ở chung cư, chung cư hỗn hợp, văn phòng - khách sạn có lưu trú (Condotel, officitel, biệt thự nghỉ dưỡng) trên địa bàn Thành phố.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD	2021-2022	
129	Quy định về việc chấp thuận Tổng mặt bằng, phương án kiến trúc các dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ hơn 5ha (<2ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) không phải lập quy hoạch chi tiết 1/500, nhằm rút ngắn thời gian lập dự án, tăng cường kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn Thủ đô	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD	Quý IV/2021	
130	Xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị (theo quy định của Luật Kiến trúc)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan	Quý IV/2021	
131	Xây dựng danh mục các đơn vị tổ chức hành nghề tư vấn thiết kế quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan lý nhà nước	Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	2021-2025	
132	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin kiểm soát và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, các khu vực có tranh chấp, khiếu kiện về xây dựng, đất đai (Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương)	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2025	
133	Chuyên đề số 04: “Giải pháp đẩy mạnh công tác quản lý, sử dụng nhà ở xã hội, nhà tái định cư, quản lý các biệt thự công, các công trình công cộng tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố.	Sở Xây dựng	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021-	
III. PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					
134	Kế hoạch kích cầu tiêu dùng, chương trình khuyến mại tập trung, phát triển các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP hàng năm	Sở Công Thương	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Du lịch, Y tế; các Sở, ngành liên quan	2021-2025	
135	Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, huyện, Thị xã	Năm 2021	
136	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đặc thù khuyến khích phát triển nông nghiệp và nông thôn thành phố Hà Nội.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, huyện, Thị xã	Quý III/2021	
137	Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; UBND các địa phương liên quan	Năm 2021	
138	Kế hoạch phát triển chăn nuôi gắn với xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp, cơ sở giết mổ tập trung với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế; UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	Quý II/2021	
139	Kế hoạch cơ cấu lại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hóa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2021	
140	Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; UBND các địa phương liên quan	Quý II/2021	
141	Kế hoạch phát triển chăn nuôi theo vùng xã trọng điểm, trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, gia trại có quy mô lớn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	Quý II/2021	
142	Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	Năm 2022	
143	Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	Năm 2021	
144	Kế hoạch phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	Năm 2023	
145	Quy hoạch phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2040	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	Năm 2021	
146	Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, huyện, Thị xã	Năm 2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
147	Xây dựng thí điểm Đề án xã nông thôn mới thông minh tại một số xã trên địa bàn Thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, huyện, Thị xã	Năm 2022	
148	Kế hoạch phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Các Sở, ban, ngành, huyện, Thị xã	Năm 2021	
149	Chương trình phát triển OCOP giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương; các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
150	Kế hoạch củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh Hợp tác xã Thành phố; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
151	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	Liên minh HTX Thành phố	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
152	Đề án nâng cao vai trò của Hội nông dân các cấp trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Hội nông dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
153	Kế hoạch phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, Thị xã	Quý II/2021	
154	Kế hoạch củng cố hệ thống thủy lợi, các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Quý II/2021	
155	Kế hoạch giám sát, kiểm dịch bệnh, quản lý chặt chẽ sản xuất, kinh doanh, buôn bán vật tư, thuốc thú y, nghiêm cấm sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công thương; Sở Y tế; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
156	Đề án phát triển nông nghiệp đô thị giai đoạn 2022-2026.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý III/2021	
157	Kế hoạch ứng dụng công nghệ nông nghiệp 4.0 cho sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
158	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 5 năm 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, Thị xã	Quý II/2021	
159	Xác định các vùng an toàn lương thực	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, Thị xã	2021-2023	
160	Chương trình đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển giống ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nuôi trồng thủy sản...).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Huyện Phú Xuyên; Huyện Mỹ Đức; Huyện Ứng Hòa	2021-2025	
161	Trung tâm Thiết kế sáng tạo sản phẩm làng nghề Hà Nội.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	2021-2025	
IV. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO					
162	Triển khai sâu rộng Bộ quy tắc ứng xử du lịch, chuẩn hóa thuyết minh các điểm du lịch, triển khai ứng xử văn minh du lịch cho cộng đồng dân cư một số điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn Thành phố.	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2021	
163	Kế hoạch nâng cao công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các quận, huyện liên quan	Quý III/2021	
164	Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	Quý III/2021	
165	Trung tâm Thiết kế sáng tạo Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	2021-2025	
166	Triển khai Giai đoạn II Đề án sắp xếp, phát triển và quản lý báo chí thành phố Hà Nội đến năm 2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp	Năm 2021	
167	Thành lập Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội trên cơ sở kiện toàn, mở rộng Công giao tiếp điện tử Hà Nội.	Sở Thông tin và Truyền thông	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp	Năm 2021	
168	Nghị quyết về phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
169	Kế hoạch tổ chức SEA Games 31 và Para games 11 tại Hà Nội.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện liên quan	Quý II/2021	
170	Kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao Thủ đô năm 2021-2022	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, ngành, quận, huyện có liên quan	Quý II/2021	
171	Kế hoạch tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, ngành, quận, huyện có liên quan	2021-2025	
172	Kế hoạch nâng cao chất lượng xây dựng danh hiệu phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị trên địa bàn TP giai đoạn 2021-2025.	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
173	Kế hoạch hoàn thiện, phát huy hiệu quả quy ước, hương ước trong xây dựng đời sống văn hoá cơ sở giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
174	Kế hoạch xây dựng mô hình làng văn hoá kiểu mẫu gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
175	Kế hoạch thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc Thành phố Hà Nội và Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
176	Kế hoạch nâng cao công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	Viện Bảo tồn di tích - Bộ VH-TT-DL; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
177	Kế hoạch bảo tồn và phát triển các đơn vị nghệ thuật ca kịch truyền thống chuyên nghiệp của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
178	Kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo, biển hiệu trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
179	Kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác trang trí, tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn Thành phố	Sở Văn hoá và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
180	Kế hoạch phát triển mô hình đọc sách trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hoá và Thể thao	UBND các huyện, thị xã	2021-2025	
181	Kế hoạch xây dựng, lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
182	Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học” giai đoạn 2020 – 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
183	Kế hoạch biên soạn, lồng ghép nội dung giáo dục nét văn hóa Hà Nội trong bộ tài liệu giáo dục địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
184	Nghị quyết xây dựng chính sách hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể Thành phố Hà Nội.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
185	Kế hoạch đào tạo vận động viên thành tích cao trọng điểm các môn Olympic và Asiad Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
186	Kế hoạch chuyển đổi vị trí việc làm đối với lực lượng huấn luyện viên; sắp xếp sử dụng nguồn huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao thuộc Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục, thể thao Hà Nội sau khi hoàn thành nhiệm vụ	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
187	Kế hoạch xây dựng cơ chế thu hút nhân tài thể thao Thủ đô giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC					
188	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã.	Quý II/2021	
189	Kế hoạch xây dựng trường điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý II/2021	
190	Kế hoạch xây dựng trường công lập chất lượng cao.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý II/2021	
191	Xây dựng Đề án sửa học đường giai đoạn 2021-2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; các quận, huyện, Thị xã.	Quý II/2021	
192	Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý II/2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
193	Đề án xây dựng danh mục nghề, định mức kinh tế kỹ thuật và tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, trong đó chú trọng đào tạo cho đối tượng là lao động nông thôn, lao động mất đất, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KT-XH trên địa bàn Thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Năm 2021	
194	Rà soát, xây dựng mạng lưới giáo dục phổ thông; xây dựng phát triển mô hình trường đào tạo liên cấp...	Sở Giáo dục	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý IV/2021	
195	Rà soát, xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục dạy nghề thành phố Hà Nội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý IV/2021	
196	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
197	Đề án nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo Thủ đô giai đoạn 2021-2025	Trường Đại học Thủ đô	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
198	Xây dựng chính sách hỗ trợ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
199	Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2020-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					
200	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
201	Thực hiện Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và truyền thông; Viện nghiên cứu KTXH; các Sở, ngành liên quan	Quý II/2021	
202	Kế hoạch/đề án hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế số, phần đầu đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
203	Kế hoạch đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, các chương trình miễn giảm phí dịch vụ thanh toán điện tử nhằm hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng, nhất là phí thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ hành chính công.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2021	
204	Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
205	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành	Quý IV/2021	
206	Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số gắn với phát triển hệ thống du lịch thông minh thành phố Hà Nội	Sở Du lịch	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2021	
207	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan	Quý II/2021	
208	Triển khai thực hiện các nội dung gia nhập mạng lưới "Các thành phố sáng tạo" theo tiêu chí, lộ trình đã cam kết với UNESCO.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Ngoại vụ; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
209	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế; UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	Quý II/2021	
210	Xây dựng Đề án thu học phí không dùng tiền mặt.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Hà Nội; Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2021	
211	Đề án giao thông thông minh.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	Theo tiến độ Xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	
212	Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ngành, quận liên quan	Quý II/2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
213	Đề án Xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
214	Xây dựng, hoàn chỉnh Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố Hà Nội	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
215	Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
216	Kế hoạch phát triển hạ tầng Bưu chính - Viễn thông phục vụ Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
217	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
218	Đề án xây dựng phần mềm hệ thống thông tin quy hoạch (tiếp tục thực hiện)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2025	
219	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu hợp nhất về quản lý quy hoạch - kiến trúc - xây dựng - phát triển đô thị trên toàn địa bàn thành phố Hà Nội	Viện Quy hoạch xây dựng	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	2021-2025	
220	Xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội trên nền tảng kỹ thuật công nghệ 4.0	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
221	“Mạng lưới sáng kiến Hà Nội” hoạt động theo nguyên tắc khoa học mở, đổi mới sáng tạo mở nhằm tạo kết nối, liên kết giữa người dân, cơ quan quản lý, doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn, các chuyên gia trong và ngoài nước, các trung tâm/chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực (Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ và chuyển đổi số, Chương trình đổi mới sáng tạo về chuyển đổi số, Trung tâm thiết kế sáng tạo Hà Nội, Chương trình hỗ trợ thanh niên Thủ đô khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Chương trình đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp) để tham vấn, giải quyết các vấn đề quan trọng đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội; Thành đoàn Hà Nội; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội; Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; các viện, trường, doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô	2021-2025	
222	Đề án xây dựng chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành liên quan	2021-2025	439-TB/TU 30/7/2021 2407/SNV-VP 23/8/2021
223	Đề án xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	2021-2025	
224	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, hỗ trợ áp dụng chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố; một số tập đoàn, doanh nghiệp trên địa bàn	2021-2025	
VII. LĨNH VỰC AN SINH XÃ HỘI					
225	Đề án Quản lý các cửa hàng kinh doanh an toàn thực phẩm trong chợ dân sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan.	Quý II/2021	
226	Quyết định chuẩn nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan.	Quý IV/2021	
227	Đề án thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
228	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý IV	
229	Kế hoạch về việc thực hiện các giải pháp, biện pháp thu hồi nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý IV	
230	Kế hoạch tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hành vi lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý IV	
231	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu về số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	Quý IV	
232	Kế hoạch/Đề án đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã theo hướng đảm bảo tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
233	Kế hoạch ứng dụng CNTT và các kỹ thuật mới trong y học; khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân phục vụ theo dõi, chăm sóc sức khỏe để giảm thời gian đăng ký, khám bệnh và điều trị.	Sở Y tế	Sở thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2021	
234	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2021	
235	Kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số.	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
236	Kế hoạch thực hiện chương trình chiến lược Quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2021	
237	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hoạt động, mô hình, đề án: Đề án tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh thông qua sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội...	Sở Y tế	Sở Văn hóa - Thể thao; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030				
238	Kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu 90-90-90 trong phòng, chống HIV/AIDS.	Sở Y tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
239	Rà soát, xây dựng mạng lưới các cơ sở y tế đảm bảo nghiên cứu, đào tạo, khám chữa chất lượng cao.	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2021	
240	Kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý I hàng năm	
241	Đề án tiếp tục tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống sản giao dịch việc làm thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
242	Kế hoạch nâng cao hiệu quả nguồn vốn vay giải quyết việc làm của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố; Sở Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
243	Quyết định phê duyệt Phương án Cứu trợ và đảm bảo đời sống nhân dân thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II hàng năm	
244	Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2022	
245	Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giường bệnh/vận dân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Sở KHĐT, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình VHXH; UBND các Q,H,TX	Quý II/2020	
246	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Ngành Y tế Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các Sở: Tài chính, Nội vụ, các trường Đại học, Cao đẳng Y, được	Quý II/2021	
247	Kế hoạch nâng cấp cải tạo, xây mới các trạm y tế duy trì tiêu chuẩn quốc gia y tế xã theo quy định của Bộ Y tế	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
248	Kế hoạch triển khai mô hình trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
249	Kế hoạch khám, quản lý sức khỏe cho người dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
250	Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
251	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng nâng cao mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý IV/2022	
252	Thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
253	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia người cao tuổi đến năm 2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
254	Đề án vận động nguồn lực bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	

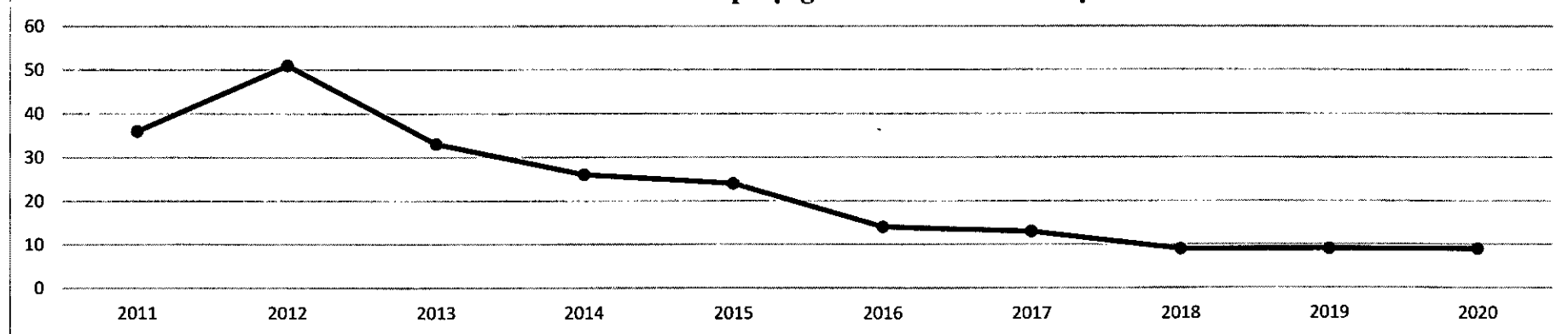
TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
255	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
256	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội đến năm 2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	Quý III/2021	
257	Thực hiện Nghị quyết số 03/2020/NQ ngày 07/07/2020 của HĐND Thành phố về chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hóa táng của thành phố Hà Nội.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
VIII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI					
258	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
259	Quy định về Quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
260	Kế hoạch hoàn thành các dự án phát triển nguồn tập trung và các dự án phát triển mạng cấp nước; đảm bảo an ninh nguồn nước, đảm bảo nhu cầu nước giai đoạn cao điểm và hoàn thành chỉ tiêu đề ra về tỷ lệ cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2021	
261	Kế hoạch đầu tư xây dựng các hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Quý II/2021	
262	Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng theo công nghệ hiện đại, phân loại, nghiền, tái chế sản phẩm sau xử lý tại các cửa ngõ Thủ đô.	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các địa phương liên quan; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quý II/2021	
263	Nghiên cứu xây dựng phương án phân loại rác thải sinh hoạt phù hợp với công nghệ xử lý theo lộ trình phù hợp; áp dụng cơ giới hoá trong thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoàn thành chỉ tiêu đề ra về tỷ lệ thu gom và vận chuyển rác thải.	Sở Xây dựng	UBND các quận, huyện, thị xã	Quý II/2021	
264	Kế hoạch triển khai lộ trình ngừng sử dụng các giếng khai thác nước ngầm.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	Năm 2021	
265	Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy trình giải phóng mặt bằng rút gọn theo Thông báo số 175/TB-VPCP ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan	Quý II/2021	
266	Phương án sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch Thành phố đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất thời kỳ đầu (giai đoạn 2020 - 2025).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	Năm 2021	
267	Kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất 5 năm 2021-2025.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý Đầu tư phát triển Thành phố; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý II/2021	
268	Kế hoạch hàng năm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra thực hiện các quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	2021-2025	
269	Đề án tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các khu, cụm công nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương; các huyện, Thị xã	2021-2025	
270	Hoàn thành xây dựng Danh mục và Kế hoạch thực hiện di dời ra khỏi nội đô các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận	Quý II/2021	
271	Hoàn thành công tác xây dựng hồ sơ địa chính tổng thể và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn Thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	Quý IV/2021	
272	Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đủ điều kiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ; UBND các quận, huyện, Thị xã	Năm 2021	
273	Hoàn thiện, điều chỉnh phương án quy hoạch rừng trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cắm mốc định ranh giới các loại rừng ngoài thực địa để quản lý rừng bền vững theo quy định (xác định các vùng sản xuất, hệ sinh thái và thực vật cần bảo vệ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	2021-2023	
274	Chuyển đề số 03: "Giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai; cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng, đất sử dụng trái mục đích trên địa bàn Thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021-	
IX. LĨNH VỰC NỘI VỤ, NỘI CHÍNH, ĐỐI NGOẠI					
275	Đề án nâng cao năng lực tự chủ về tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã.	Năm 2021	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
276	Thực hiện Kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã.	2021-2025	
277	Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã.	Quý II/2021	
278	Tiếp tục triển khai các kế hoạch, nội dung theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội.	Sở Nội vụ	Các quận; Sở, Ban, ngành liên quan.	Năm 2021	
279	Lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội (Theo Kế hoạch phối hợp giữa Bộ Tư pháp và UBND Thành phố).	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã.	Quý IV/2021	
280	Kế hoạch thực hiện Chương trình "Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2021-2025".	Thanh tra Thành phố Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã.	Quý II/2021	
281	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ về nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã.	Năm 2021	
282	Đề án tổng thể về nâng cao năng lực và đảm bảo an toàn PCCC, CNCH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã.	Năm 2021	
	Đề án xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ, sơ chỉ huy các cấp và đầu tư ngân sách địa phương Thành phố từng bước hiện đại hóa lực lượng vũ trang Thủ đô trong tình hình mới	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã.	Năm 2021	
283	Kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp Thành phố; một số sở, ban ngành của Thành phố; 30/30 quận, huyện, thị xã và 579 xã, phường, thị trấn	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã.	Quý III/2021	
284	Kế hoạch hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội nhằm đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giao lưu văn hóa trên địa bàn Thành phố để tăng cường kết nối, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực.	Sở Ngoại vụ	Các Sở, Ban, ngành liên quan	Quý III/2021	
285	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1542-QĐ/TU ngày 07/12/2016 của Thành ủy Hà Nội.	Sở Ngoại vụ	UBND các quận, huyện, thị xã; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Quý II/2021	
286	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa của Thành phố Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Nội vụ, UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
287	Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	2021-2025	
288	Kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại Bảo tàng Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Bảo tàng Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam và các cơ quan liên quan	2021-2025	
289	Chuyên đề số 01: "Đẩy mạnh công tác rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản, quy định pháp luật, các quy định liên quan đến cơ chế, chính sách để đảm bảo phù hợp trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	Thanh tra Thành phố	Các sở ngành, quận, huyện, thị xã	Từ Quý II/2021-	
290	Chuyên đề số 9: "Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ".	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021-	
291	Chuyên đề số 11: "Công tác kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ"	Thanh tra Thành phố	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Từ Quý II/2021-	
292	Rà soát, đôn đốc thực hiện các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có hiệu lực theo Hướng dẫn số 06-HD/BNCTW, ngày 16/4/2015 của Ban Nội chính Trung ương và các Quyết định, Kết luận có hiệu lực pháp luật nói chung trên địa bàn Thành phố.	Thanh tra Thành phố	Sở Tài chính	Quý IV/2021-	

Phụ lục 8: Xếp hạng chỉ số PCI của Hà Nội giai đoạn 2011-2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Năm 2020 so năm 2015 Tăng/Giảm bậc
	Chỉ số PCI	36	51	33	26	24	14	13	9	9	9	15
1	Gia nhập thị trường	14	31	50	62	63	63	62	6	10	61	2
2	Tiếp cận đất đai	59	63	62	62	63	63	59	56	41	56	7
3	Tính minh bạch	31	39	13	19	31	45	37	55	36	34	-3
4	Chi phí thời gian	57	54	62	58	59	53	15	22	21	27	32
5	Chi phí không chính thức	50	56	61	52	56	53	55	43	41	26	30
6	Cạnh tranh bình đẳng			54	60	57	61	58	62	56	52	5
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	54	61	61	63	59	62	62	57	45	44	15
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	1	10	2	4	5	2	2	5	4	13	-8
9	Đào tạo lao động	8	1	5	4	2	2	2	4	4	4	-2
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	34	56	62	60	60	59	59	58	45	52	8
		34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Biểu đồ 1: Xếp hạng Chỉ số PCI của Hà Nội

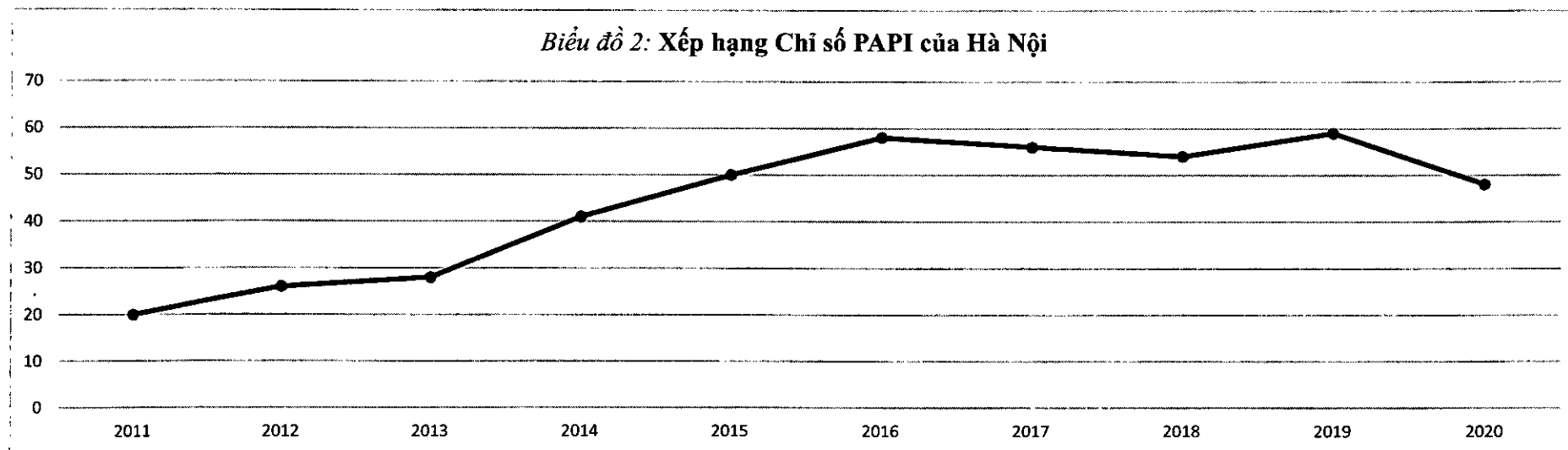


Phụ lục 9: Xếp hạng chỉ số PAPI của Hà Nội giai đoạn 2011-2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Năm 2020 so năm 2015 ** Tăng/Giảm bậc
	Chỉ số PAPI	20	26	28	41	50	58	56	54	59	48	2
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	11	19	18	16	21	33	34	40	29	22	-1
2	Công khai, minh bạch	13	10	10	25	41	55	53	42	55	39	2
3	Trách nhiệm giải trình với người dân	21	13	20	36	31	60	52	58	55	40	-9
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	55	53	52	58	60	58	54	55	57	46	14
5	Thủ tục hành chính công	31	40	39	38	52	32	49	20	52	53	-1
6	Cung ứng dịch vụ công	7	16	24	34	50	47	36	46	42	44	6
7	Quản trị môi trường *								61	62	60	1
8	Quản trị điện tử *								18	20	22	-4

* Năm 2018: Bổ sung thêm 02 chỉ tiêu về Quản trị môi trường và Quản trị điện tử

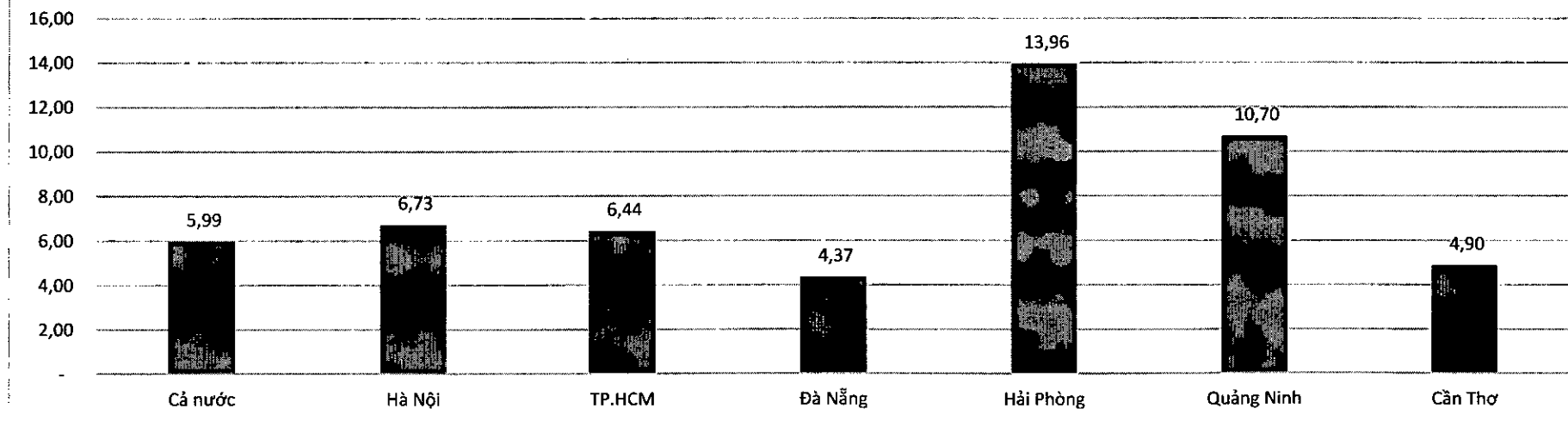
** Năm 2020: So sánh 02 chỉ tiêu mới bổ sung so với năm 2018



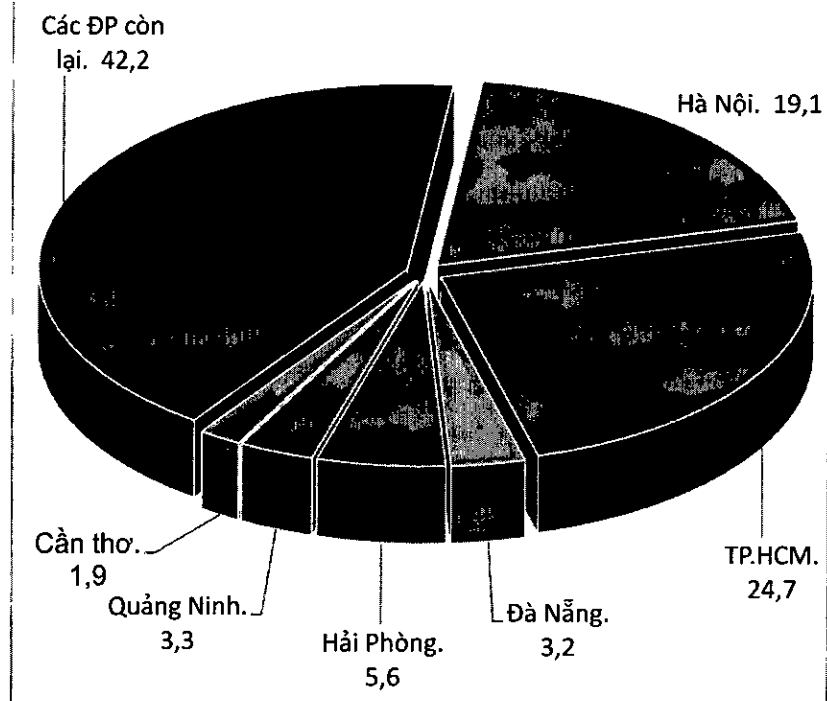
Phụ lục 10: So sánh một số chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu	Cả nước	Hà Nội	TP.HCM	Đà Nẵng	Hải Phòng	Quảng Ninh	Cần Thơ
1	Tăng trưởng GRDP bình quân 2016-2020, %	5,99	6,73	6,44	4,37	13,96	10,70	4,90
2	GRDP năm 2020 (giá hiện hành), triệu tỷ đồng	6,29	1,02	1,37	0,10	0,28	0,22	0,09
	Tỷ trọng trong GDP cả nước, %	100,0	16,2	21,8	1,6	4,4	3,5	1,4
3	GRDP/người năm 2020, triệu đồng	64,5	123,7	148,7	88,3	110,0	164,0	71,9
4	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2020, tỷ đồng	1.507.845	287.555	372.880	48.610	84.199	49.257	28.529
	Tỷ trọng trong thu ngân sách quốc gia, %	100,0	19,1	24,7	3,2	5,6	3,3	1,9
5	Kim ngạch xuất khẩu năm 2020, triệu USD	282.629	15.159	44.351	1.569	18.870	2.308	1.428
6	Kim ngạch nhập khẩu năm 2020, triệu USD	262.691	29.029	51.301	1.243	15.438	2.669	407

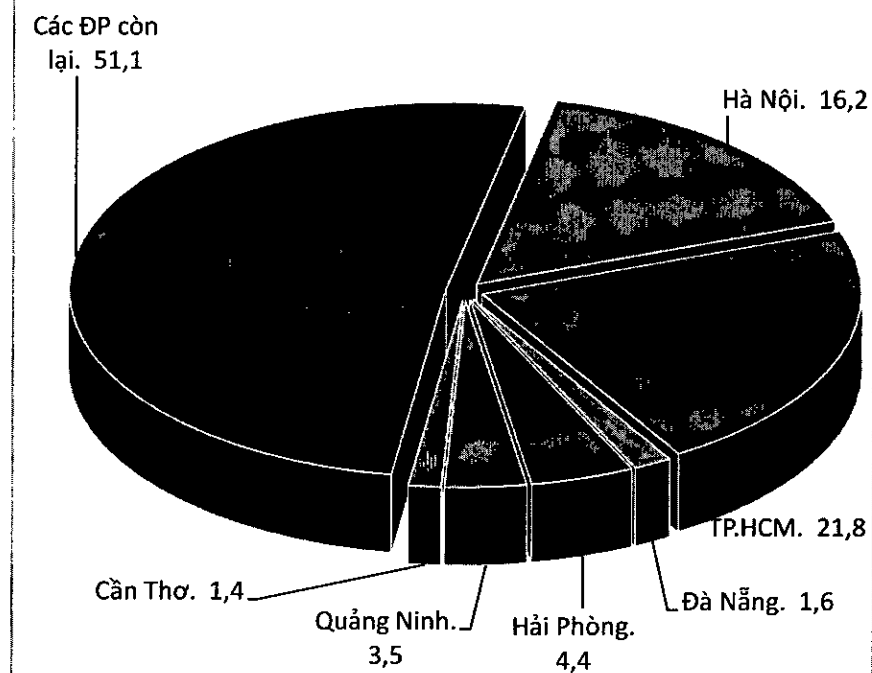
Biểu đồ 3: Tăng trưởng GRDP bình quân 2016-2020, %



Biểu đồ 4: Đóng góp của Hà Nội trong thu NS cả nước, %



Biểu đồ 5: Đóng góp của Hà Nội trong GDP cả nước, %



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025
của thành phố Hà Nội**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 2

(Từ ngày / đến ngày / /2021)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Xét báo cáo của UBND Thành phố; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; ý kiến của các đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; tạo bước chuyển căn bản sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa. Phát triển văn hóa và con người Hà Nội, phát huy truyền thống Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, ngàn năm văn hiến và anh hùng; Thành phố vì hòa bình, Thành phố sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị, dân cư, trật tự xây dựng, an toàn giao thông, đảm bảo kỷ cương, văn minh đô thị. Thực hiện thí điểm tổ chức thành công mô hình chính quyền đô thị, củng cố chính quyền nông thôn. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh, toàn diện, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh nhân dân vững chắc. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và giao lưu Nhân dân; tăng cường phối hợp, hợp tác với các ban, bộ, ngành Trung ương và liên kết các địa phương; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập, tăng cường vị thế, uy tín và vai trò của Thủ đô trong khu vực và quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025: 7,5-8,0%; trong đó: Dịch vụ: 8,0-8,5%; Công nghiệp và xây dựng 8,5-9,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2,5-3,0%. (2) Cơ cấu kinh tế năm 2025: Dịch vụ 65,0-65,5%; Công nghiệp và xây dựng 22,5-23,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,4-1,6%. (3) GRDP bình quân/người: 8.300-8.500USD. (4) Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 3,1-3,2 triệu tỷ đồng. (5) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%. (6) Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0-7,5%.

2.2. Về văn hóa - xã hội: (7) Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa: 75%; Thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa: 65%; Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 86-88%. (8) Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 80-85%. (9) Số giường bệnh/vạn dân: 30-35; Số bác sỹ/vạn dân: 15; Duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. (10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75-80%; Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ: 55-60%. (11) Tỷ lệ thất nghiệp thành thị: dưới 3%. (12) Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố.

2.3. Về quy hoạch, đô thị, nông thôn và môi trường: (13) Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 100%; Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 40%, NTM kiểu mẫu: 20%; Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp Thành phố. (14) Tỷ lệ đô thị hóa: 60-62%; Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu: 100%. (15) Diện tích nhà ở bình quân đạt 29,5 m² sàn /người. (16) Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%. (17) Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội đạt 30%. (18) Tỷ lệ hộ dân thành thị và nông thôn được cung cấp nước sạch: 100%. (19) Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn: 100%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý: 100%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%; Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải: 100%; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 50-55%. (20) Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 30-35%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phục hồi, phát triển kinh tế; Phát triển đồng bộ các loại thị trường; Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển kinh tế số, xã hội số

Quyết liệt thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm “3 trước”, “4 tại chỗ”, nghiêm túc thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế với tinh thần chủ động, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến các hoạt động KTXH và đời sống người dân. Thực hiện tiêm vắc xin phòng Covid-19 theo chiến dịch tiêm chủng vắc-xin quốc gia và kế

hoạch của Thành phố, phấn đấu đạt miễn dịch cộng đồng vào cuối năm 2021, đầu năm 2022.

Căn cứ tình hình đại dịch Covid-19, tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 được xây dựng thành 02 kịch bản như sau: (1) *GRDP tăng 7,5%*, năm 2021 tăng từ 3,97-4,54% và giai đoạn 2022-2025 tăng từ 8,25-8,40%/năm; (2) *GRDP tăng từ 6,5-7,0%*, năm 2021 tăng từ 3,97-4,54% và giai đoạn 2022-2025 tăng từ 7,0-7,77%/năm. Căn cứ tình hình thực tế và từng địa bàn cụ thể để lựa chọn ưu tiên, đảm bảo sức khỏe, tính mạng của người dân và an sinh xã hội.

Phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường bất động sản, đất đai, khoa học và công nghệ; Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên theo cơ chế thị trường. Quản lý, kiểm soát hiệu quả giá đất và nhà ở, bảo đảm phát triển thị trường bất động sản lành mạnh. Phát triển kinh tế đô thị, các mô hình và loại hình kinh doanh mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn...); Khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài sản công, hạ tầng đô thị...

Cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng mức đóng góp của TFP trong GRDP lên trên 50%, tỷ trọng đóng góp kinh tế số trong GRDP lên khoảng 30% vào năm 2025. Xây dựng hạ tầng số, hoàn thành số hóa toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư, đất đai, tài sản công...; phát triển kinh tế số, xã hội số, dịch vụ số; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị Thành phố.

Hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng, đẩy mạnh thu hút đầu tư, lấp đầy Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu công viên phần mềm Vintech. Đầu tư xây dựng khu công nghiệp Quang Minh II, Khu công nghệ cao sinh học, Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn. Thành lập các cụm công nghiệp còn lại theo Quy hoạch.

Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng: Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy; Tổ hợp vui chơi giải trí đa năng - trường đua ngựa; Đầu tư 01-02 trung tâm mua sắm dành cho khách du lịch. Quy hoạch và xây dựng, phát triển huyện Ba Vì thành vùng du lịch trọng điểm của Thành phố. Hình thành một số cụm du lịch trọng điểm. Phát triển, mở rộng 03-05 khu vực thành không gian, tuyến phố đi bộ. Số hóa 100% điểm đến du lịch. Kêu gọi đầu tư 01 Tháp trung tâm tài chính trên trục Nhật Tân – Nội Bài. Hình thành 01 trung tâm bán buôn, mua sắm cấp vùng, 03 trung tâm logistics, 15 trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, 80 siêu thị và 107 chợ. Phát triển thương mại điện tử, các hình thức thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại. Xây dựng Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái. Hoàn thành các cảng cạn: Cổ Bi, Đức Thượng và Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhân rộng các mô hình: Lúa chất lượng cao, hoa cây cảnh, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, kinh tế trang trại; các chuỗi sản xuất theo VietGAP, VietGHAP, GlobalGAP, HACCP, GMP.

Giảm dần diện tích trồng lúa, tăng diện tích trồng rau, đậu, diện tích nuôi trồng thủy sản. Phần đầu năm 2025, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 70%; sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo chuỗi liên kết trên 50%.

Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững. Siết chặt kỷ luật chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Xem xét lại phân cấp thu, chi ngân sách cho các quận, huyện, thị xã; xây dựng cơ chế phù hợp hỗ trợ nguồn lực cho các huyện còn khó khăn, 05 huyện được phê duyệt trở thành quận. Phát triển kinh tế tư nhân, thúc đẩy khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhân rộng các mô hình kinh tế HTX hoạt động có hiệu quả. Phần đầu hàng năm có thêm 70 HTX thành lập mới; nâng tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả lên trên 80,0% vào năm 2025.

Xã hội hóa đầu tư, huy động vốn trong và ngoài nước. Tái cơ cấu đầu tư công, bố trí vốn đầu tư công đúng định hướng. Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, giám sát đầu tư; rà soát, kiên quyết xử lý các dự án treo, các dự án chậm tiến độ. Thu hút đầu tư nước ngoài chủ động và có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, bãi bỏ các rào cản, tập trung vào việc nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, vốn đầu tư,...

3.2. Phát triển và quản lý đô thị theo hướng thông minh, xanh và bền vững

Xây dựng, trình phê duyệt Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, tổng hợp quy hoạch, trình điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô. Hoàn thành các quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống, các đô thị vệ tinh; Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông. Lập các quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nông thôn theo hướng xanh, hiện đại. Quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn gắn với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống.

Phát triển đồng bộ, hiện đại và mở rộng quy mô hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị. Phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải và bộ ngành liên quan hoàn thành 04 đồ án quy hoạch ngành quốc gia. Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm. Triển khai đầu tư xây dựng các cầu vượt sông Hồng. Phát triển các tuyến đường có tính kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối vùng nội vùng và liên vùng. Xây dựng nền tảng về hạ tầng kinh tế - xã hội tại khu vực huyện dự kiến thành quận giai đoạn 2025-2030 và những năm tiếp theo. Đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trên cao, đường sắt đô thị, các công trình ngầm gắn với khả năng kết nối đồng bộ giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng. Khởi công 01 tuyến, đưa vào vận hành 02-03 tuyến đường sắt đô thị. Phát triển mạng lưới giao thông tỉnh. Nâng tỷ lệ quỹ đất cho giao thông đô thị khoảng 12-15% diện tích đất đô thị.

Đầu tư mở rộng khu vực đô thị, xây dựng một số đô thị vệ tinh và đô thị thông minh gắn với quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Phần đầu diện tích nhà ở đạt 29,5 m² sàn/ người vào

năm 2025. Chuẩn bị đầu tư 05 khu nhà ở xã hội tập trung, 02 dự án nhà ở công nhân. Sử dụng tiền thu được từ giá trị quỹ đất 20%, 25% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Phấn đấu xây dựng khoảng 1,25 triệu m² sàn nhà ở, tương đương khoảng 25 nghìn căn hộ nhà ở xã hội. Bố trí ngân sách (cơ chế linh hoạt) để mua lại một số quỹ nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng và hoàn trả chi phí xây dựng tại một số dự án nhà ở thương mại có quỹ nhà tái định cư phải bàn giao cho Thành phố giai đoạn 2021-2025; Đầu tư xây dựng mới 05 dự án nhà tái định cư, khoảng 0,565 triệu m² sàn nhà ở. Cải tạo, xây dựng lại 02-03 khu chung cư cũ, ưu tiên cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ nguy hiểm và chuẩn bị triển khai các khu còn lại. Xây dựng khoảng 19,69 triệu m² sàn nhà ở thương mại. Triển khai đầu tư xây dựng 2-3 khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh. Thực hiện cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có; Đầu tư xây dựng mới 05 công viên, vườn hoa. Trồng mới 3,5 triệu cây xanh, trong đó 500 nghìn cây xanh đô thị, phấn đấu nâng diện tích xanh đạt 7,8-8,1m²/người vào năm 2025. Đầu tư thay thế đèn LED hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cảnh quan, mỹ thuật; hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trong khu vực khu phố cũ. Chính trang hè, đường tại 180 tuyến phố trên địa bàn 12 quận. Bổ sung, lắp đặt hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý trật tự đô thị, an toàn giao thông. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng cấp nước và một số nhà máy sử dụng nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, nâng tổng công suất khai thác của các nhà máy nước đạt từ 1,8-2,0 triệu m³/ngày đêm.

3.3. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, triển khai mạnh mẽ nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn khu vực ven đô theo tiêu chí đô thị, các huyện được phê duyệt thành quận theo quy hoạch. Đầu tư xây dựng 20 tuyến đường giao thông hạ tầng khung tại các huyện thuộc đề án lên quận; thực hiện cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống tưới tiêu, thoát nước thải, cấp nước sạch, nâng cấp các chợ dân sinh, xây dựng chợ đầu mối, xây dựng các khu chăn nuôi, khu giết mổ tập trung và tách sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm khỏi khu dân cư. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, gắn với thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với nông dân. Phấn đấu đến năm 2025, thu nhập khu vực nông thôn đạt 80 triệu đồng/người/năm trở lên. Tập trung giải quyết các vấn đề dân sinh, bức xúc, các vấn đề xã hội và an ninh ở nông thôn.

3.4. Phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp. Phát triển các trục không gian văn hoá dọc bờ Bắc và bờ Nam Sông Hồng, trục kết nối không gian thành cổ Hà Nội và trục Tây Hồ Tây - Hồ Tây - Cổ Loa nhằm tổ chức các không gian lễ hội văn hóa, các sự kiện văn hóa lớn của Thủ đô. Hình thành Trung tâm văn hóa Tây Hồ Tây, xây dựng công viên Thăng Long gắn với các công trình biểu tượng văn hóa Thủ đô. Phấn đấu có 03 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, 08 di

tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia. Thực hiện các nội dung mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” theo tiêu chí, lộ trình đã cam kết với UNESCO. Hoàn thành dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long và di tích Quốc gia đặc biệt Cổ Loa. Phát triển văn hóa đọc, xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, mạng xã hội. Nâng cao hiệu quả thực hiện 2 quy tắc ứng xử. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức. Kiên trì giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức thượng tôn pháp luật của người dân Hà Nội, nhất là thế hệ trẻ. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

3.5. Phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh. Đầu tư cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại. Xây dựng từ 3-5 trường liên cấp có diện tích từ 5 ha trở lên ở một số quận, huyện có điều kiện. Mở rộng mô hình hợp tác quốc tế, các mô hình đào tạo song bằng; duy trì tổ chức thường niên các cuộc thi học sinh giỏi cấp khu vực và quốc tế. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp phổ thông. Tăng cường công tác xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nhất là những ngành/ngành đang phát triển, những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Phấn đấu mỗi năm đào tạo nghề cho khoảng 230 nghìn lượt người.

3.6. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tập trung các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Đa dạng hóa, hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ, mua bán, nhượng quyền sử dụng... Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ; đặc biệt là công nghệ nguồn, công nghệ mới. Xây dựng, phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội và quốc gia. Phát triển CNTT và truyền thông, ứng dụng rộng rãi CNTT, công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển. Vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu Thành phố, kết nối đồng bộ, liên thông các cơ sở dữ liệu về dân cư, cán bộ, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, năng lượng... Cơ bản hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử của Thành phố trước năm 2025, hướng tới hình thành Chính quyền số thành phố Hà Nội. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phấn đấu đạt 100%.

3.7. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô.

Nâng cao năng lực hạ tầng y tế, chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; phấn đấu khám sức khỏe định kỳ hằng năm 100% người dân Thành phố. Tăng cường khả năng dự

bảo, giám sát, phát hiện, năng lực ứng phó, khống chế các dịch bệnh. Phát triển y tế phổ cập, mô hình bác sĩ gia đình, gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Hoàn thành xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu về dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo mức tăng dân số hợp lý và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Xây dựng và thực hiện Đề án tuyển chọn nhân lực thể thao thành tích cao, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030. Thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động. Duy trì các phiên giao dịch việc làm hàng ngày trên toàn bộ hệ thống 15 điểm sàn giao dịch. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội. Thực hiện tốt các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng xa trung tâm của Thủ đô. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

3.8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giải quyết dứt điểm công tác giao đất dịch vụ, các vướng mắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hoàn thành và chuẩn hóa hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai và tài nguyên. Nghiên cứu, quy hoạch phát triển không gian ngầm, phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng đất. Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng tài nguyên. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường. Khuyến khích mạnh mẽ các công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh... Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về môi trường, nhất là ở các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn quy mô cấp huyện, liên huyện, nhà máy phân bón hữu cơ. Phối hợp với các tỉnh lân cận và bộ, ban, ngành Trung ương đầu tư xây dựng các khu liên hợp xử lý rác phục vụ liên tỉnh sử dụng công nghệ đốt rác phát điện hiện đại và thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh các dự án xử lý rác thải và nghĩa trang đô thị, phấn đấu tỷ lệ hỏa táng đạt 73-75% vào năm 2025. Hoàn thành, đưa vào hoạt động nhà máy điện rác Sóc Sơn và khởi công Nhà máy điện rác Seraphin tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn trong năm 2021. Đầu tư hoàn thiện Trung tâm điều hành và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động. Xây dựng quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân. Rà soát các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sẵn sàng phương án khắc phục nếu có sự cố. Hoàn thành việc di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất, một số trường đại học, cơ sở khám, chữa bệnh theo quy hoạch. Tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ, ao. Hoàn thành dự án Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá và hệ thống thu gom nước thải, đưa nhà máy vào vận hành, khai

thác trong năm 2023. Đảm bảo thoát nước khu vực nội thành nhanh với trận mưa có cường độ dưới 100 mm/2 giờ (đối với hệ thống cống), dưới 310 mm/2 ngày (đối với toàn bộ hệ thống). Khởi thông dòng chảy các sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Tích... tích cực thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy. Thực hiện có hiệu quả Đề án Quản lý và giảm thiểu các rủi ro có thể trở thành thảm họa đối với Thành phố, các hoạt động của đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản trị rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tích cực tuyên truyền, PCCC và cứu hộ, cứu nạn; kiểm chế số vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn.

3.9. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo

Thực hiện hiệu quả Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị. Rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước từ Thành phố đến quận, huyện, xã, phường. Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, nhà ở, chính sách đãi ngộ hợp lý, đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy Nhà nước. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu. Nâng cao năng lực quản trị của các cấp chính quyền. Cải thiện xếp hạng các chỉ số SIPAS, PAPI. Siết chặt quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai, phân bổ ngân sách, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ, trong thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...

3.10. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Nâng cao hiệu quả hoạt động, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng. Tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, công chức; phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, củng cố niềm tin của Nhân dân.

3.11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; chú trọng tính lưỡng dụng của các công trình, vừa đảm bảo phục vụ dân sinh vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh khi có tình huống xảy ra trong công tác quy hoạch và xây dựng. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tăng cường các nguồn lực cho quốc phòng, đầu tư mua sắm trang bị kỹ thuật hiện đại cho lực lượng vũ trang. Tiếp tục xây dựng các công trình phòng thủ của Thành phố và các địa phương trong tình hình mới; tổ chức diễn tập khu vực

phòng thủ 30/30 quận, huyện, thị xã, 579 xã, phường, thị trấn và một số sở, ban ngành của Thành phố. Phấn đấu 100% chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn được đào tạo trung cấp chuyên ngành quân sự cơ sở trở lên. Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hòa bình, ổn định, an ninh và an toàn. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; phòng, chống các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật. Chú trọng, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm phi truyền thống, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm về môi trường... Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn.

3.12. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các ban, bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô, nhất là việc thực hiện Luật Thủ đô và các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ. Thực hiện tốt các nội dung hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội với các tỉnh, thành phố trong nước. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, phát huy thế mạnh của từng địa phương để cùng hợp tác phát triển trong tất cả các lĩnh vực. Thực hiện tốt vai trò trung tâm kinh tế - tài chính - dịch vụ chất lượng cao của vùng KTTĐ Bắc Bộ, khu vực phía Bắc và cả nước. Tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các địa phương trong xây dựng và triển khai các nhiệm vụ phát triển Thủ đô. Nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt những cơ hội, nhất là của các Hiệp định thương mại thế hệ mới; chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch. Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân; tăng cường tuyên truyền, thông tin đối ngoại, quảng bá, giới thiệu về Thủ đô với bạn bè quốc tế.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Đảm bảo một số cân đối lớn về: Thu, chi ngân sách nhà nước; Huy động vốn đầu tư phát triển xã hội; Cơ cấu sử dụng đất; Tạo việc làm mới; Điện thương phẩm phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

4.2. Giải pháp thực hiện chủ yếu

- Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Phát động và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, người lao động. Công khai, minh bạch các luật và văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước và Thành phố về khuyến khích sản xuất, kinh doanh, xã hội hóa đầu tư, về quy hoạch, kế hoạch... Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, thị trường xuất, nhập khẩu; tích cực tháo gỡ khó khăn và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy tăng trưởng.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách:

+ Khai thác triệt để các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là khai thác hiệu quả nguồn lực từ tài sản công, từ đất đai; rà soát các dự án treo, các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ để xử lý nghiêm và giao cho đơn vị khác có tiềm lực thực hiện; rà soát thủ tục đầu tư các dự án đã có cam kết đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện; Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội theo Nghị quyết của Quốc hội; các nguồn lực theo quy định của Luật Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu, kiến nghị Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô nhằm khai thác tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của Thủ đô. Rà soát, sửa đổi quy định về phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố. Xây dựng Quy định về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Xây dựng Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách; sửa đổi, hoàn thiện Quy định về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội...

+ Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa Thủ đô; tôn tạo, phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử, đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nhất là việc làm cho khu vực nông thôn; chuẩn bị nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng Cách mạng công nghiệp 4.0...

+ Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số; đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo đúng định hướng, thu hút đầu tư vào các khu, CCN trên địa bàn. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Nghiên cứu, ban hành cơ chế nhằm tích tụ, tập trung ruộng đất, cho thuê đất, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có đất để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung quy mô lớn...

+ Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phát triển, quản lý nhà ở, cải tạo và xây dựng lại các chung cư cũ; Đề án khung cơ chế chính sách đặc thù để thúc đẩy tiến độ cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ; cơ chế xử lý hiệu quả những vấn đề về nhà ở đô thị, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, xử lý chất thải và bảo đảm vệ sinh môi trường; quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân; cơ chế quản lý, giám sát minh bạch việc sử dụng các loại tài nguyên, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh; cơ chế, chính sách phát triển ngành giao thông vận tải, đồng bộ hạ tầng giao thông; thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, giảm ùn tắc giao thông; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng;...

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch bằng các chương trình, đề án, dự án và giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương, tập trung đảm bảo các cân đối lớn, trong đó một số nội dung trọng tâm như sau: Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024. Kế hoạch tài chính trung hạn 05 năm 2021-2025. Kế hoạch đầu tư công và Danh mục các công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025. Đề án khai thác nguồn lực từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố giai đoạn 2021-2025. Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vốn ngoài ngân sách nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giai đoạn 2021-2025. Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Chương trình phát triển nhà ở 2021-2025, định hướng đến năm 2050...

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao UBND Thành phố hoàn thiện và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch 5 năm thành kế hoạch hằng năm và chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện; chỉ đạo các cấp chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố và nhân dân Thủ đô phát huy vai trò làm chủ, cùng giám sát thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

HĐND Thành phố kêu gọi các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang, các cấp, các ngành và các đoàn thể Thủ đô nỗ lực phấn đấu thi đua hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố 5 năm 2021-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày / /2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Trang web của HĐND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn